PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 36/2013/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2013*

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lào Cai

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH LÀO CAI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BTNMT ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lào Cai được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh tỉnh Lào Cai được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Lào Cai và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

g) Trường hợp địa danh mới được bổ sung vào Danh mục và chưa có trên bản đồ địa hình quy định tại mục 1 Phần này thì phải thể hiện đầy đủ tên địa danh, nhóm đối tượng, tên ĐVHC cấp xã, tên ĐVHC cấp huyện.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH LÀO CAI

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lào Cai gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện
1	Thành phố Lào Cai
2	Huyện Bắc Hà
3	Huyện Bảo Thắng
4	Huyện Bảo Yên
5	Huyện Bát Xát
6	Huyện Mường Khương
7	Huyện Sa Pa
8	Huyện Si Ma Cai
9	Huyện Văn Bàn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 13	DC	P. Bắc Cường	TP. Lào Cai	22° 28' 03"	103° 58' 46"					F-48-40-B
tổ dân phố 15	DC	P. Bắc Cường	TP. Lào Cai	22° 27' 46"	103° 58' 35"					F-48-40-B
tổ dân phố 26	DC	P. Bắc Cường	TP. Lào Cai	22° 28' 32"	103° 58' 42"					F-48-40-B
tổ dân phố 27	DC	P. Bắc Cường	TP. Lào Cai	22° 28' 36"	103° 59' 09"					F-48-40-B
tổ dân phố 28	DC	P. Bắc Cường	TP. Lào Cai	22° 28' 18"	103° 58' 08"					F-48-40-B
tổ dân phố 30	DC	P. Bắc Cường	TP. Lào Cai	22° 26' 39"	103° 58' 25"					F-48-40-B
Ba Nậm Tứng	DC	P. Bắc Cường	TP. Lào Cai	22° 26' 21"	103° 58' 03"					F-48-40-B
bãi Đông Hà	SV	P. Bắc Cường	TP. Lào Cai	22° 28' 15"	103° 59' 52"					F-48-40-B
sông Hồng	TV	P. Bắc Cường	TP. Lào Cai			22° 29' 00"	103° 58' 53"	22° 27' 46"	103° 59' 59"	F-48-40-B
Khai Trường	DC	P. Bắc Cường	TP. Lào Cai	22° 27' 17"	103° 58' 11"					F-48-40-B
cầu Số 4	KX	P. Bắc Cường	TP. Lào Cai	22° 28' 26"	103° 58' 14"					F-48-40-B
tổ dân phố 14	DC	P. Bắc Lệnh	TP. Lào Cai	22° 25' 59"	104° 00' 27"					F-48-41-A
thôn Dạ	DC	P. Bình Minh	TP. Lào Cai	22° 24' 27"	104° 00' 41"					F-48-41-A
thôn Dạ 2	DC	P. Bình Minh	TP. Lào Cai	22° 25' 58"	104° 01' 30"					F-48-41-A
thôn Đất Đèn	DC	P. Bình Minh	TP. Lào Cai	22° 26' 38"	104° 01' 44"					F-48-41-A
ngòi Đường	TV	P. Bình Minh	TP. Lào Cai			22° 24' 10"	104° 00' 33"	22° 26' 01"	104° 02' 07"	F-48-41-A
sông Hồng	TV	P. Bình Minh	TP. Lào Cai			22° 27' 21"	104° 00' 29"	22° 25' 44"	104° 02' 29"	F-48-41-A
thôn Nhớn	DC	P. Bình Minh	TP. Lào Cai	22° 24' 44"	104° 01' 24"					F-48-41-A
thôn Tát	DC	P. Bình Minh	TP. Lào Cai	22° 25' 06"	103° 59' 47"					F-48-41-A
thôn Tát 2	DC	P. Bình Minh	TP. Lào Cai	22° 27' 06"	104° 01' 04"					F-48-40-B
thôn Vạch	DC	P. Bình Minh	TP. Lào Cai	22° 24' 05"	104° 01' 20"					F-48-41-A
cầu Cốc Lếu	KX	P. Duyên Hải	TP. Lào Cai	22° 30' 13"	103° 58' 02"					F-48-28-D
cầu Duyên Hải	KX	P. Duyên Hải	TP. Lào Cai	22° 30' 44"	103° 56' 33"					F-48-28-D
núi Nhạc Sơn	SV	P. Kim Tân	TP. Lào Cai	22° 29' 08"	103° 57' 32"					F-48-40-B
tổ dân phố 11	DC	P. Lào Cai	TP. Lào Cai	22° 31' 05"	103° 59' 20"					F-48-28-D
tổ dân phố 12	DC	P. Lào Cai	TP. Lào Cai	22° 31' 05"	104° 00' 00"					F-48-29-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Cốc Lếu	KX	P. Lào Cai	TP. Lào Cai	22° 30' 13"	103° 58' 02"					F-48-28-D
sông Nậm Thi	TV	P. Lào Cai	TP. Lào Cai			22° 31' 05"	104° 00' 14"	22° 30' 25"	103° 57' 44"	F-48-28-D
cửa khẩu Quốc tế Lào Cai	KX	P. Lào Cai	TP. Lào Cai	23° 30' 34"	104° 57' 46"					F-48-28-D
tổ dân phố 3	DC	P. Nam Cường	TP. Lào Cai	22° 26' 49"	103° 59' 21"					F-48-40-B
Cốc Sa	DC	P. Nam Cường	TP. Lào Cai	22° 26' 46"	104° 00' 09"					F-48-41-A
cầu Suối Đôi	KX	P. Nam Cường	TP. Lào Cai	22° 26' 49"	103° 59' 37"					F-48-40-B
ga Lào Cai	KX	P. Phố Mới	TP. Lào Cai	22° 29' 30"	103° 58' 41"					F-48-40-B
ga Pom Hán	KX	P. Pom Hán	TP. Lào Cai	22° 25' 06"	104° 01' 12"					F-48-41-A
nậm Thíp	TV	P. Xuân Tăng	TP. Lào Cai			22° 24' 28"	104° 02' 55"	22° 24' 51"	104° 03' 21"	F-48-41-A
thôn Củm Hạ	DC	xã Đồng Tuyển	TP. Lào Cai	22° 29' 53"	103° 56' 32"					F-48-40-B
thôn Củm Thượng	DC	xã Đồng Tuyển	TP. Lào Cai	22° 29' 07"	103° 57' 17"					F-48-40-B
cầu Duyên Hải	KX	xã Đồng Tuyển	TP. Lào Cai	22° 30' 44"	103° 56' 33"					F-48-28-D
thôn Đen	DC	xã Đồng Tuyển	TP. Lào Cai	22° 30' 39"	103° 56' 22"					F-48-28-D
thôn Giàng Thàng	DC	xã Đồng Tuyển	TP. Lào Cai	22° 28' 16"	103° 57' 39"					F-48-40-B
thôn Kim Thành	DC	xã Đồng Tuyển	TP. Lào Cai	22° 31' 14"	103° 56' 12"					F-48-28-D
núi Nhạc Sơn	SV	xã Đồng Tuyển	TP. Lào Cai	22° 29' 08"	103° 57' 32"					F-48-40-B
thôn Tòng Mòn	DC	xã Đồng Tuyển	TP. Lào Cai	22° 28' 24"	103° 57' 12"					F-48-40-B
thôn Bắc Công	DC	xã Hợp Thành	TP. Lào Cai	22° 22' 07"	104° 00' 51"					F-48-41-A
thôn Cáng	DC	xã Hợp Thành	TP. Lào Cai	22° 22' 33"	104° 00' 08"					F-48-41-A
thôn Cốc Cài	DC	xã Hợp Thành	TP. Lào Cai	22° 22' 18"	104° 00' 17"					F-48-41-A
thôn Nậm Rịa	DC	xã Hợp Thành	TP. Lào Cai	22° 21' 50"	104° 01' 23"					F-48-41-A
thôn Pèng	DC	xã Hợp Thành	TP. Lào Cai	22° 23' 12"	103° 59' 27"					F-48-40-B
thôn Thành Châu	DC	xã Hợp Thành	TP. Lào Cai	22° 22' 45"	104° 00' 53"					F-48-41-A
thôn Tượng	DC	xã Hợp Thành	TP. Lào Cai	22° 22' 15"	104° 00' 32"					F-48-41-A
suối Cam	TV	xã Tả Phời	TP. Lào Cai			22° 20' 53"	103° 56' 11"	22° 22' 18"	103° 57' 54"	F-48-40-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
dãy Can Thàng	SV	xã Tả Phời	TP. Lào Cai	22° 19' 10"	103° 56' 54"					F-48-40-B
suối Can Thàng	TV	xã Tả Phời	TP. Lào Cai			22° 20' 25"	103° 54' 57"	22° 20' 53"	103° 56' 11"	F-48-40-B
thôn Cóc	DC	xã Tả Phời	TP. Lào Cai	22° 23' 39"	103° 58' 38"					F-48-40-B
thôn Đa Đinh	DC	xã Tả Phời	TP. Lào Cai	22° 25' 36"	103° 57' 44"					F-48-40-B
ngòi Đương	TV	xã Tả Phời	TP. Lào Cai			22° 22' 18"	103° 57' 54"	22° 24' 10"	104° 00' 33"	F-48-40-B
thôn Hẻo	DC	xã Tả Phời	TP. Lào Cai	22° 23' 54"	104° 00' 19"					F-48-41-A
suối Làng Cóc	TV	xã Tả Phời	TP. Lào Cai			22° 23' 22"	103° 57' 56"	22° 23' 54"	103° 59' 06"	F-48-40-B
cầu Làng Cóc	KX	xã Tả Phời	TP. Lào Cai	22° 23' 50"	103° 59' 04"					F-48-40-B
thôn Láo Lý	DC	xã Tả Phời	TP. Lào Cai	22° 23' 21"	103° 57' 56"					F-48-40-B
thôn Phân Lân	DC	xã Tả Phời	TP. Lào Cai	22° 23' 17"	103° 59' 14"					F-48-40-B
thôn Phìn Hồ Thầu	DC	xã Tả Phời	TP. Lào Cai	22° 20' 10"	103° 57' 53"					F-48-40-B
thôn Phời	DC	xã Tả Phời	TP. Lào Cai	22° 24' 12"	103° 58' 23"					F-48-40-B
thôn Séo Tả	DC	xã Tả Phời	TP. Lào Cai	22° 25' 10"	103° 57' 54"					F-48-40-B
thôn Trạm Thải	DC	xã Tả Phời	TP. Lào Cai	22° 24' 05"	103° 59' 50"					F-48-40-B
thôn Ú Sì Sung	DC	xã Tả Phời	TP. Lào Cai	22° 22' 01"	103° 57' 06"					F-48-40-B
thôn Cầu Xum	DC	xã Vạn Hòa	TP. Lào Cai	22° 28' 09"	104° 01' 53"					F-48-41-A
thôn Giang Đông	DC	xã Vạn Hòa	TP. Lào Cai	22° 27' 45"	104° 00' 21"					F-48-41-A
sông Hồng	TV	xã Vạn Hòa	TP. Lào Cai			22° 29' 08"	103° 58' 40"	22° 27' 20"	104° 01' 21"	F-48-40-B
thôn Sơn Mãn	DC	xã Vạn Hòa	TP. Lào Cai	22° 29' 02"	103° 59' 13"					F-48-40-B
thôn Làng Cù	DC	xã Bản Cái	H. Bắc Hà	22° 22' 00"	104° 25' 00"					F-48-41-B
thôn Làng Quỳ	DC	xã Bản Cái	H. Bắc Hà	22° 20' 48"	104° 25' 54"					F-48-41-B
suối Làng Rạng	TV	xã Bản Cái	H. Bắc Hà			22° 20' 21"	104° 26' 46"	22° 19' 34"	104° 26' 01"	F-48-41-B
thôn Làng Tát	DC	xã Bản Cái	H. Bắc Hà	22° 20' 41"	104° 24' 22"					F-48-41-B
thôn Ma Sín Chải	DC	xã Bản Cái	H. Bắc Hà	22° 22' 14"	104° 23' 48"					F-48-41-B
suối Quý Pao	TV	xã Bản Cái	H. Bắc Hà			22° 21' 22"	104° 24' 02"	22° 20' 25"	104° 23' 21"	F-48-41-B
thôn Bản Già	DC	xã Bản Già	H. Bắc Hà	22° 37' 21"	104° 23' 27"					F-48-29-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lù Sui Tủng	DC	xã Bản Già	H. Bắc Hà	22° 36' 28"	104° 23' 15"					F-48-29-D
suối Lù Sui Tủng	TV	xã Bản Già	H. Bắc Hà			22° 36' 29"	104° 24' 33"	22° 37' 18"	104° 22' 55"	F-48-29-D
thôn Nậm Xỏm	DC	xã Bản Già	H. Bắc Hà	22° 37' 05"	104° 25' 24"					F-48-29-D
suối Bắc Nà	TV	xã Bản Liền	H. Bắc Hà			22° 30' 30"	104° 20' 06"	22° 28' 22"	104° 20' 58"	F-48-41-B
đèo Bản Liền	SV	xã Bản Liền	H. Bắc Hà	22° 31' 34"	104° 15' 02"					F-48-29-D
suối Bản Liền	TV	xã Bản Liền	H. Bắc Hà			22° 33' 11"	104° 24' 10"	22° 28' 22"	104° 20' 58"	F-48-29-D
thôn Đội 2	DC	xã Bản Liền	H. Bắc Hà	22° 31' 13"	104° 23' 49"					F-48-29-D
thôn Đội 3	DC	xã Bản Liền	H. Bắc Hà	22° 30' 26"	104° 23' 24"					F-48-29-D
thôn Đội 4	DC	xã Bản Liền	H. Bắc Hà	22° 30' 52"	104° 25' 44"					F-48-29-D
thôn Khu Chu Tủng 1	DC	xã Bản Liền	H. Bắc Hà	22° 31' 29"	104° 22' 12"					F-48-29-D
thôn Khu Chu Tủng 2	DC	xã Bản Liền	H. Bắc Hà	22° 29' 52"	104° 22' 53"					F-48-41-B
thôn Nậm Tồn	DC	xã Bản Liền	H. Bắc Hà	22° 29' 33"	104° 21' 38"					F-48-41-B
thôn Sa Pỉn	DC	xã Bản Liền	H. Bắc Hà	22° 29' 00"	104° 23' 36"					F-48-41-B
khau Tang	SV	xã Bản Liền	H. Bắc Hà	22° 30' 17"	104° 26' 35"					F-48-29-D
thôn Xà Phìn	DC	xã Bản Liền	H. Bắc Hà	22° 30' 06"	104° 25' 10"					F-48-29-D
thôn Bản Phố 1	DC	xã Bản Phố	H. Bắc Hà	22° 33' 31"	104° 16' 16"					F-48-29-D
thôn Bản Phố 2A	DC	xã Bản Phố	H. Bắc Hà	22° 32' 45"	104° 16' 36"					F-48-29-D
suối Cá	TV	xã Bản Phố	H. Bắc Hà			22° 34' 15"	104° 15' 59"	22° 32' 08"	104° 14' 03"	F-48-29-C
thôn Kháo Sáo	DC	xã Bản Phố	H. Bắc Hà	22° 34' 24"	104° 17' 00"					F-48-29-D
thôn Phéc Bủng	DC	xã Bản Phố	H. Bắc Hà	22° 33' 26"	104° 16' 56"					F-48-29-D
thôn Quán Dín Ngài	DC	xã Bản Phố	H. Bắc Hà	22° 33' 44"	104° 17' 09"					F-48-29-D
đường tỉnh 153	KX	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà			22° 28' 08"	104° 15' 28"	22° 23' 32"	104° 14' 06"	F-48-41-B
thôn Bản Mẹt Ngoài	DC	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà	22° 25' 39"	104° 17' 21"					F-48-41-B
thôn Bản Tâu 2	DC	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà	22° 26' 17"	104° 13' 40"					F-48-41-A
thôn Bảo Nhai	DC	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà	22° 26' 13"	104° 16' 40"					F-48-41-B
thôn Bảo Tân I	DC	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà	22° 24' 57"	104° 15' 30"					F-48-41-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nậm Can	TV	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà			22° 23' 33"	104° 14' 07"	22° 24' 39"	104° 15' 52"	F-48-41-A
sông Chảy	TV	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà			22° 28' 59"	104° 11' 48"	22° 24' 24"	104° 16' 17"	F-48-41-A
thôn Cốc Coọc	DC	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà	22° 25' 46"	104° 15' 24"					F-48-41-B
thôn Khởi Bung	DC	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà	22° 24' 06"	104° 15' 25"					F-48-41-B
thôn Khởi Xá Ngoài	DC	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà	22° 24' 07"	104° 14' 19"					F-48-41-A
thôn Khởi Xá Trong	DC	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà	22° 24' 28"	104° 14' 28"					F-48-41-A
bản Mẹt Thượng	DC	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà	22° 25' 01"	104° 14' 50"					F-48-41-A
bản Mẹt Trong	DC	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà	22° 26' 22"	104° 15' 04"					F-48-41-B
thôn Na Le	DC	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà	22° 27' 57"	104° 12' 05"					F-48-41-A
thôn Nậm Giàng	DC	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà	22° 25' 13"	104° 16' 05"					F-48-41-B
thôn Nậm Kháp Ngoài	DC	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà	22° 24' 41"	104° 15' 30"					F-48-41-B
thôn Nậm Trì Ngoài	DC	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà	22° 26' 25"	104° 15' 51"					F-48-41-B
thôn Nậm Trì Trong	DC	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà	22° 25' 36"	104° 15' 43"					F-48-41-B
thôn Phìn Giàng	DC	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà	22° 14' 28"	104° 11' 42"					F-48-41-A
thôn Trung Đô	DC	xã Bảo Nhai	H. Bắc Hà	22° 27' 11"	104° 15' 14"					F-48-41-B
làng Chảng	DC	xã Cốc Lầu	H. Bắc Hà	22° 22' 37"	104° 16' 14"					F-48-41-B
sông Chảy	TV	xã Cốc Lầu	H. Bắc Hà			22° 24' 41"	104° 15' 52"	22° 20' 46"	104° 22' 35"	F-48-41-B
thôn Cốc Lầu	DC	xã Cốc Lầu	H. Bắc Hà	22° 21' 32"	104° 20' 23"					F-48-41-B
bản Giàng	DC	xã Cốc Lầu	H. Bắc Hà	22° 23' 26"	104° 16' 32"					F-48-41-B
thôn Hà Tiên	DC	xã Cốc Lầu	H. Bắc Hà	22° 23' 20"	104° 17' 02"					F-48-41-B
thôn Khe Thượng	DC	xã Cốc Lầu	H. Bắc Hà	22° 22' 07"	104° 17' 28"					F-48-41-B
thôn Kho Lạt	DC	xã Cốc Lầu	H. Bắc Hà	22° 22' 38"	104° 20' 21"					F-48-41-B
suối Làng Chảng	TV	xã Cốc Lầu	H. Bắc Hà			22° 22' 21"	104° 16' 28"	22° 23' 26"	104° 16' 59"	F-48-41-B
suối Làng Kho 5	TV	xã Cốc Lầu	H. Bắc Hà			22° 22' 30"	104° 17' 57"	22° 23' 19"	104° 18' 59"	F-48-41-B
làng Mới	DC	xã Cốc Lầu	H. Bắc Hà	22° 22' 23"	104° 18' 32"					F-48-41-B
cầu Nậm Tôn	KX	xã Cốc Lầu	H. Bắc Hà	22° 22' 58"	104° 19' 50"					F-48-41-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe Thượng	TV	xã Cốc Lầu	H. Bắc Hà			22° 22' 20"	104° 17' 30"	22° 23' 20"	104° 17' 38"	F-48-41-B
làng Bom	DC	xã Cốc Ly	H. Bắc Hà	22° 30' 49"	104° 10' 58"					F-48-29-C
thôn Cốc Ly Thượng	DC	xã Cốc Ly	H. Bắc Hà	22° 31' 27"	104° 11' 50"					F-48-29-C
thôn Cốc Sâm	DC	xã Cốc Ly	H. Bắc Hà	22° 29' 23"	104° 12' 25"					F-48-41-A
làng Đá	DC	xã Cốc Ly	H. Bắc Hà	22° 30' 49"	104° 30' 38"					F-48-29-C
thôn Đá	DC	xã Cốc Ly	H. Bắc Hà	22° 29' 28"	104° 10' 30"					F-48-41-A
nậm Hu	TV	xã Cốc Ly	H. Bắc Hà			22° 32' 07"	104° 14' 03"	22° 30' 58"	104° 12' 00"	F-48-29-C
thôn Làng Pàm	DC	xã Cốc Ly	H. Bắc Hà	22° 29' 56"	104° 10' 11"					F-48-41-A
thôn Lều Nương	DC	xã Cốc Ly	H. Bắc Hà	22° 31' 28"	104° 12' 56"					F-48-29-C
thôn Lùng Xa	DC	xã Cốc Ly	H. Bắc Hà	22° 28' 07"	104° 11' 11"					F-48-41-A
thôn Nậm Giá	DC	xã Cốc Ly	H. Bắc Hà	22° 31' 18"	104° 13' 58"					F-48-29-C
thôn Nậm Hu	DC	xã Cốc Ly	H. Bắc Hà	22° 32' 36"	104° 13' 58"					F-48-29-C
thôn Nậm Ké	DC	xã Cốc Ly	H. Bắc Hà	22° 30' 10"	104° 12' 59"					F-48-29-C
thôn Sín Chải	DC	xã Cốc Ly	H. Bắc Hà	22° 30' 06"	104° 10' 37"					F-48-29-C
thôn Thẩm Phúc	DC	xã Cốc Ly	H. Bắc Hà	22° 30' 13"	104° 12' 02"					F-48-29-C
thôn Bản Pấy 1	DC	xã Hoàng Thu Phố	H. Bắc Hà	22° 33' 39"	104° 12' 54"					F-48-29-C
thôn Bản Pấy 2	DC	xã Hoàng Thu Phố	H. Bắc Hà	22° 24' 20"	104° 13' 46"					F-48-29-C
suối Cá	TV	xã Hoàng Thu Phố	H. Bắc Hà			22° 34' 15"	104° 15' 59"	22° 32' 08"	104° 14' 03"	F-48-29-D, F-48-29-C
sông Chảy	TV	xã Hoàng Thu Phố	H. Bắc Hà			22° 35' 12"	104° 12' 20"	22° 32' 15"	104° 20' 00"	F-48-29-C
thôn Hoàng Hạ	DC	xã Hoàng Thu Phố	H. Bắc Hà	22° 34' 42"	104° 15' 10"					F-48-29-D
thôn Lao Phù Sáng	DC	xã Hoàng Thu Phố	H. Bắc Hà	22° 15' 20"	104° 13' 39"					F-48-29-C
thôn Nhù Sang	DC	xã Hoàng Thu Phố	H. Bắc Hà	22° 35' 12"	104° 15' 50"					F-48-29-D
thôn Sín Chồ 1	DC	xã Hoàng Thu Phố	H. Bắc Hà	22° 33' 28"	104° 15' 10"					F-48-29-D
thôn Sín Giáo Ngài	DC	xã Hoàng Thu Phố	H. Bắc Hà	22° 33' 54"	104° 14' 51"					F-48-29-C
thôn Tả Thồ	DC	xã Hoàng Thu Phố	H. Bắc Hà	22° 34' 20"	104° 13' 09"					F-48-29-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Yên Sơn	TV	xã Hoàng Thu Phố	H. Bắc Hà			22° 35' 27"	104° 13' 54"	22° 35' 12"	104° 12' 22"	F-48-29-C
thôn Dì Thào Ván	DC	xã Lầu Thí Ngài	H. Bắc Hà	22° 33' 54"	104° 19' 53"					F-48-29-D
thôn Dín Tủng	DC	xã Lầu Thí Ngài	H. Bắc Hà	22° 34' 29"	104° 20' 59"					F-48-29-D
thôn Lử Chồ	DC	xã Lầu Thí Ngài	H. Bắc Hà	22° 34' 34"	104° 19' 07"					F-48-29-D
thôn Lử Chồ 1	DC	xã Lầu Thí Ngài	H. Bắc Hà	22° 34' 16"	104° 19' 28"					F-48-29-D
thôn Lử Chồ 2	DC	xã Lầu Thí Ngài	H. Bắc Hà	22° 34' 43"	104° 21' 08"					F-48-29-D
thôn Pờ Chồ 2	DC	xã Lầu Thí Ngài	H. Bắc Hà	22° 34' 26"	104° 18' 19"					F-48-29-D
suối Tả Hồ	TV	xã Lầu Thí Ngài	H. Bắc Hà			22° 35' 18"	104° 19' 11"	22° 33' 12"	104° 18' 00"	F-48-29-D
sông Chảy	TV	xã Lùng Cải	H. Bắc Hà			22° 40' 54"	104° 23' 47"	22° 40' 27"	104° 21' 38"	F-48-29-D
thôn Hoàng Nhì Phố	DC	xã Lùng Cải	H. Bắc Hà	22° 38' 44"	104° 22' 19"					F-48-29-D
thôn Lao Chải	DC	xã Lùng Cải	H. Bắc Hà	22° 39' 25"	104° 24' 09"					F-48-29-D
núi Pù Trù Ván	SV	xã Lùng Cải	H. Bắc Hà	22° 38' 27"	104° 24' 04"					F-48-29-D
thôn Sán Chá	DC	xã Lùng Cải	H. Bắc Hà	22° 37' 22"	104° 22' 49"					F-48-29-D
thôn Sán Trá	DC	xã Lùng Cải	H. Bắc Hà	22° 38' 45"	104° 22' 11"					F-48-29-D
thôn Sảng Chải	DC	xã Lùng Cải	H. Bắc Hà	22° 39' 44"	104° 23' 16"					F-48-29-D
thôn Sảng Lùng Chín	DC	xã Lùng Cải	H. Bắc Hà	22° 37' 54"	104° 22' 05"					F-48-29-D
thôn Sẻ Chải	DC	xã Lùng Cải	H. Bắc Hà	22° 39' 53"	104° 23' 12"					F-48-29-D
thôn Sín Chải Cờ Cải	DC	xã Lùng Cải	H. Bắc Hà	22° 39' 27"	104° 57' 29"					F-48-29-D
thôn Thìn Ván	DC	xã Lùng Cải	H. Bắc Hà	22° 38' 15"	104° 23' 57"					F-48-29-D
thôn Pả Chư Tỷ	DC	xã Lùng Phình	H. Bắc Hà	22° 36' 34"	104° 21' 16"					F-48-29-D
quốc lộ 4	KX	xã Na Hối	H. Bắc Hà			22° 31' 57"	104° 17' 28"	22° 29' 28"	104° 16' 22"	F-48-29-D
suối Bắc Hà	TV	xã Na Hối	H. Bắc Hà			22° 31' 26"	104° 18' 05"	22° 30' 46"	104° 19' 08"	F-48-29-D
đường tỉnh Bắc Ngầm - Si Ma Cai	KX	xã Na Hối	H. Bắc Hà			22° 31' 59"	104° 17' 27"	22° 30' 53"	104° 17' 30"	F-48-29-D
núi Bản Ngồ	SV	xã Na Hối	H. Bắc Hà	22° 29' 54"	104° 17' 15"					F-48-41-B
thôn Chìu Cái	DC	xã Na Hối	H. Bắc Hà	22° 31' 20"	104° 18' 02"					F-48-29-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cốc Môi	DC	xã Na Hối	H. Bắc Hà	22° 30' 25"	104° 16' 30"					F-48-29-D
thôn Dì Thàng 1	DC	xã Na Hối	H. Bắc Hà	22° 30' 32"	104° 17' 40"					F-48-29-D
suối Hô Hội	TV	xã Na Hối	H. Bắc Hà			22° 30' 48"	104° 17' 21"	22° 29' 22"	104° 15' 58"	F-48-29-D
thôn Ly Chư Phìn	DC	xã Na Hối	H. Bắc Hà	22° 30' 42"	104° 18' 21"					F-48-29-D
thôn Na Áng	DC	xã Na Hối	H. Bắc Hà	22° 31' 04"	104° 17' 40"					F-48-29-D
thôn Na Áng B	DC	xã Na Hối	H. Bắc Hà	22° 32' 23"	104° 16' 49"					F-48-29-D
thôn Na Hối Nùng	DC	xã Na Hối	H. Bắc Hà	22° 32' 12"	104° 15' 40"					F-48-29-D
thôn Na Hối Tày	DC	xã Na Hối	H. Bắc Hà	22° 30' 45"	104° 17' 31"					F-48-29-D
núi Nậm Dú	SV	xã Na Hối	H. Bắc Hà	22° 30' 37"	104° 16' 04"					F-48-29-D
thôn Ngải Thầu	DC	xã Na Hối	H. Bắc Hà	22° 31' 24"	104° 15' 44"					F-48-29-D
thôn Nhìu Lùng	DC	xã Na Hối	H. Bắc Hà	22° 29' 34"	104° 16' 07"					F-48-41-B
suối Bắc Nà	TV	xã Nậm Đét	H. Bắc Hà			22° 29' 36"	104° 20' 19"	22° 28' 22"	104° 20' 57"	F-48-41-B
thôn Bản Lùng	DC	xã Nậm Đét	H. Bắc Hà	22° 24' 42"	104° 17' 03"					F-48-41-B
thôn Nậm Bó	DC	xã Nậm Đét	H. Bắc Hà	22° 29' 27"	104° 19' 37"					F-48-41-B
thôn Nậm Cài	DC	xã Nậm Đét	H. Bắc Hà	22° 27' 09"	104° 19' 18"					F-48-41-B
thôn Nậm Đét	DC	xã Nậm Đét	H. Bắc Hà	22° 27' 44"	104° 20' 16"					F-48-41-B
nậm Phàng	TV	xã Nậm Đét	H. Bắc Hà			22° 28' 22"	104° 20' 57"	22° 23' 32"	104° 18' 23"	F-48-41-B
nậm Tống	TV	xã Nậm Đét	H. Bắc Hà			22° 28' 53"	104° 18' 31"	22° 25' 59"	104° 18' 45"	F-48-41-B
thôn Tống Hạ	DC	xã Nậm Đét	H. Bắc Hà	22° 27' 13"	104° 18' 25"					F-48-41-B
thôn Tống Thượng	DC	xã Nậm Đét	H. Bắc Hà	22° 28' 29"	104° 19' 23"					F-48-41-B
thôn Cốc Đầm	DC	xã Nậm Khánh	H. Bắc Hà	22° 24' 24"	104° 19' 04"					F-48-41-B
thôn Giàng Trù	DC	xã Nậm Khánh	H. Bắc Hà	22° 26' 37"	104° 19' 59"					F-48-41-B
thôn Mà Phố	DC	xã Nậm Khánh	H. Bắc Hà	22° 27' 28"	104° 20' 44"					F-48-41-B
thôn Mới	DC	xã Nậm Khánh	H. Bắc Hà	22° 28' 46"	104° 21' 47"					F-48-41-B
làng Nậm Khánh	DC	xã Nậm Khánh	H. Bắc Hà	22° 28' 49"	104° 21' 33"					F-48-41-B
suối Nậm Phàng	TV	xã Nậm Khánh	H. Bắc Hà			22° 29' 21"	104° 22' 45"	22° 23' 33"	104° 18' 25"	F-48-41-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nậm Táng	DC	xã Nậm Khánh	H. Bắc Hà	22° 27' 23"	104° 21' 21"					F-48-41-B
thôn Thải Giàng	DC	xã Nậm Khánh	H. Bắc Hà	22° 25' 36"	104° 19' 32"					F-48-41-B
sông Chảy	TV	xã Nậm Lúc	H. Bắc Hà			22° 23' 19"	104° 18' 48"	22° 20' 46"	104° 22' 35"	F-48-41-B
thôn Cô Tông	DC	xã Nậm Lúc	H. Bắc Hà	22° 21' 44"	104° 22' 59"					F-48-41-B
nậm Lúc	TV	xã Nậm Lúc	H. Bắc Hà			22° 26' 36"	104° 22' 41"	22° 23' 17"	104° 19' 42"	F-48-41-B
thôn Nậm Chàm	DC	xã Nậm Lúc	H. Bắc Hà	22° 26' 23"	104° 23' 00"					F-48-41-B
thôn Nậm Chăm	DC	xã Nậm Lúc	H. Bắc Hà	22° 24' 06"	104° 21' 43"					F-48-41-B
thôn Nậm Kha	DC	xã Nậm Lúc	H. Bắc Hà	22° 24' 42"	104° 20' 34"					F-48-41-B
thôn Nậm Lầy	DC	xã Nậm Lúc	H. Bắc Hà	22° 25' 38"	104° 20' 32"					F-48-41-B
thôn Nậm Lúc Hạ	DC	xã Nậm Lúc	H. Bắc Hà	22° 25' 28"	104° 21' 56"					F-48-41-B
thôn Nậm Nhù	DC	xã Nậm Lúc	H. Bắc Hà	22° 26' 56"	104° 22' 28"					F-48-41-B
núi Nậm Nông	SV	xã Nậm Lúc	H. Bắc Hà	22° 24' 38"	104° 23' 30"					F-48-41-B
cầu Nậm Tân	KX	xã Nậm Lúc	H. Bắc Hà	22° 22' 58"	104° 19' 50"					F-48-41-B
thôn Nậm Tông	DC	xã Nậm Lúc	H. Bắc Hà	22° 22' 41"	104° 23' 00"					F-48-41-B
thôn Nàng Cảng	DC	xã Nậm Lúc	H. Bắc Hà	22° 23' 52"	104° 20' 23"					F-48-41-B
đường tỉnh 153	KX	xã Nậm Mòn	H. Bắc Hà			22° 29' 25"	104° 16' 24"	22° 28' 08"	104° 15' 28"	F-48-41-B
thôn Cồ Dì Chải	DC	xã Nậm Mòn	H. Bắc Hà	22° 18' 12"	104° 16' 17"					F-48-41-B
thôn Cốc Cài	DC	xã Nậm Mòn	H. Bắc Hà	22° 30' 12"	104° 14' 52"					F-48-29-C
thôn Cốc Cài Hạ	DC	xã Nậm Mòn	H. Bắc Hà	22° 29' 57"	104° 14' 24"					F-48-41-A
thôn Nậm Mòn Hạ	DC	xã Nậm Mòn	H. Bắc Hà	22° 28' 59"	104° 14' 28"					F-48-41-A
thôn Ngải Số	DC	xã Nậm Mòn	H. Bắc Hà	22° 29' 53"	104° 15' 28"					F-48-41-B
bản Ngồ Hạ	DC	xã Nậm Mòn	H. Bắc Hà	22° 28' 00"	104° 17' 33"					F-48-41-B
bản Ngồ Thượng	DC	xã Nậm Mòn	H. Bắc Hà	22° 29' 13"	104° 17' 34"					F-48-41-B
thôn Sử Chủ Chải	DC	xã Nậm Mòn	H. Bắc Hà	22° 28' 32"	104° 16' 31"					F-48-41-B
thôn Na Hô	DC	xã Tà Chải	H. Bắc Hà	22° 31' 46"	104° 17' 37"					F-48-29-D
thôn Na Kim	DC	xã Tà Chải	H. Bắc Hà	22° 32' 57"	104° 17' 38"					F-48-29-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Na Lo	DC	xã Tà Chải	H. Bắc Hà	22° 31' 34"	104° 18' 01"					F-48-29-D
thôn Na Thá	DC	xã Tà Chải	H. Bắc Hà	22° 33' 12"	104° 17' 16"					F-48-29-D
thôn Nậm Châu	DC	xã Tà Chải	H. Bắc Hà	22° 31' 58"	104° 17' 46"					F-48-29-D
núi Đản Phá	SV	xã Tả Củ Tỷ	H. Bắc Hà	22° 36' 51"	104° 27' 38"					F-48-29-D
suối Lò Sui Tủng	TV	xã Tả Củ Tỷ	H. Bắc Hà			22° 36' 29"	104° 24' 33"	22° 37' 18"	104° 25' 54"	F-48-29-D
thôn Nậm Phàng	DC	xã Tả Củ Tỷ	H. Bắc Hà	22° 37' 02"	104° 26' 14"					F-48-29-D
thôn Ngải Thầu	DC	xã Tả Củ Tỷ	H. Bắc Hà	22° 35' 38"	104° 25' 09"					F-48-29-D
núi Sán Pờ Ngài	SV	xã Tả Củ Tỷ	H. Bắc Hà	22° 34' 25"	104° 27' 08"					F-48-29-D
thôn Sảng Mào Phố	DC	xã Tả Củ Tỷ	H. Bắc Hà	22° 36' 34"	104° 27' 02"					F-48-29-D
thôn Sông Lẫm	DC	xã Tả Củ Tỷ	H. Bắc Hà	22° 35' 58"	104° 27' 03"					F-48-29-D
thôn Tả Củ Tỉ	DC	xã Tả Củ Tỷ	H. Bắc Hà	22° 35' 19"	104° 24' 49"					F-48-29-D
thôn Lả Gì Thàng	DC	xã Tả Ván Chư	H. Bắc Hà	22° 36' 42"	104° 16' 36"					F-48-29-D
thôn Lao Chải	DC	xã Tả Ván Chư	H. Bắc Hà	22° 36' 51"	104° 17' 19"					F-48-29-D
thôn Nhìu Cồ Ván A	DC	xã Tả Ván Chư	H. Bắc Hà	22° 35' 56"	104° 14' 13"					F-48-29-C
thôn Sín Chải	DC	xã Tả Ván Chư	H. Bắc Hà	22° 36' 34"	104° 17' 49"					F-48-29-D
thôn Tả Van Chư	DC	xã Tả Ván Chư	H. Bắc Hà	22° 36' 17"	104° 16' 11"					F-48-29-D
thôn Xà Ván	DC	xã Tả Ván Chư	H. Bắc Hà	22° 36' 48"	104° 16' 00"					F-48-29-D
suối Bắc Hà	TV	xã Thải Giàng Phố	H. Bắc Hà			22° 31' 26"	104° 18' 05"	22° 30' 38"	104° 19' 47"	F-48-29-D
thôn Dì Thàng	DC	xã Thải Giàng Phố	H. Bắc Hà	22° 32' 58"	104° 19' 37"					F-48-29-D
thôn Lùng Chù	DC	xã Thải Giàng Phố	H. Bắc Hà	22° 32' 15"	104° 20' 43"					F-48-29-D
Ma Ngán Sán	DC	xã Thải Giàng Phố	H. Bắc Hà	22° 33' 28"	104° 21' 00"					F-48-29-D
thôn Nậm Thố	DC	xã Thải Giàng Phố	H. Bắc Hà	22° 31' 37"	104° 20' 26"					F-48-29-D
thôn Ngải Thầu	DC	xã Thải Giàng Phố	H. Bắc Hà	22° 33' 50"	104° 21' 54"					F-48-29-D
thôn Sân Bay 1	DC	xã Thải Giàng Phố	H. Bắc Hà	22° 32' 07"	104° 18' 51"					F-48-29-D
thôn Sản Chư Ván	DC	xã Thải Giàng Phố	H. Bắc Hà	22° 32' 56"	104° 21' 22"					F-48-29-D
thôn Sán Sả Hồ	DC	xã Thải Giàng Phố	H. Bắc Hà	22° 30' 49"	104° 19' 51"					F-48-29-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sín Chải	DC	xã Thải Giàng Phố	H. Bắc Hà	22° 34' 29"	104° 23' 09"					F-48-29-D
thôn Thải Giàng Phố	DC	xã Thải Giàng Phố	H. Bắc Hà	22° 32' 31"	104° 18' 55"					F-48-29-D
Tống Phí Lùng	DC	xã Thải Giàng Phố	H. Bắc Hà	22° 32' 54"	104° 22' 10"					F-48-29-D
Tống Pìn Lùng	DC	xã Thải Giàng Phố	H. Bắc Hà	22° 32' 37"	104° 20' 48"					F-48-29-D
suối Tùng Phi	TV	xã Thải Giàng Phố	H. Bắc Hà			22° 32' 39"	104° 20' 20"	22° 30' 38"	104° 19' 47"	F-48-29-D
Túng Pín Lùng	DC	xã Thải Giàng Phố	H. Bắc Hà	22° 33' 15"	104° 22' 35"					F-48-29-D
sông Hồng	TV	TT. Phố Lu	H. Bảo Thắng			22° 20' 32"	104° 09' 42"	22° 18' 24"	104° 11' 55"	F-48-41-A
ngòi My	TV	TT. Phố Lu	H. Bảo Thắng			22° 21' 43"	104° 10' 49"	22° 20' 32"	104° 09' 42"	F-48-41-A
thôn Phú Cường 1	DC	TT. Phố Lu	H. Bảo Thắng	22° 19' 38"	104° 10' 52"					F-48-41-A
thôn Phú Long 1	DC	TT. Phố Lu	H. Bảo Thắng	22° 20' 02"	104° 10' 20"					F-48-41-A
thôn Phú Thịnh 3	DC	TT. Phố Lu	H. Bảo Thắng	22° 18' 50"	104° 11' 52"					F-48-41-A
thôn 1	DC	TT. Phong Hải	H. Bảo Thắng	22° 26' 53"	104° 07' 14"					F-48-41-A
thôn 2	DC	TT. Phong Hải	H. Bảo Thắng	22° 26' 53"	104° 08' 01"					F-48-41-A
thôn 4	DC	TT. Phong Hải	H. Bảo Thắng	22° 25' 55"	104° 09' 35"					F-48-41-A
thôn 5	DC	TT. Phong Hải	H. Bảo Thắng	22° 25' 41"	104° 10' 18"					F-48-41-A
quốc lộ 70	KX	TT. Phong Hải	H. Bảo Thắng			22° 29' 36"	104° 06' 03"	22° 25' 28"	104° 10' 58"	F-48-41-A
thôn Ải Dõng	DC	TT. Phong Hải	H. Bảo Thắng	22° 28' 32"	104° 07' 28"					F-48-41-A
thôn Ải Nam 1	DC	TT. Phong Hải	H. Bảo Thắng	22° 29' 02"	104° 09' 12"					F-48-41-A
thôn Hải Nam	DC	TT. Phong Hải	H. Bảo Thắng	22° 30' 12"	104° 09' 39"					F-48-29-C
thôn Khởi Bốt	DC	TT. Phong Hải	H. Bảo Thắng	22° 29' 31"	104° 06' 23"					F-48-41-A
thôn Khởi Khe	DC	TT. Phong Hải	H. Bảo Thắng	22° 26' 41"	104° 05' 56"					F-48-41-A
thôn Quy Ke	DC	TT. Phong Hải	H. Bảo Thắng	22° 27' 57"	104° 05' 43"					F-48-41-A
thôn Tiên Phong	DC	TT. Phong Hải	H. Bảo Thắng	22° 26' 36"	104° 08' 54"					F-48-41-A
suối Tòng Già	TV	TT. Phong Hải	H. Bảo Thắng			22° 27' 14"	104° 07' 49"	22° 29' 34"	104° 06' 02"	F-48-41-A
thôn Xín Thèn	DC	TT. Phong Hải	H. Bảo Thắng	22° 30' 47"	104° 09' 28"					F-48-29-C
tổ dân phố 2	DC	TT. Tằng Loỏng	H. Bảo Thắng	22° 18' 06"	104° 07' 34"					F-48-41-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Đầu Chát 1	DC	TT. Tằng Loỏng	H. Bảo Thắng	22° 16' 56"	104° 06' 28"					F-48-41-A
thôn Mã Ngan	DC	TT. Tằng Loỏng	H. Bảo Thắng	22° 17' 54"	104° 07' 52"					F-48-41-A
thôn Tằng Loỏng 1	DC	TT. Tằng Loỏng	H. Bảo Thắng	22° 18' 24"	104° 06' 52"					F-48-41-A
suối Trát	TV	TT. Tằng Loỏng	H. Bảo Thắng			22° 15' 40"	104° 05' 28"	22° 18' 39"	104° 06' 57"	F-48-41-A
quốc lộ 70	KX	xã Bản Cầm	H. Bảo Thắng			22° 30' 60"	104° 02' 00"	22° 29' 36"	104° 06' 03"	F-48-29-C
quốc lộ 4D	KX	xã Bản Cầm	H. Bảo Thắng			22° 31' 44"	104° 03' 01"	22° 31' 12"	104° 02' 25"	F-48-29-C
cầu Bản Phiệt	KX	xã Bản Cầm	H. Bảo Thắng	22° 30' 55"	104° 01' 50"					F-48-29-C
thôn Cầm	DC	xã Bản Cầm	H. Bảo Thắng	22° 30' 37"	104° 05' 52"					F-48-29-C
thôn Lọt	DC	xã Bản Cầm	H. Bảo Thắng	22° 29' 41"	104° 05' 37"					F-48-41-A
thôn Nậm Choỏng	DC	xã Bản Cầm	H. Bảo Thắng	22° 30' 31"	104° 04' 00"					F-48-29-C
thôn Nậm Chủ	DC	xã Bản Cầm	H. Bảo Thắng	22° 30' 50"	104° 03' 19"					F-48-29-C
suối Tòng Già	TV	xã Bản Cầm	H. Bảo Thắng			22° 29' 34"	104° 06' 02"	22° 30' 57"	104° 02' 01"	F-48-29-C
quốc lộ 4D	KX	xã Bản Phiệt	H. Bảo Thắng			22° 30' 57"	104° 01' 52"	22° 31' 44"	104° 03' 01"	F-48-29-C
thôn Bản Phiệt	DC	xã Bản Phiệt	H. Bảo Thắng	22° 31' 01"	104° 01' 51"					F-48-29-C
thôn Bản Quẩn	DC	xã Bản Phiệt	H. Bảo Thắng	22° 31' 10"	104° 00' 45"					F-48-29-C
núi Cao Nhà Kíp	SV	xã Bản Phiệt	H. Bảo Thắng	22° 29' 20"	104° 01' 15"					F-48-41-A
thôn Chung	DC	xã Bản Phiệt	H. Bảo Thắng	22° 28' 52"	104° 03' 54"					F-48-41-A
thôn Cốc Lầy	DC	xã Bản Phiệt	H. Bảo Thắng	22° 30' 11"	104° 01' 47"					F-48-29-C
hồ Na Quynh	TV	xã Bản Phiệt	H. Bảo Thắng	22° 31' 50"	104° 00' 39"					F-48-29-C
thôn Nậm Sưu	DC	xã Bản Phiệt	H. Bảo Thắng	22° 31' 32"	104° 02' 11"					F-48-29-C
sông Nậm Thi	TV	xã Bản Phiệt	H. Bảo Thắng			22° 32' 22"	104° 00' 11"	22° 31' 05"	104° 00' 15"	F-48-29-C
suối Pạc Chí Hồ	TV	xã Bản Phiệt	H. Bảo Thắng			22° 33' 40"	104° 00' 38"	22° 32' 22"	104° 00' 12"	F-48-29-C
thôn Pạc Tà	DC	xã Bản Phiệt	H. Bảo Thắng	22° 30' 30"	104° 02' 17"					F-48-29-C
quốc lộ 4E	KX	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng			22° 23' 53"	104° 03' 03"	22° 21' 38"	104° 05' 32"	F-48-41-A
thôn Bản Bay	DC	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng	22° 21' 50"	104° 04' 21"					F-48-41-A
ngòi Bo	TV	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng			22° 18' 44"	104° 02' 03"	22° 23' 45"	104° 05' 02"	F-48-41-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nậm Bó	TV	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng			22° 16' 15"	104° 04' 06"	22° 18' 44"	104° 02' 03"	F-48-41-A
thôn Chang	DC	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng	22° 22' 40"	104° 02' 19"					F-48-41-A
thôn Chính Tiến	DC	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng	22° 22' 48"	104° 05' 30"					F-48-41-A
thôn Đông Căm	DC	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng	22° 21' 36"	104° 05' 25"					F-48-41-A
thôn Hòa Lạc	DC	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng	22° 23' 37"	104° 04' 55"					F-48-41-A
sông Hồng	TV	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng			22° 24' 43"	104° 03' 40"	22° 22' 36"	104° 06' 19"	F-48-41-A
thôn Mường	DC	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng	22° 22' 39"	104° 03' 44"					F-48-41-A
thôn Nậm Chà	DC	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng	22° 18' 35"	104° 04' 13"					F-48-41-A
thôn Nậm Két	DC	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng	22° 18' 28"	104° 03' 58"					F-48-41-A
thôn Nậm Phẳng	DC	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng	22° 17' 16"	104° 03' 27"					F-48-41-A
núi Ngòi Giàng	SV	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng	22° 18' 14"	104° 05' 10"					F-48-41-A
nậm Rịa	TV	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng			22° 22' 26"	104° 01' 42"	22° 22' 14"	104° 04' 09"	F-48-41-A
thôn Tả Thàng	DC	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng	22° 20' 14"	104° 04' 29"					F-48-41-A
thôn Thái Bo	DC	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng	22° 24' 34"	104° 04' 04"					F-48-41-A
thôn Tiến Cường	DC	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng	22° 23' 42"	104° 03' 39"					F-48-41-A
thôn Tiến Thắng	DC	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng	22° 24' 02"	104° 04' 43"					F-48-41-A
thôn Xuân Tư	DC	xã Gia Phú	H. Bảo Thắng	22° 20' 57"	104° 05' 20"					F-48-41-A
thôn An Thành	DC	xã Phố Lu	H. Bảo Thắng	22° 17' 59"	104° 12' 59"					F-48-41-A
thôn Đá Đen	DC	xã Phố Lu	H. Bảo Thắng	22° 18' 45"	104° 12' 25"					F-48-41-A
sông Hồng	TV	xã Phố Lu	H. Bảo Thắng			22° 18' 24"	104° 11' 55"	22° 16' 60"	104° 14' 00"	F-48-41-A
thôn Khe Tắm	DC	xã Phố Lu	H. Bảo Thắng	22° 18' 23"	104° 13' 46"					F-48-41-A
thôn Khu Ba	DC	xã Phố Lu	H. Bảo Thắng	22° 17' 17"	104° 13' 27"					F-48-41-A
thôn Tân Thành	DC	xã Phố Lu	H. Bảo Thắng	22° 17' 31"	104° 13' 16"					F-48-41-A
ngòi Trì	TV	xã Phố Lu	H. Bảo Thắng			22° 18' 41"	104° 13' 33"	22° 17' 56"	104° 12' 27"	F-48-41-A
đường huyện 4	KX	xã Phong Niên	H. Bảo Thắng			22° 27' 15"	104° 11' 14"	22° 23' 38"	104° 13' 28"	F-48-41-A
quốc lộ 70	KX	xã Phong Niên	H. Bảo Thắng			22° 25' 28"	104° 10' 58"	22° 23' 21"	104° 14' 03"	F-48-41-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Hồ	DC	xã Phong Niên	H. Bảo Thắng	22° 23' 36"	104° 13' 31"					F-48-41-A
thôn An Phong	DC	xã Phong Niên	H. Bảo Thắng	22° 24' 43"	104° 12' 09"					F-48-41-A
thôn Cán Hồ	DC	xã Phong Niên	H. Bảo Thắng	22° 25' 34"	104° 12' 14"					F-48-41-A
làng Có	DC	xã Phong Niên	H. Bảo Thắng	22° 24' 35"	104° 09' 57"					F-48-41-A
thôn Cốc Tủm	DC	xã Phong Niên	H. Bảo Thắng	22° 25' 17"	104° 11' 18"					F-48-41-A
thôn Cốc Xâm	DC	xã Phong Niên	H. Bảo Thắng	22° 23' 29"	104° 14' 05"					F-48-41-A
làng Cung	DC	xã Phong Niên	H. Bảo Thắng	22° 24' 00"	104° 10' 15"					F-48-41-A
đồi Giang	SV	xã Phong Niên	H. Bảo Thắng	22° 22' 44"	104° 13' 22"					F-48-41-A
thôn Phín Giàng	DC	xã Phong Niên	H. Bảo Thắng	22° 24' 53"	104° 13' 28"					F-48-41-A
thôn Tân Hồ	DC	xã Phong Niên	H. Bảo Thắng	22° 26' 48"	104° 11' 23"					F-48-41-A
thôn Tân Phong 1	DC	xã Phong Niên	H. Bảo Thắng	22° 23' 33"	104° 12' 44"					F-48-41-A
thôn Xả Hồ	DC	xã Phong Niên	H. Bảo Thắng	22° 24' 00"	104° 10' 59"					F-48-41-A
quốc lộ 15	KX	xã Phú Nhuận	H. Bảo Thắng			22° 17' 13"	104° 09' 07"	22° 14' 42"	104° 11' 25"	F-48-41-C
ngòi Cọ	TV	xã Phú Nhuận	H. Bảo Thắng			22° 13' 28"	104° 10' 28"	22° 14' 36"	104° 11' 12"	F-48-41-C
làng Đền	DC	xã Phú Nhuận	H. Bảo Thắng	22° 15' 14"	104° 11' 57"					F-48-41-A
nậm Hoa	TV	xã Phú Nhuận	H. Bảo Thắng			22° 15' 08"	104° 08' 39"	22° 15' 04"	104° 05' 24"	F-48-41-C
suối Khe Bá	TV	xã Phú Nhuận	H. Bảo Thắng			22° 15' 09"	104° 08' 38"	22° 14' 57"	104° 11' 42"	F-48-41-A
nậm Nhùn	TV	xã Phú Nhuận	H. Bảo Thắng			22° 12' 59"	104° 06' 47"	22° 12' 32"	104° 04' 38"	F-48-41-C
thôn Phú Hà 1	DC	xã Phú Nhuận	H. Bảo Thắng	22° 16' 44"	104° 09' 18"					F-48-41-A
thôn Phú Hải 2	DC	xã Phú Nhuận	H. Bảo Thắng	22° 15' 43"	104° 10' 34"					F-48-41-A
thôn Phú Hợp 2	DC	xã Phú Nhuận	H. Bảo Thắng	22° 16' 40"	104° 16' 02"					F-48-41-A
suối Phú Hưng	TV	xã Phú Nhuận	H. Bảo Thắng			22° 14' 36"	104° 11' 12"	22° 14' 36"	104° 11' 12"	F-48-41-C
thôn Phú Nhuần 1	DC	xã Phú Nhuận	H. Bảo Thắng	22° 16' 06"	104° 09' 42"					F-48-41-A
thôn An Thắng	DC	xã Sơn Hà	H. Bảo Thắng	22° 18' 12"	104° 11' 41"					F-48-41-A
thôn An Trà	DC	xã Sơn Hà	H. Bảo Thắng	22° 18' 25"	104° 11' 10"					F-48-41-A
thôn Làng Chưng	DC	xã Sơn Hà	H. Bảo Thắng	22° 19' 05"	104° 09' 53"					F-48-41-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Làng Mụ	DC	xã Sơn Hà	H. Bảo Thắng	22° 18' 13"	104° 10' 44"					F-48-41-A
suối Nhù	TV	xã Sơn Hà	H. Bảo Thắng			22° 15' 09"	104° 12' 41"	22° 16' 53"	104° 13' 20"	F-48-41-A
thôn Tả Hà 1	DC	xã Sơn Hà	H. Bảo Thắng	22° 18' 59"	104° 10' 27"					F-48-41-A
thôn Trà Trầu	DC	xã Sơn Hà	H. Bảo Thắng	22° 17' 35"	104° 12' 27"					F-48-41-A
thôn An Tiến	DC	xã Sơn Hải	H. Bảo Thắng	22° 20' 14"	104° 09' 23"					F-48-41-A
thôn Cố Hải	DC	xã Sơn Hải	H. Bảo Thắng	22° 20' 46"	104° 07' 57"					F-48-41-A
thôn Đồng Tâm	DC	xã Sơn Hải	H. Bảo Thắng	22° 21' 14"	104° 08' 20"					F-48-41-A
sông Hồng	TV	xã Sơn Hải	H. Bảo Thắng			22° 22' 36"	104° 06' 19"	22° 19' 40"	104° 10' 19"	F-48-41-A
thôn Làng Chưng	DC	xã Sơn Hải	H. Bảo Thắng	22° 19' 42"	104° 09' 53"					F-48-41-A
thôn Tân Lập	DC	xã Sơn Hải	H. Bảo Thắng	22° 22' 10"	104° 07' 22"					F-48-41-A
suối Trát	TV	xã Sơn Hải	H. Bảo Thắng			22° 20' 56"	104° 07' 04"	22° 20' 37"	104° 08' 36"	F-48-41-A
ngòi Ân	TV	xã Thái Niên	H. Bảo Thắng			22° 23' 54"	104° 09' 50"	22° 21' 55"	104° 08' 27"	F-48-41-A
thôn Báu	DC	xã Thái Niên	H. Bảo Thắng	22° 22' 35"	104° 06' 44"					F-48-41-A
suối Đo	TV	xã Thái Niên	H. Bảo Thắng			22° 25' 04"	104° 09' 14"	22° 23' 03"	104° 06' 38"	F-48-41-A
thôn Đo Ngoài	DC	xã Thái Niên	H. Bảo Thắng	22° 24' 08"	104° 07' 40"					F-48-41-A
sông Hồng	TV	xã Thái Niên	H. Bảo Thắng			22° 27' 20"	104° 01' 22"	22° 20' 32"	104° 09' 42"	F-48-41-A
thôn Khe Đền	DC	xã Thái Niên	H. Bảo Thắng	22° 24' 11"	104° 08' 52"					F-48-41-A
thôn Khe Quan	DC	xã Thái Niên	H. Bảo Thắng	22° 24' 52"	104° 05' 05"					F-48-41-A
thôn Lạng	DC	xã Thái Niên	H. Bảo Thắng	22° 22' 05"	104° 08' 10"					F-48-41-A
thôn Làng Giàng	DC	xã Thái Niên	H. Bảo Thắng	22° 25' 51"	104° 02' 35"					F-48-41-A
thôn Lượt	DC	xã Thái Niên	H. Bảo Thắng	22° 25' 20"	104° 07' 18"					F-48-41-A
làng My	DC	xã Thái Niên	H. Bảo Thắng	22° 20' 35"	104° 09' 17"					F-48-41-A
suối My	TV	xã Thái Niên	H. Bảo Thắng			22° 21' 51"	104° 11' 04"	22° 20' 32"	104° 09' 42"	F-48-41-A
thôn Tân Thắng	DC	xã Thái Niên	H. Bảo Thắng	22° 22' 52"	104° 09' 26"					F-48-41-A
thôn Thái Niên	DC	xã Thái Niên	H. Bảo Thắng	22° 24' 14"	104° 05' 02"					F-48-41-A
làng Chì	DC	xã Trì Quang	H. Bảo Thắng	22° 19' 54"	104° 14' 20"					F-48-41-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Mạ	DC	xã Trì Quang	H. Bảo Thắng	22° 20' 12"	104° 16' 01"					F-48-41-B
thôn Ngòi Nhỏ	DC	xã Trì Quang	H. Bảo Thắng	22° 16' 50"	104° 15' 05"					F-48-41-B
thôn Nhà Trong	DC	xã Trì Quang	H. Bảo Thắng	22° 17' 42"	104° 14' 48"					F-48-41-A
thôn Nhò Ngoài	DC	xã Trì Quang	H. Bảo Thắng	22° 17' 22"	104° 14' 43"					F-48-41-A
thôn Tân Thương	DC	xã Trì Quang	H. Bảo Thắng	22° 19' 38"	104° 13' 58"					F-48-41-A
ngòi Tri	TV	xã Trì Quang	H. Bảo Thắng			22° 18' 41"	104° 13' 33"	22° 18' 27"	104° 13' 18"	F-48-41-A
thôn Tri Hạ	DC	xã Trì Quang	H. Bảo Thắng	22° 16' 59"	104° 14' 27"					F-48-41-A
quốc lộ 4E	KX	xã Xuân Giao	H. Bảo Thắng			22° 21' 38"	104° 05' 32"	22° 18' 41"	104° 06' 59"	F-48-41-A
thôn Giao Bình	DC	xã Xuân Giao	H. Bảo Thắng	22° 20' 29"	104° 07' 16"					F-48-41-B
làng Hà	DC	xã Xuân Giao	H. Bảo Thắng	22° 19' 03"	104° 05' 34"					F-48-41-B
thôn Hợp Giao	DC	xã Xuân Giao	H. Bảo Thắng	22° 20' 02"	104° 05' 25"					F-48-41-A
thôn Hợp Xuân	DC	xã Xuân Giao	H. Bảo Thắng	22° 19' 02"	104° 07' 11"					F-48-41-A
thôn Hùng Xuân1	DC	xã Xuân Giao	H. Bảo Thắng	22° 19' 24"	104° 06' 07"					F-48-41-A
bản Khe Khoang	DC	xã Xuân Giao	H. Bảo Thắng	22° 18' 56"	104° 07' 56"					F-48-41-A
thôn Mường	DC	xã Xuân Giao	H. Bảo Thắng	22° 19' 46"	104° 07' 18"					F-48-41-A
núi Ngòi Giàng	SV	xã Xuân Giao	H. Bảo Thắng	22° 18' 14"	104° 05' 10"					F-48-41-A
thôn Tân Lợi	DC	xã Xuân Giao	H. Bảo Thắng	22° 19' 16"	104° 06' 33"					F-48-41-B
núi Trà	SV	xã Xuân Giao	H. Bảo Thắng	22° 21' 36"	104° 06' 30"					F-48-41-A
suối Trát	TV	xã Xuân Giao	H. Bảo Thắng			22° 18' 39"	104° 06' 57"	22° 20' 56"	104° 07' 04"	F-48-41-A
thôn Vàng 1	DC	xã Xuân Giao	H. Bảo Thắng	22° 20' 57"	104° 06' 16"					F-48-41-B
quốc lộ 70	KX	xã Xuân Quang	H. Bảo Thắng			22° 23' 20"	104° 14' 04"	22° 19' 25"	104° 19' 11"	F-48-41-B
quốc lộ 4E	KX	xã Xuân Quang	H. Bảo Thắng			22° 22' 52"	104° 14' 30"	22° 22' 52"	104° 12' 00"	F-48-41-A
thôn Bắc Ngầm	DC	xã Xuân Quang	H. Bảo Thắng	22° 22' 37"	104° 14' 08"					F-48-41-A
suối Bắc Ngầm	TV	xã Xuân Quang	H. Bảo Thắng			22° 21' 12"	104° 15' 45"	22° 23' 13"	104° 14' 01"	F-48-41-A
thôn Cốc Pục	DC	xã Xuân Quang	H. Bảo Thắng	22° 20' 47"	104° 18' 25"					F-48-41-B
thôn Coóc Nằn	DC	xã Xuân Quang	H. Bảo Thắng	22° 21' 03"	104° 15' 24"					F-48-41-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cửa Cải	DC	xã Xuân Quang	H. Bảo Thắng	22° 19' 37"	104° 18' 51"					F-48-41-B
thôn Làng Gạo	DC	xã Xuân Quang	H. Bảo Thắng	22° 21' 44"	104° 13' 25"					F-48-41-A
thôn Làng Lân	DC	xã Xuân Quang	H. Bảo Thắng	22° 21' 59"	104° 15' 44"					F-48-41-B
thôn Làng My	DC	xã Xuân Quang	H. Bảo Thắng	22° 21' 38"	104° 11' 19"					F-48-41-A
thôn Làng Sạc	DC	xã Xuân Quang	H. Bảo Thắng	22° 20' 49"	104° 12' 39"					F-48-41-A
thôn Tân Quang	DC	xã Xuân Quang	H. Bảo Thắng	22° 20' 57"	104° 16' 17"					F-48-41-B
thôn Thái Vô	DC	xã Xuân Quang	H. Bảo Thắng	22° 20' 07"	104° 17' 22"					F-48-41-B
thôn Trang Nùng	DC	xã Xuân Quang	H. Bảo Thắng	22° 20' 24"	104° 16' 36"					F-48-41-B
quốc lộ 70	KX	TT. Phố Ràng	H. Bảo Yên			22° 14' 42"	104° 27' 30"	22° 12' 49"	104° 27' 30"	F-48-41-D
tổ dân phố 8C	DC	TT. Phố Ràng	H. Bảo Yên	22° 15' 05"	104° 27' 43"					F-48-41-B
tổ dân phố 9D	DC	TT. Phố Ràng	H. Bảo Yên	22° 12' 47"	104° 30' 01"					F-48-42-C
sông Chảy	TV	TT. Phố Ràng	H. Bảo Yên			22° 14' 22"	104° 29' 21"	22° 12' 52"	104° 30' 34"	F-48-41-D
cầu Phố Ràng	KX	TT. Phố Ràng	H. Bảo Yên	22° 14' 14"	104° 28' 35"					F-48-41-D
núi Răng	SV	TT. Phố Ràng	H. Bảo Yên	22° 14' 38"	104° 28' 30"					F-48-41-D
hồ Thủy Điện	TV	TT. Phố Ràng	H. Bảo Yên	22° 14' 33"	104° 27' 47"					F-48-41-D
cầu Trắng	KX	TT. Phố Ràng	H. Bảo Yên	22° 14' 44"	104° 28' 06"					F-48-41-D
quốc lộ 279	KX	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên			22° 12' 48"	104° 24' 51"	22° 10' 18"	104° 21' 05"	F-48-41-D
ga Bảo Hà	KX	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên	22° 10' 46"	104° 21' 13"					F-48-41-D
nhà máy Bảo Hà	KX	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên	22° 10' 26"	104° 21' 12"					F-48-41-D
bản Bảo Vinh	DC	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên	22° 10' 17"	104° 20' 45"					F-48-41-D
bản Bông 3	DC	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên	22° 12' 17"	104° 24' 11"					F-48-41-D
ngòi Bùn	TV	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên			22° 09' 38"	104° 23' 26"	22° 08' 40"	104° 23' 00"	F-48-41-D
bản Bùn 1	DC	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên	22° 09' 13"	104° 22' 60"					F-48-41-D
bản Bùn 2	DC	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên	22° 08' 60"	104° 22' 28"					F-48-41-D
núi Châu	SV	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên	22° 14' 04"	104° 22' 25"					F-48-41-D
bản Chùn	DC	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên	22° 13' 06"	104° 23' 42"					F-48-41-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe Cuội	TV	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên			22° 11' 44"	104° 21' 54"	22° 11' 19"	104° 22' 15"	F-48-41-D
sông Hồng	TV	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên			22° 11' 58"	104° 18' 59"	22° 08' 22"	104° 23' 42"	F-48-41-D
ngòi Khoai	TV	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên			22° 13' 38"	104° 20' 57"	22° 12' 18"	104° 19' 07"	F-48-41-D
bản Khoai 2	DC	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên	22° 13' 38"	104° 21' 10"					F-48-41-D
bản Liên Hà 2	DC	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên	22° 10' 44"	104° 21' 22"					F-48-41-D
bản Liên Hà 6	DC	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên	22° 11' 04"	104° 20' 03"					F-48-41-D
bản Liên Hải 1	DC	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên	22° 12' 29"	104° 19' 22"					F-48-41-D
bản Liên Hải 2	DC	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên	22° 12' 06"	104° 19' 46"					F-48-41-D
bản Lúc 1	DC	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên	22° 10' 55"	104° 22' 04"					F-48-41-D
bản Tà Vạng	DC	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên	22° 13' 19"	104° 20' 30"					F-48-41-D
bản Tắp 3	DC	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên	22° 11' 23"	104° 22' 38"					F-48-41-D
ngòi Tháp	TV	xã Bảo Hà	H. Bảo Yên			22° 11' 54"	104° 22' 51"	22° 10' 26"	104° 21' 25"	F-48-41-D
ngòi Bỗng	TV	xã Cam Cọn	H. Bảo Yên			22° 11' 52"	104° 16' 41"	22° 13' 38"	104° 17' 34"	F-48-41-D
bản Bỗng 2	DC	xã Cam Cọn	H. Bảo Yên	22° 12' 54"	104° 17' 10"					F-48-41-D
bản Cam 1	DC	xã Cam Cọn	H. Bảo Yên	22° 14' 48"	104° 15' 02"					F-48-41-D
bản Cam 4	DC	xã Cam Cọn	H. Bảo Yên	22° 15' 44"	104° 14' 50"					F-48-41-A
bản Cọn 1	DC	xã Cam Cọn	H. Bảo Yên	22° 15' 09"	104° 16' 04"					F-48-41-B
bản Cọn 2	DC	xã Cam Cọn	H. Bảo Yên	22° 14' 53"	104° 15' 56"					F-48-41-D
bản Hỏa	DC	xã Cam Cọn	H. Bảo Yên	22° 16' 22"	104° 13' 28"					F-48-41-A
suối Hỏa	TV	xã Cam Cọn	H. Bảo Yên			22° 15' 26"	104° 13' 41"	22° 16' 47"	104° 13' 20"	F-48-41-D
sông Hồng	TV	xã Cam Cọn	H. Bảo Yên			22° 16' 53"	104° 13' 20"	22° 11' 57"	104° 18' 58"	F-48-41-B
bản Hồng Cam	DC	xã Cam Cọn	H. Bảo Yên	22° 16' 44"	104° 13' 51"					F-48-41-A
bản Ly 1	DC	xã Cam Cọn	H. Bảo Yên	22° 12' 19"	104° 18' 18"					F-48-41-D
bản Ly 2	DC	xã Cam Cọn	H. Bảo Yên	22° 12' 02"	104° 18' 37"					F-48-41-D
suối Nhù	TV	xã Cam Cọn	H. Bảo Yên			22° 15' 09"	104° 12' 41"	22° 16' 49"	104° 13' 19"	F-48-41-A
bản Tân Tiến	DC	xã Cam Cọn	H. Bảo Yên	22° 13' 20"	104° 16' 18"					F-48-41-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe Ù	TV	xã Cam Cọn	H. Bảo Yên			22° 11' 05"	104° 17' 13"	22° 11' 55"	104° 18' 57"	F-48-41-A
quốc lộ 70	KX	xã Điện Quan	H. Bảo Yên			22° 19' 25"	104° 19' 11"	22° 18' 04"	104° 21' 20"	F-42-41-B
thôn Bản Điện	DC	xã Điện Quan	H. Bảo Yên	22° 20' 21"	104° 21' 16"					F-48-41-B
suối Bản Điện	TV	xã Điện Quan	H. Bảo Yên			22° 18' 56"	104° 19' 47"	22° 20' 42"	104° 22' 35"	F-42-41-B
thôn Bản Khao A	DC	xã Điện Quan	H. Bảo Yên	22° 19' 37"	104° 21' 05"					F-48-41-B
thôn Bản Trang A	DC	xã Điện Quan	H. Bảo Yên	22° 20' 37"	104° 21' 50"					F-48-41-B
thôn Cốc Dân	DC	xã Điện Quan	H. Bảo Yên	22° 17' 46"	104° 20' 51"					F-48-41-B
suối Cũ	TV	xã Điện Quan	H. Bảo Yên			22° 18' 04"	104° 21' 21"	22° 18' 56"	104° 19' 47"	F-42-41-B
thôn Tiên Pang	DC	xã Điện Quan	H. Bảo Yên	22° 18' 34"	104° 19' 35"					F-48-41-B
thôn Tung Cau	DC	xã Điện Quan	H. Bảo Yên	22° 18' 37"	104° 20' 35"					F-48-41-B
thôn Tung Quai	DC	xã Điện Quan	H. Bảo Yên	22° 18' 12"	104° 18' 55"					F-48-41-B
thôn AB2	DC	xã Kim Sơn	H. Bảo Yên	22° 15' 23"	104° 20' 20"					F48-41-B
thôn AB6	DC	xã Kim Sơn	H. Bảo Yên	22° 14' 52"	104° 18' 37"					F48-41-D
bản Cao Sơn	DC	xã Kim Sơn	H. Bảo Yên	22° 15' 43"	104° 21' 06"					F48-41-B
sông Hồng	TV	xã Kim Sơn	H. Bảo Yên			22° 16' 39"	104° 14' 49"	22° 12' 48"	104° 19' 01"	F48-41-D
thôn Kim Quang	DC	xã Kim Sơn	H. Bảo Yên	22° 12' 57"	104° 18' 18"					F48-41-D
thôn Làng Kàng	DC	xã Kim Sơn	H. Bảo Yên	22° 16' 54"	104° 16' 22"					F48-41-B
thôn Làng Nhò	DC	xã Kim Sơn	H. Bảo Yên	22° 17' 55"	104° 16' 17"					F48-41-B
thôn Nhai Tẻn 2	DC	xã Kim Sơn	H. Bảo Yên	22° 17' 14"	104° 18' 04"					F48-41-B
thôn Nhai Thổ 3	DC	xã Kim Sơn	H. Bảo Yên	22° 15' 47"	104° 16' 20"					F48-41-B
thôn Tân Văn 1	DC	xã Kim Sơn	H. Bảo Yên	22° 14' 20"	104° 16' 56"					F48-41-D
ngòi Vàn	TV	xã Kim Sơn	H. Bảo Yên			22° 14' 26"	104° 19' 12"	22° 13' 48"	104° 17' 44"	F48-41-D
bản 1	DC	xã Long Khánh	H. Bảo Yên	22° 09' 10"	104° 31' 32"					F-48-42-C
bản 3	DC	xã Long Khánh	H. Bảo Yên	22° 09' 34"	104° 33' 48"					F-48-42-C
bản 4	DC	xã Long Khánh	H. Bảo Yên	22° 09' 03"	104° 33' 42"					F-48-42-C
bản 6	DC	xã Long Khánh	H. Bảo Yên	22° 10' 56"	104° 34' 57"					F-48-42-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu 75	KX	xã Long Khánh	H. Bảo Yên	22° 10' 43"	104° 34' 57"					F-48-42-C
khau Cao Lan	SV	xã Long Khánh	H. Bảo Yên	22° 08' 23"	104° 34' 43"					F-48-42-C
dãy núi Con Voi	SV	xã Long Khánh	H. Bảo Yên	22° 06' 39"	104° 31' 37"					F-48-42-C
núi Con Voi	SV	xã Long Khánh	H. Bảo Yên	22° 07' 45"	104° 30' 31"					F-48-42-C
núi Làng Khem	SV	xã Long Khánh	H. Bảo Yên	22° 09' 52"	104° 33' 16"					F-48-42-C
bản Muông	DC	xã Long Khánh	H. Bảo Yên	22° 09' 18"	104° 31' 36"					F-48-42-C
khe Trĩ	TV	xã Long Khánh	H. Bảo Yên			22° 07' 15"	104° 33' 41"	22° 07' 38"	104° 33' 09"	F-48-42-C
ngòi Trĩ	TV	xã Long Khánh	H. Bảo Yên			22° 07' 38"	104° 33' 09"	22° 10' 58"	104° 35' 17"	F-48-42-C
bản Trĩ Ngoài	DC	xã Long Khánh	H. Bảo Yên	22° 07' 46"	104° 33' 22"					F-48-42-C
quốc lộ 70	KX	xã Long Phúc	H. Bảo Yên			22° 12' 49"	104° 30' 37"	22° 11' 37"	104° 30' 49"	F-48-42-C
thôn Bó Thượng	DC	xã Long Phúc	H. Bảo Yên	22° 10' 24"	104° 31' 27"					F-48-42-C
sông Chảy	TV	xã Long Phúc	H. Bảo Yên			22° 12' 52"	104° 30' 35"	22° 11' 39"	104° 33' 52"	F-48-42-C
thôn Hạ	DC	xã Long Phúc	H. Bảo Yên	22° 10' 49"	104° 31' 21"					F-48-42-C
núi Làng Khem	SV	xã Long Phúc	H. Bảo Yên	22° 09' 51"	104° 33' 16"					F-48-42-C
ngòi Lủ	TV	xã Long Phúc	H. Bảo Yên			22° 09' 27"	104° 32' 01"	22° 12' 03"	104° 32' 31"	F-48-42-C
thôn Nà Khem	DC	xã Long Phúc	H. Bảo Yên	22° 10' 37"	104° 32' 25"					F-48-42-C
thôn Nà Phát	DC	xã Long Phúc	H. Bảo Yên	22° 09' 49"	104° 32' 14"					F-48-42-C
thôn Tằng Cà	DC	xã Long Phúc	H. Bảo Yên	22° 11' 04"	104° 32' 25"					F-48-42-C
khe Thìn	TV	xã Long Phúc	H. Bảo Yên			22° 09' 18"	104° 32' 49"	22° 09' 27"	104° 32' 01"	F-48-42-C
thôn Tổng Vương	DC	xã Long Phúc	H. Bảo Yên	22° 11' 27"	104° 32' 23"					F-48-42-C
thôn Trõ	DC	xã Long Phúc	H. Bảo Yên	22° 12' 10"	104° 31' 36"					F-48-42-C
ngòi Trõ	TV	xã Long Phúc	H. Bảo Yên			22° 11' 34"	104° 31' 15"	22° 12' 21"	104° 31' 50"	F-48-42-C
bản Chiềng 3	DC	xã Lương Sơn	H. Bảo Yên	22° 10' 12"	104° 30' 04"					F-48-42-C
ngòi Guông	TV	xã Lương Sơn	H. Bảo Yên			22° 11' 05"	104° 29' 58"	22° 12' 40"	104° 30' 24"	F-48-42-C
bản Khe Pịa	DC	xã Lương Sơn	H. Bảo Yên	22° 12' 13"	104° 30' 23"					F-48-42-C
bản Lù	DC	xã Lương Sơn	H. Bảo Yên	22° 09' 37"	104° 29' 49"					F-48-41-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ngòi Mác	TV	xã Lương Sơn	H. Bảo Yên			22° 10' 46"	104° 28' 35"	22° 11' 05"	104° 29' 58"	F-48-42-D
bản Phia	DC	xã Lương Sơn	H. Bảo Yên	22° 10' 58"	104° 30' 15"					F-48-42-C
bản Phia 1	DC	xã Lương Sơn	H. Bảo Yên	22° 11' 16"	104° 30' 08"					F-48-42-C
bản Phia 2	DC	xã Lương Sơn	H. Bảo Yên	22° 11' 20"	104° 29' 45"					F-48-41-D
bản Pịt	DC	xã Lương Sơn	H. Bảo Yên	22° 11' 00"	104° 29' 05"					F-48-41-D
ngòi Sài 3	TV	xã Lương Sơn	H. Bảo Yên			22° 11' 51"	104° 27' 44"	22° 12' 58"	104° 29' 14"	F-48-42-D
bản Sơn Hải - Sài 1	DC	xã Lương Sơn	H. Bảo Yên	22° 12' 49"	104° 29' 04"					F-48-41-D
núi Tam Tại	KX	xã Lương Sơn	H. Bảo Yên	22° 12' 04"	104° 29' 15"					F-48-41-D
bản Vuộc	DC	xã Lương Sơn	H. Bảo Yên	22° 09' 46"	104° 30' 07"					F-48-42-C
thôn Bon	DC	xã Minh Tân	H. Bảo Yên	22° 15' 02"	104° 25' 52"					F-48-41-B
ngòi Bon	TV	xã Minh Tân	H. Bảo Yên			22° 14' 48"	104° 24' 15"	22° 15' 15"	104° 26' 00"	F-48-41-D
thôn Bon 4	DC	xã Minh Tân	H. Bảo Yên	22° 15' 15"	104° 26' 15"					F-48-41-B
núi Cháu	SV	xã Minh Tân	H. Bảo Yên	22° 14' 04"	104° 22' 24"					F-48-41-D
thôn Cốc Ly	DC	xã Minh Tân	H. Bảo Yên	22° 15' 28"	104° 24' 47"					F-48-41-B
thôn Mai 1	DC	xã Minh Tân	H. Bảo Yên	22° 14' 11"	104° 23' 52"					F-48-41-D
thôn Minh Hải	DC	xã Minh Tân	H. Bảo Yên	22° 14' 35"	104° 25' 26"					F-48-41-B
nậm Cằm	TV	xã Nghĩa Đô	H. Bảo Yên			22° 23' 58"	104° 25' 24"	22° 23' 34"	104° 27' 40"	F-48-41-B
thôn Đon	DC	xã Nghĩa Đô	H. Bảo Yên	22° 23' 02"	104° 26' 34"					F-48-41-B
nậm Đon	TV	xã Nghĩa Đô	H. Bảo Yên			22° 23' 00"	104° 25' 01"	22° 23' 02"	104° 27' 20"	F-48-41-B
thôn Hốc	DC	xã Nghĩa Đô	H. Bảo Yên	22° 22' 46"	104° 26' 56"					F-48-41-B
nậm Hốc	TV	xã Nghĩa Đô	H. Bảo Yên			22° 22' 38"	104° 25' 47"	22° 23' 02"	104° 27' 20"	F-48-41-B
thôn Hón	DC	xã Nghĩa Đô	H. Bảo Yên	22° 24' 22"	104° 27' 47"					F-48-41-B
thôn Kem	DC	xã Nghĩa Đô	H. Bảo Yên	22° 23' 37"	104° 27' 22"					F-48-41-B
đèo Kho Ái	SV	xã Nghĩa Đô	H. Bảo Yên	22° 24' 55"	104° 29' 16"					F-48-41-B
thôn Lằng	DC	xã Nghĩa Đô	H. Bảo Yên	22° 24' 37"	104° 28' 17"					F-48-41-B
nậm Lằng	TV	xã Nghĩa Đô	H. Bảo Yên			22° 27' 25"	104° 28' 11"	22° 24' 14"	104° 27' 50"	F-48-41-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nậm Lẹng	TV	xã Nghĩa Đô	H. Bảo Yên			22° 30' 25"	104° 26' 30"	22° 24' 14"	104° 27' 50"	F-48-41-B
bản Nà Khương	DC	xã Nghĩa Đô	H. Bảo Yên	22° 24' 18"	104° 28' 17"					F-48-41-B
thôn Nà Mường	DC	xã Nghĩa Đô	H. Bảo Yên	22° 24' 07"	104° 27' 48"					F-48-41-B
thôn Nà Uốt	DC	xã Nghĩa Đô	H. Bảo Yên	22° 22' 58"	104° 27' 44"					F-48-41-B
thôn Nặm Cằm	DC	xã Nghĩa Đô	H. Bảo Yên	22° 24' 03"	104° 27' 13"					F-48-41-B
ngòi Nghĩa Đô	TV	xã Nghĩa Đô	H. Bảo Yên			22° 24' 14"	104° 27' 50"	22° 22' 53"	104° 28' 11"	F-48-41-B
thôn Ràng	DC	xã Nghĩa Đô	H. Bảo Yên	22° 24' 32"	104° 28' 57"					F-48-41-B
thôn Rịa	DC	xã Nghĩa Đô	H. Bảo Yên	22° 23' 09"	104° 27' 40"					F-48-41-B
thôn Thâm Mạ	DC	xã Nghĩa Đô	H. Bảo Yên	22° 23' 28"	104° 27' 12"					F-48-41-B
quốc lộ 279	KX	xã Tân Dương	H. Bảo Yên			22° 17' 25"	104° 28' 13"	22° 14' 26"	104° 29' 18"	F-42-41-B
sông Chảy	TV	xã Tân Dương	H. Bảo Yên			22° 19' 34"	104° 26' 01"	22° 14' 22"	104° 29' 21"	F-42-41-B
suối Làng Rạng	TV	xã Tân Dương	H. Bảo Yên			22° 20' 21"	104° 26' 46"	22° 19' 34"	104° 26' 01"	F-42-41-B
thôn Mỏ Đá	DC	xã Tân Dương	H. Bảo Yên	22° 15' 54"	104° 29' 10"					F-42-41-B
thôn Mỏ Siêu	DC	xã Tân Dương	H. Bảo Yên	22° 18' 06"	104° 26' 41"					F-42-41-B
thôn Mủng	DC	xã Tân Dương	H. Bảo Yên	22° 16' 55"	104° 28' 16"					F-42-41-B
thôn Mười	DC	xã Tân Dương	H. Bảo Yên	22° 19' 09"	104° 26' 22"					F-42-41-B
thôn Nà Đò	DC	xã Tân Dương	H. Bảo Yên	22° 17' 17"	104° 27' 01"					F-42-41-B
thôn Rằm	DC	xã Tân Dương	H. Bảo Yên	22° 18' 28"	104° 27' 06"					F-42-41-B
thôn Cán Chải 1	DC	xã Tân Tiến	H. Bảo Yên	22° 28' 21"	104° 25' 37"					F-48-41-B
thôn Cán Chải 2	DC	xã Tân Tiến	H. Bảo Yên	22° 29' 10"	104° 25' 15"					F-48-41-B
thôn Cốc Tào	DC	xã Tân Tiến	H. Bảo Yên	22° 26' 38"	104° 24' 52"					F-48-41-B
nậm Hu	TV	xã Tân Tiến	H. Bảo Yên			22° 29' 06"	104° 26' 43"	22° 25' 18"	104° 26' 30"	F-48-41-B
nậm Khiêu	TV	xã Tân Tiến	H. Bảo Yên			22° 24' 24"	104° 24' 25"	22° 25' 44"	104° 25' 52"	F-48-41-B
thôn Nà Bon	DC	xã Tân Tiến	H. Bảo Yên	22° 27' 11"	104° 25' 13"					F-48-41-B
thôn Nà Phụng	DC	xã Tân Tiến	H. Bảo Yên	22° 25' 22"	104° 24' 18"					F-48-41-B
thôn Nậm Bắt	DC	xã Tân Tiến	H. Bảo Yên	22° 29' 18"	104° 27' 14"					F-48-41-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nậm Đâu	DC	xã Tân Tiến	H. Bảo Yên	22° 25' 26"	104° 25' 47"					F-48-41-B
thôn Nậm Dỉn	DC	xã Tân Tiến	H. Bảo Yên	22° 27' 04"	104° 24' 32"					F-48-41-B
núi Nậm Nông	KX	xã Tân Tiến	H. Bảo Yên	22° 24' 38"	104° 23' 29"					F-48-41-B
thôn Nậm Phày	DC	xã Tân Tiến	H. Bảo Yên	22° 28' 29"	104° 26' 30"					F-48-41-B
thôn Nậm Rịa	DC	xã Tân Tiến	H. Bảo Yên	22° 26' 38"	104° 25' 52"					F-48-41-B
thôn Thắc Sa	DC	xã Tân Tiến	H. Bảo Yên	22° 25' 47"	104° 25' 42"					F-48-41-B
quốc lộ 70	KX	xã Thượng Hà	H. Bảo Yên			22° 18' 04"	104° 21' 20"	22° 14' 42"	104° 27' 30"	F-42-41-D
thôn 1 Mai Đào	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Yên	22° 17' 06"	104° 19' 56"					F-42-41-B
thôn 2 Mai Đào	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Yên	22° 16' 40"	104° 20' 58"					F-42-41-B
thôn 2 Vải Siêu	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Yên	22° 16' 08"	104° 24' 04"					F-42-41-B
thôn 3 Mai Đào	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Yên	22° 17' 31"	104° 21' 35"					F-42-41-B
thôn 3 Vải Siêu	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Yên	22° 17' 02"	104° 24' 12"					F-42-41-B
thôn 4 Mai Đào	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Yên	22° 16' 55"	104° 21' 17"					F-42-41-B
thôn 4 Vải Siêu	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Yên	22° 17' 42"	104° 25' 59"					F-42-41-B
thôn 5 Vải Siêu	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Yên	22° 18' 18"	104° 26' 18"					F-42-41-B
thôn 6 Mai Đào	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Yên	22° 18' 27"	104° 22' 57"					F-42-41-B
thôn 6 Vải Siêu	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Yên	22° 19' 13"	104° 26' 07"					F-42-41-B
thôn 7 Mai Đào	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Yên	22° 19' 39"	104° 24' 12"					F-42-41-B
thôn 7 Vải Siêu	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Yên	22° 17' 08"	104° 25' 27"					F-42-41-B
thôn 8 Vải Siêu	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Yên	22° 18' 56"	104° 24' 42"					F-42-41-B
suối Làng Kén	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Yên			22° 18' 21"	104° 25' 03"	22° 19' 37"	104° 25' 24"	F-42-41-B
suối Ngầm	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Yên			22° 16' 35"	104° 24' 19"	22° 18' 09"	104° 26' 36"	F-42-41-B
núi Pu Ta Ca	SV	xã Thượng Hà	H. Bảo Yên	22° 18' 19"	104° 24' 28"					F-42-41-B
làng Vài	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Yên	22° 15' 51"	104° 25' 49"					F-42-41-B
bản Bèn	DC	xã Việt Tiến	H. Bảo Yên	22° 12' 23"	104° 36' 18"					F-48-42-C
bản Cóc	DC	xã Việt Tiến	H. Bảo Yên	22° 11' 36"	104° 34' 07"					F-48-42-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Già Hạ	DC	xã Việt Tiến	H. Bảo Yên	22° 11' 07"	104° 36' 19"					F-48-42-C
hồ Gia Thượng	TV	xã Việt Tiến	H. Bảo Yên	22° 11' 51"	104° 35' 17"					F-48-42-C
sông Gia Thượng	TV	xã Việt Tiến	H. Bảo Yên			22° 11' 50"	104° 36' 21"	22° 11' 50"	104° 34' 53"	F-48-42-C
bản Già Thượng	DC	xã Việt Tiến	H. Bảo Yên	22° 11' 52"	104° 35' 21"					F-48-42-C
núi Giáp Pin	SV	xã Việt Tiến	H. Bảo Yên	22° 12' 35"	104° 36' 58"					F-48-42-C
bản Hàm Rồng	DC	xã Việt Tiến	H. Bảo Yên	22° 10' 47"	104° 36' 19"					F-48-42-C
hồ Hàm Rồng	TV	xã Việt Tiến	H. Bảo Yên	22° 10' 48"	104° 36' 25"					F-48-42-C
đập Khe Trèn	KX	xã Việt Tiến	H. Bảo Yên	22° 12' 02"	104° 35' 01"					F-48-42-C
bản Khiểng	DC	xã Việt Tiến	H. Bảo Yên	22° 12' 04"	104° 34' 14"					F-48-42-C
suối Khiểng	TV	xã Việt Tiến	H. Bảo Yên			22° 14' 02"	104° 34' 59"	22° 22' 11"	104° 33' 57"	F-48-42-C
núi Mu Đoỏng	SV	xã Việt Tiến	H. Bảo Yên	22° 15' 07"	104° 34' 59"					F-48-42-A
bản Tân Thành	DC	xã Việt Tiến	H. Bảo Yên	22° 11' 53"	104° 36' 18"					F-48-42-C
bản Việt Hải	DC	xã Việt Tiến	H. Bảo Yên	22° 13' 00"	104° 34' 36"					F-48-42-C
quốc lộ 279	KX	xã Vĩnh Tiến	H. Bảo Yên			22° 22' 54"	104° 28' 16"	22° 20' 35"	104° 29' 34"	F-48-41-B
ngòi Đao	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Bảo Yên			22° 20' 36"	104° 33' 10"	22° 21' 16"	104° 29' 35"	F-48-41-B
núi Khau Bôn	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Bảo Yên	22° 21' 23"	104° 34' 02"					F-48-42-A
thôn Khuổi Phường	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Bảo Yên	22° 22' 14"	104° 28' 37"					F-48-41-B
thôn Khuổi Vèng	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Bảo Yên	22° 21' 48"	104° 21' 48"					F-48-41-B
ngòi Kỳ	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Bảo Yên			22° 21' 57"	104° 31' 05"	22° 21' 11"	104° 29' 25"	F-48-42-A
thôn Nậm Kỳ	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Bảo Yên	22° 22' 15"	104° 31' 36"					F-48-42-A
thôn Năm Lúa	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Bảo Yên	22° 22' 46"	104° 29' 09"					F-48-41-B
thôn Nặm Lúa	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Bảo Yên	22° 23' 19"	104° 29' 03"					F-48-41-B
thôn Nặm Pạn	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Bảo Yên	22° 21' 01"	104° 31' 15"					F-48-42-A
ngòi Nghĩa Đô	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Bảo Yên			22° 22' 53"	104° 28' 11"	22° 20' 34"	104° 29' 31"	F-48-41-B
thôn Pác Mặc	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Bảo Yên	22° 21' 12"	104° 21' 12"					F-48-41-B
thôn Tạng Què	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Bảo Yên	22° 22' 28"	104° 27' 52"					F-48-41-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tổng Kim	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Bảo Yên	22° 21' 01"	104° 31' 47"					F-48-42-A
suối Bắc Cường	TV	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên			22° 20' 34"	104° 29' 31"	22° 17' 25"	104° 28' 16"	F-48-41-B
thôn Cuông 2	DC	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên	22° 17' 13"	104° 28' 23"					F-48-41-B
thôn Cuông 3	DC	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên	22° 18' 54"	104° 28' 35"					F-48-41-B
ngòi Du	TV	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên			22° 18' 14"	104° 32' 21"	22° 16' 32"	104° 30' 20"	F-48-42-A
thôn Đát	DC	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên	22° 20' 10"	104° 30' 50"					F-48-42-A
núi Già Nàng	SV	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên	22° 18' 44"	104° 34' 42"					F-48-42-A
xóm Hạ	DC	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên	22° 17' 20"	104° 30' 57"					F-48-42-A
thôn Kẹm	DC	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên	22° 18' 54"	104° 30' 50"					F-48-42-A
thôn Lu	DC	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên	22° 20' 10"	104° 30' 14"					F-48-42-A
thôn Mai Hạ	DC	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên	22° 17' 20"	104° 30' 57"					F-48-42-A
thôn Mai Thượng	DC	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên	22° 17' 46"	104° 21' 54"					F-48-42-A
thôn Mai Trung	DC	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên	22° 17' 20"	104° 31' 33"					F-48-42-A
thôn Mí 2	DC	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên	22° 20' 10"	104° 30' 20"					F-48-42-A
thôn Mo 2	DC	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên	22° 20' 10"	104° 32' 22"					F-48-42-A
thôn Qua 1	DC	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên	22° 18' 11"	104° 32' 58"					F-48-42-A
thôn Rằm	DC	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên	22° 17' 55"	104° 27' 45"					F-48-41-B
bản Sáo	DC	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên	22° 17' 20"	104° 17' 20"					F-48-42-A
thôn Tham Động	DC	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên	22° 15' 57"	104° 29' 18"					F-48-41-B
xóm Thượng	DC	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên	22° 18' 13"	104° 31' 35"					F-48-42-A
thôn Vắt	DC	xã Xuân Hòa	H. Bảo Yên	22° 20' 10"	104° 29' 27"					F-48-41-B
bản 2 Làng Thâu	DC	xã Xuân Thượng	H. Bảo Yên	22° 13' 57"	104° 32' 13"					F-48-42-C
bản 7 Vành	DC	xã Xuân Thượng	H. Bảo Yên	22° 13' 53"	104° 30' 20"					F-48-42-C
sông Chảy	TV	xã Xuân Thượng	H. Bảo Yên			22° 13' 34"	104° 29' 49"	22° 11' 52"	104° 33' 28"	F-48-42-C
ngòi Thâu	TV	xã Xuân Thượng	H. Bảo Yên			22° 14' 22"	104° 33' 15"	22° 12' 39"	104° 31' 30"	F-48-42-C
suối Vành	TV	xã Xuân Thượng	H. Bảo Yên			22° 15' 25"	104° 31' 46"	22° 13' 34"	104° 30' 05"	F-48-42-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 70	KX	xã Yên Sơn	H. Bảo Yên			22° 11' 09"	104° 26' 34"	22° 14' 42"	104° 27' 30"	F-48-41-D
quốc lộ 279	KX	xã Yên Sơn	H. Bảo Yên			22° 14' 21"	104° 27' 30"	22° 12' 48"	104° 24' 50"	F-48-41-D
bản Bát	DC	xã Yên Sơn	H. Bảo Yên	22° 13' 56"	104° 27' 01"					F-48-41-D
bản Chom	DC	xã Yên Sơn	H. Bảo Yên	22° 14' 53"	104° 26' 36"					F-48-41-D
bản Lự	DC	xã Yên Sơn	H. Bảo Yên	22° 13' 32"	104° 28' 35"					F-48-41-D
bản Mạ 1	DC	xã Yên Sơn	H. Bảo Yên	22° 12' 49"	104° 26' 39"					F-48-41-D
bản Mạ 2	DC	xã Yên Sơn	H. Bảo Yên	22° 13' 30"	104° 26' 44"					F-48-41-D
bản Múi 2	DC	xã Yên Sơn	H. Bảo Yên	22° 13' 00"	104° 25' 58"					F-48-41-D
bản Tổng Già	DC	xã Yên Sơn	H. Bảo Yên	22° 13' 28"	104° 27' 36"					F-48-41-D
tổ 2	DC	TT. Bát Xát	H. Bát Xát	22° 33' 02"	103° 52' 50"					F-48-28-D
hồ Lá Luộc	TV	TT. Bát Xát	H. Bát Xát	22° 32' 41"	103° 52' 46"					F-48-28-D
bản Khoa San Chải	DC	xã A Lù	H. Bát Xát	22° 42' 16"	103° 34' 34"					F-48-28-A+C
suối Lũng Pô	TV	xã A Lù	H. Bát Xát			22° 41' 38"	103° 33' 49"	22° 44' 35"	103° 35' 39"	F-48-28-A+C
bản Ngải Chồ	DC	xã A Lù	H. Bát Xát	22° 42' 07"	103° 35' 28"					F-48-28-A+C
suối Ngải Chồ	TV	xã A Lù	H. Bát Xát			22° 42' 42"	103° 35' 44"	22° 43' 05"	103° 34' 22"	F-48-28-A+C
bản Séo Phìn Chư	DC	xã A Lù	H. Bát Xát	22° 41' 35"	103° 34' 50"					F-48-28-A+C
suối Tả Suối Câu	TV	xã A Lù	H. Bát Xát			22° 42' 26"	103° 36' 49"	22° 44' 13"	103° 35' 26"	F-48-28-A+C
bản Tả Suối Câu 1	DC	xã A Lù	H. Bát Xát	22° 42' 24"	103° 36' 29"					F-48-28-A+C
bản Tả Suối Câu 2	DC	xã A Lù	H. Bát Xát	22° 42' 08"	103° 36' 51"					F-48-28-A+C
sông Hồng	TV	xã A Mú Sung	H. Bát Xát			22° 47' 44"	103° 38' 38"	22° 44' 56"	103° 41' 24"	F-48-28-A+C
núi Lũng Pô	SV	xã A Mú Sung	H. Bát Xát	22° 47' 20"	103° 38' 33"					F-48-28-A+C
suối Lũng Pô	TV	xã A Mú Sung	H. Bát Xát			22° 44' 35"	103° 35' 40"	22° 47' 44"	103° 38' 38"	F-48-28-A+C
thôn Nậm Mít	DC	xã A Mú Sung	H. Bát Xát	22° 46' 14"	103° 38' 08"					F-48-28-A+C
thôn Ngải Trồ	DC	xã A Mú Sung	H. Bát Xát	22° 42' 19"	103° 38' 10"					F-48-28-A+C
suối Pạc Chi	TV	xã A Mú Sung	H. Bát Xát			22° 45' 35"	103° 37' 37"	22° 46' 24"	103° 37' 00"	F-48-28-A+C
thôn Phù Lao Chải	DC	xã A Mú Sung	H. Bát Xát	22° 44' 27"	103° 37' 27"					F-48-28-A+C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tung Qua	DC	xã A Mú Sung	H. Bát Xát	22° 45' 09"	103° 38' 11"					F-48-28-A+C
thôn Tùng Sáng	DC	xã A Mú Sung	H. Bát Xát	22° 45' 59"	103° 39' 33"					F-48-28-A+C
đường tỉnh 156	KX	xã Bản Qua	H. Bát Xát			22° 35' 07"	103° 50' 53"	22° 32' 08"	103° 52' 36"	F-48-28-D
suối Bản Vai	TV	xã Bản Qua	H. Bát Xát			22° 32' 01"	103° 50' 06"	22° 32' 45"	103° 50' 52"	F-48-28-D
bản Cát	DC	xã Bản Qua	H. Bát Xát	22° 32' 47"	103° 51' 33"					F-48-28-D
thôn Châu Giàng	DC	xã Bản Qua	H. Bát Xát	22° 33' 06"	103° 53' 54"					F-48-28-D
núi Dong Cuông	SV	xã Bản Qua	H. Bát Xát	22° 30' 23"	103° 48' 55"					F-48-28-D
thôn Hải Khê	DC	xã Bản Qua	H. Bát Xát	22° 35' 04"	103° 51' 25"					F-48-28-D
sông Hồng	TV	xã Bản Qua	H. Bát Xát			22° 35' 26"	103° 51' 15"	22° 32' 58"	103° 54' 30"	F-48-28-D
thôn Lùng Thàng	DC	xã Bản Qua	H. Bát Xát	22° 32' 52"	103° 50' 44"					F-48-28-D
làng Mới	DC	xã Bản Qua	H. Bát Xát	22° 32' 00"	103° 50' 55"					F-48-28-D
bản Náng	DC	xã Bản Qua	H. Bát Xát	22° 31' 42"	103° 53' 28"					F-48-28-D
bản Pho	DC	xã Bản Qua	H. Bát Xát	22° 32' 26"	103° 50' 29"					F-48-28-D
bản Qua	DC	xã Bản Qua	H. Bát Xát	22° 33' 32"	103° 52' 32"					F-48-28-D
thôn Tân Bảo	DC	xã Bản Qua	H. Bát Xát	22° 34' 07"	103° 51' 31"					F-48-28-D
bản Trang	DC	xã Bản Qua	H. Bát Xát	22° 31' 12"	103° 53' 46"					F-48-28-D
bản Trung	DC	xã Bản Qua	H. Bát Xát	22° 31' 41"	103° 54' 00"					F-48-28-D
bản Vai	DC	xã Bản Qua	H. Bát Xát	22° 33' 26"	103° 52' 00"					F-48-28-D
bản Vền	DC	xã Bản Qua	H. Bát Xát	22° 34' 17"	103° 51' 15"					F-48-28-D
thôn Vi Phái	DC	xã Bản Qua	H. Bát Xát	22° 32' 19"	103° 51' 21"					F-48-28-D
cầu Vòm Bản Vai	KX	xã Bản Qua	H. Bát Xát	22° 33' 20"	103° 52' 06"					F-48-28-D
cầu Bản Vược	KX	xã Bản Vược	H. Bát Xát	22° 35' 21"	103° 50' 29"					F-48-28-D
thôn III	DC	xã Bản Vược	H. Bát Xát	22° 35' 48"	103° 50' 08"					F-48-28-D
thôn Km0	DC	xã Bản Vược	H. Bát Xát	22° 35' 21"	103° 49' 37"					F-48-28-D
thôn Km4	DC	xã Bản Vược	H. Bát Xát	22° 34' 01"	103° 49' 46"					F-48-28-D
thôn Mường Đơ	DC	xã Bản Vược	H. Bát Xát	22° 36' 55"	103° 48' 40"					F-48-28-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Phố Cũ	TV	xã Bản Vược	H. Bát Xát			22° 34' 20"	103° 48' 55"	22° 35' 26"	103° 51' 09"	F-48-28-D
thôn Po Hà	DC	xã Bản Vược	H. Bát Xát	22° 34' 33"	103° 46' 01"					F-48-28-D
núi Po Sen	SV	xã Bản Vược	H. Bát Xát	22° 33' 44"	103° 46' 27"					F-48-28-D
bản San Bang	DC	xã Bản Vược	H. Bát Xát	22° 36' 02"	103° 48' 06"					F-48-28-D
thôn San Lùng	DC	xã Bản Vược	H. Bát Xát	22° 35' 00"	103° 47' 06"					F-48-28-D
suối Sinh Quyền	TV	xã Bản Vược	H. Bát Xát			22° 33' 48"	103° 44' 49"	22° 37' 20"	103° 49' 10"	F-48-28-D
bản Trí	DC	xã Bản Vược	H. Bát Xát	22° 36' 45"	103° 49' 17"					F-48-28-D
thôn Cán Tỷ	DC	xã Bản Xèo	H. Bát Xát	22° 30' 42"	103° 44' 03"					F-48-28-A+C
suối Mường Hum	TV	xã Bản Xèo	H. Bát Xát			22° 32' 37"	103° 43' 46"	22° 32' 44"	103° 44' 06"	F-48-28-A+C
suối Sin Quyền	TV	xã Bản Xèo	H. Bát Xát			22° 32' 44"	103° 44' 06"	22° 33' 48"	103° 44' 49"	F-48-28-A+C
bản Xèo	DC	xã Bản Xèo	H. Bát Xát	22° 32' 07"	103° 44' 45"					F-48-28-A+C
thôn Bầu Bàng	DC	xã Cốc Mỳ	H. Bát Xát	22° 38' 12"	103° 47' 17"					F-48-28-D
thôn Minh Tân	DC	xã Cốc Mỳ	H. Bát Xát	22° 37' 43"	103° 47' 49"					F-48-28-D
thôn Ná Lùng	DC	xã Cốc Mỳ	H. Bát Xát	22° 37' 40"	103° 46' 06"					F-48-28-D
thôn Nậm Chỏn	DC	xã Cốc Mỳ	H. Bát Xát	22° 36' 51"	103° 47' 15"					F-48-28-D
suối Ngòi Phát	TV	xã Cốc Mỳ	H. Bát Xát			22° 33' 48"	103° 44' 49"	22° 37' 20"	103° 49' 10"	F-48-28-D
thôn Seo Phìn Than	DC	xã Cốc Mỳ	H. Bát Xát	22° 33' 34"	103° 44' 48"					F-48-28-A+C
thôn Tả Liềng	DC	xã Cốc Mỳ	H. Bát Xát	22° 35' 03"	103° 43' 47"					F-48-28-A+C
thôn Tả Suối Câu	DC	xã Cốc Mỳ	H. Bát Xát	22° 35' 56"	103° 45' 12"					F-48-28-D
thôn Tân Hào	DC	xã Cốc Mỳ	H. Bát Xát	22° 38' 46"	103° 47' 51"					F-48-28-D
thôn Tân Long	DC	xã Cốc Mỳ	H. Bát Xát	22° 38' 27"	103° 44' 44"					F-48-28-A+C
bản Trang	DC	xã Cốc Mỳ	H. Bát Xát	22° 38' 16"	103° 48' 21"					F-48-28-D
quốc lộ 4D	KX	xã Cốc San	H. Bát Xát			22° 26' 28"	103° 56' 17"	22° 27' 53"	103° 57' 36"	F-48-40-B
thôn An San	DC	xã Cốc San	H. Bát Xát	22° 27' 05"	103° 56' 38"					F-48-40-B
thôn Luổng Đơ	DC	xã Cốc San	H. Bát Xát	22° 27' 36"	103° 56' 32"					F-48-40-B
thôn Luổng Láo	DC	xã Cốc San	H. Bát Xát	22° 27' 29"	103° 57' 00"					F-48-40-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Số 9	KX	xã Cốc San	H. Bát Xát	22° 56' 25"	103° 27' 54"					F-48-40-B
thôn Tân Sơn	DC	xã Cốc San	H. Bát Xát	22° 27' 41"	103° 55' 45"					F-48-40-B
thôn Tòng Chú	DC	xã Cốc San	H. Bát Xát	22° 28' 24"	103° 56' 08"					F-48-40-B
thôn Tòng Xành	DC	xã Cốc San	H. Bát Xát	22° 28' 27"	103° 55' 32"					F-48-40-B
thôn Ún Tà	DC	xã Cốc San	H. Bát Xát	22° 27' 53"	103° 56' 46"					F-48-40-B
thôn Dền Sáng	DC	xã Dền Sáng	H. Bát Xát	22° 35' 14"	103° 40' 33"					F-48-28-A+C
thôn Nậm Giàng	DC	xã Dền Sáng	H. Bát Xát	22° 33' 37"	103° 40' 07"					F-48-28-A+C
thôn Ngải Chồ	DC	xã Dền Sáng	H. Bát Xát	22° 35' 50"	103° 39' 49"					F-48-28-A+C
thôn Sìn Chồ	DC	xã Dền Sáng	H. Bát Xát	22° 34' 12"	103° 40' 52"					F-48-28-A+C
thôn Tả Dền Thàng	DC	xã Dền Sáng	H. Bát Xát	22° 37' 03"	103° 39' 28"					F-48-28-A+C
thôn Trung Chải	DC	xã Dền Sáng	H. Bát Xát	22° 34' 33"	103° 41' 01"					F-48-28-A+C
nậm Hô	TV	xã Dền Thàng	H. Bát Xát			22° 33' 53"	103° 40' 45"	22° 31' 51"	103° 41' 45"	F-48-28-A+C
thôn Làng Mò	DC	xã Dền Thàng	H. Bát Xát	22° 31' 53"	103° 41' 55"					F-48-28-A+C
thôn Lung Thang	DC	xã Dền Thàng	H. Bát Xát	22° 34' 13"	103° 42' 54"					F-48-28-A+C
suối Mường Hum	TV	xã Dền Thàng	H. Bát Xát			22° 31' 44"	103° 41' 54"	22° 32' 44"	103° 44' 06"	F-48-28-A+C
bản Phố	DC	xã Dền Thàng	H. Bát Xát	22° 32' 45"	103° 42' 13"					F-48-28-A+C
thôn Pin Ha	DC	xã Dền Thàng	H. Bát Xát	22° 32' 25"	103° 42' 21"					F-48-28-A+C
thôn Sín Chải	DC	xã Dền Thàng	H. Bát Xát	22° 32' 59"	103° 42' 08"					F-48-28-A+C
suối Sin Quyền	TV	xã Dền Thàng	H. Bát Xát			22° 32' 44"	103° 44' 06"	22° 33' 48"	103° 44' 49"	F-48-28-A+C
thôn Tả Phìn	DC	xã Dền Thàng	H. Bát Xát	22° 33' 44"	103° 41' 43"					F-48-28-A+C
núi Ky Quan San	SV	xã Mường Hum	H. Bát Xát	22° 30' 36"	103° 39' 16"					F-48-28-A+C
thôn Mường Hum	DC	xã Mường Hum	H. Bát Xát	22° 31' 48"	103° 42' 35"					F-48-28-A+C
thôn Piềng Láo	DC	xã Mường Hum	H. Bát Xát	22° 31' 02"	103° 41' 46"					F-48-28-A+C
thôn Séo Pờ Hồ	DC	xã Mường Hum	H. Bát Xát	22° 30' 36"	103° 41' 10"					F-48-28-A+C
thôn Sín Chải	DC	xã Mường Hum	H. Bát Xát	22° 30' 43"	103° 42' 38"					F-48-28-A+C
ngòi Tà Lơi	TV	xã Mường Hum	H. Bát Xát			22° 29' 12"	103° 39' 19"	22° 30' 39"	103° 41' 58"	F-48-28-A+C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ngòi Tà Lơi	TV	xã Mường Hum	H. Bát Xát			23° 29' 12"	104° 39' 19"	23° 30' 39"	104° 41' 58"	F-48-28-A+C
thôn Tả Pờ Hồ	DC	xã Mường Hum	H. Bát Xát	22° 30' 04"	103° 39' 46"					F-48-28-A+C
suối Tả Pờ Hồ	TV	xã Mường Hum	H. Bát Xát			22° 30' 42"	103° 39' 31"	22° 29' 36"	103° 39' 59"	F-48-28-A+C
bản A Lù	DC	xã Mường Vi	H. Bát Xát	22° 42' 26"	103° 35' 47"					F-48-28-A+C
thôn Cửa Cải	DC	xã Mường Vi	H. Bát Xát	22° 33' 29"	103° 47' 41"					F-48-28-A+C
thôn Dao	DC	xã Mường Vi	H. Bát Xát	22° 31' 54"	103° 47' 35"					F-48-28-A+C
bản Khoa San Chải	DC	xã Mường Vi	H. Bát Xát	22° 42' 16"	103° 34' 34"					F-48-28-A+C
suối Mường Vi	TV	xã Mường Vi	H. Bát Xát			22° 32' 35"	103° 47' 14"	22° 33' 49"	103° 48' 28"	F-48-28-D
thôn Ná Ản	DC	xã Mường Vi	H. Bát Xát	22° 33' 31"	103° 48' 29"					F-48-28-D
bản Pạc Cám	DC	xã Mường Vi	H. Bát Xát	22° 33' 20"	103° 48' 25"					F-48-28-D
bản Po Hà	DC	xã Mường Vi	H. Bát Xát	22° 34' 35"	103° 47' 55"					F-48-28-D
núi Po Sen	SV	xã Mường Vi	H. Bát Xát	22° 33' 44"	103° 46' 27"					F-48-28-D
nậm Chạc	TV	xã Nậm Chạc	H. Bát Xát			22° 42' 43"	103° 42' 12"	22° 42' 44"	103° 43' 25"	F-48-28-A+C
sông Hồng	TV	xã Nậm Chạc	H. Bát Xát			22° 44' 56"	103° 41' 24"	22° 42' 47"	103° 44' 16"	F-48-28-A+C
bản Khoang Thuyền	DC	xã Nậm Chạc	H. Bát Xát	22° 43' 48"	103° 39' 38"					F-48-28-A+C
bản Linh Giang	DC	xã Nậm Chạc	H. Bát Xát	22° 43' 26"	103° 39' 53"					F-48-28-A+C
bản Nậm Chạc 1	DC	xã Nậm Chạc	H. Bát Xát	22° 43' 18"	103° 42' 06"					F-48-28-A+C
bản Nậm Giang	DC	xã Nậm Chạc	H. Bát Xát	22° 42' 12"	103° 40' 16"					F-48-28-A+C
bản Nậm Giang 1	DC	xã Nậm Chạc	H. Bát Xát	22° 42' 50"	103° 42' 25"					F-48-28-A+C
bản Nậm Giang 2	DC	xã Nậm Chạc	H. Bát Xát	22° 43' 11"	103° 41' 44"					F-48-28-A+C
bản Pá	DC	xã Nậm Chạc	H. Bát Xát	22° 41' 26"	103° 41' 32"					F-48-28-A+C
bản Suối Thầu 2	DC	xã Nậm Chạc	H. Bát Xát	22° 43' 06"	103° 39' 52"					F-48-28-A+C
bản Suối Thầu 3	DC	xã Nậm Chạc	H. Bát Xát	22° 43' 47"	103° 39' 42"					F-48-28-A+C
suối Tùng Sáng	TV	xã Nậm Chạc	H. Bát Xát			22° 40' 44"	103° 40' 01"	22° 43' 42"	103° 43' 12"	F-48-28-A+C
bản Vĩ Lầu	DC	xã Nậm Chạc	H. Bát Xát	22° 42' 02"	103° 43' 06"					F-48-28-A+C
thôn Kin Chu Phìn	DC	xã Nậm Pung	H. Bát Xát	22° 28' 37"	103° 43' 44"					F-48-40-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nậm Pung	DC	xã Nậm Pung	H. Bát Xát	22° 29' 29"	103° 42' 26"					F-48-40-A
nậm Pung	TV	xã Nậm Pung	H. Bát Xát			22° 30' 29"	103° 43' 15"	22° 27' 54"	103° 47' 49"	F-48-40-A
thôn Sín Chải	DC	xã Nậm Pung	H. Bát Xát	22° 29' 00"	103° 41' 20"					F-48-40-A
thôn Tà Lé	DC	xã Nậm Pung	H. Bát Xát	22° 30' 09"	103° 41' 55"					F-48-28-A+C
suối Tà Lé	TV	xã Nậm Pung	H. Bát Xát			22° 28' 16"	103° 41' 12"	22° 30' 39"	103° 41' 58"	F-48-28-A+C
thôn Chin Chu Lìn	DC	xã Ngải Thầu	H. Bát Xát	22° 41' 10"	103° 35' 23"					F-48-28-A+C
suối Lũng Pô	TV	xã Ngải Thầu	H. Bát Xát			22° 40' 20"	103° 34' 35"	22° 41' 38"	103° 33' 49"	F-48-28-A+C
thôn Ngải Thầu Hạ	DC	xã Ngải Thầu	H. Bát Xát	22° 40' 08"	103° 37' 34"					F-48-28-A+C
thôn Ngải Thầu Thượng	DC	xã Ngải Thầu	H. Bát Xát	22° 40' 28"	103° 37' 18"					F-48-28-A+C
thôn Phìn Chải	DC	xã Ngải Thầu	H. Bát Xát	22° 41' 04"	103° 36' 37"					F-48-28-A+C
cầu Thiên Sinh	KX	xã Ngải Thầu	H. Bát Xát	22° 40' 54"	103° 33' 57"					F-48-28-A+C
bản Hắn Nắng	DC	xã Pa Cheo	H. Bát Xát	22° 28' 41"	103° 45' 25"					F-48-40-B
thôn Kin Sáng Hồ	DC	xã Pa Cheo	H. Bát Xát	22° 29' 08"	103° 45' 39"					F-48-40-B
thôn Séo Pa Cheo	DC	xã Pa Cheo	H. Bát Xát	22° 29' 54"	103° 45' 47"					F-48-40-B
thôn Tà Lèng	DC	xã Pa Cheo	H. Bát Xát	22° 30' 19"	103° 45' 12"					F-48-28-D
thôn Tả Pa Cheo	DC	xã Pa Cheo	H. Bát Xát	22° 30' 30"	103° 45' 52"					F-48-28-D
núi Dong Cuông	SV	xã Phìn Ngan	H. Bát Xát	22° 30' 23"	103° 48' 55"					F-48-28-D
thôn Khu Chù	DC	xã Phìn Ngan	H. Bát Xát	22° 28' 54"	103° 49' 11"					F-48-40-B
thôn Láo Sáng	DC	xã Phìn Ngan	H. Bát Xát	22° 28' 05"	103° 49' 02"					F-48-40-B
thôn Láo Vàng	DC	xã Phìn Ngan	H. Bát Xát	22° 27' 39"	103° 49' 10"					F-48-40-B
suối Phìn Hồ	TV	xã Phìn Ngan	H. Bát Xát			22° 26' 28"	103° 49' 36"	22° 28' 27"	103° 52' 15"	F-48-40-B
thôn Sải Duần	DC	xã Phìn Ngan	H. Bát Xát	22° 29' 20"	103° 51' 31"					F-48-40-B
thôn Sùng Bang	DC	xã Phìn Ngan	H. Bát Xát	22° 29' 35"	103° 51' 17"					F-48-40-B
thôn Sùng Hoảng	DC	xã Phìn Ngan	H. Bát Xát	22° 27' 53"	103° 52' 46"					F-48-40-B
thôn Sùng Vành	DC	xã Phìn Ngan	H. Bát Xát	22° 28' 31"	103° 52' 54"					F-48-40-B
thôn Sùng Vui	DC	xã Phìn Ngan	H. Bát Xát	22° 27' 11"	103° 50' 50"					F-48-40-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Suối Tủng	DC	xã Phìn Ngan	H. Bát Xát	22° 26' 59"	103° 49' 55"					F-48-40-B
suối Thầu	TV	xã Phìn Ngan	H. Bát Xát			22° 27' 45"	103° 48' 51"	23° 28' 27"	104° 52' 15"	F-48-40-B
thôn Trung Hồ	DC	xã Phìn Ngan	H. Bát Xát	22° 27' 45"	103° 49' 51"					F-48-40-B
thôn Trung Liềng	DC	xã Phìn Ngan	H. Bát Xát	22° 27' 40"	103° 50' 58"					F-48-40-B
thôn Tủi Mần	DC	xã Phìn Ngan	H. Bát Xát	22° 27' 35"	103° 50' 02"					F-48-40-B
thôn Vạn Hồ	DC	xã Phìn Ngan	H. Bát Xát	22° 28' 53"	103° 53' 01"					F-48-40-B
ngòi Xan	TV	xã Phìn Ngan	H. Bát Xát			22° 28' 27"	103° 52' 15"	22° 29' 40"	103° 53' 49"	F-48-40-B
đường tỉnh 156	KX	xã Quang Kim	H. Bát Xát			22° 31' 22"	103° 54' 24"	22° 31' 00"	103° 55' 43"	F-48-28-D
thôn An Quang	DC	xã Quang Kim	H. Bát Xát	22° 31' 32"	103° 55' 19"					F-48-28-D
thôn An Thành	DC	xã Quang Kim	H. Bát Xát	22° 31' 06"	103° 54' 57"					F-48-28-D
thôn Coóc Mỳ	DC	xã Quang Kim	H. Bát Xát	22° 30' 44"	104° 53' 30"					F-48-28-D
thôn Đồng Quang	DC	xã Quang Kim	H. Bát Xát	22° 30' 52"	103° 54' 46"					F-48-28-D
thôn Kim Thành	DC	xã Quang Kim	H. Bát Xát	22° 31' 17"	103° 55' 19"					F-48-28-D
thôn Làng Hang	DC	xã Quang Kim	H. Bát Xát	22° 32' 33"	103° 54' 32"					F-48-28-D
thôn Làng Kim	DC	xã Quang Kim	H. Bát Xát	22° 30' 33"	103° 54' 21"					F-48-28-D
thôn Làng Kim 2	DC	xã Quang Kim	H. Bát Xát	22° 29' 50"	103° 53' 52"					F-48-40-B
thôn Làng Pẳn	DC	xã Quang Kim	H. Bát Xát	22° 30' 56"	103° 54' 08"					F-48-28-D
thôn Làng Quang	DC	xã Quang Kim	H. Bát Xát	22° 31' 07"	103° 54' 38"					F-48-28-D
thôn Làng San	DC	xã Quang Kim	H. Bát Xát	22° 30' 18"	103° 54' 31"					F-48-28-D
thôn Làng Toòng	DC	xã Quang Kim	H. Bát Xát	22° 30' 24"	103° 54' 57"					F-48-28-D
suối Quang Kim	TV	xã Quang Kim	H. Bát Xát			22° 31' 07"	103° 54' 46"	22° 31' 43"	103° 55' 50"	F-48-28-D
cầu Quang Kim	KX	xã Quang Kim	H. Bát Xát	22° 31' 16"	103° 55' 09"					F-48-28-D
thôn Tả Trang	DC	xã Quang Kim	H. Bát Xát	22° 31' 06"	103° 52' 35"					F-48-28-D
thôn Khu Chu Phìn	DC	xã Sàng Ma Sáo	H. Bát Xát	22° 33' 58"	103° 39' 23"					F-48-28-A+C
thôn Ky Quan San	DC	xã Sàng Ma Sáo	H. Bát Xát	22° 31' 44"	103° 39' 43"					F-48-28-A+C
thôn Mà Mù Sử 1	DC	xã Sàng Ma Sáo	H. Bát Xát	22° 32' 18"	103° 41' 13"					F-48-28-A+C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nậm Pẻn	DC	xã Sàng Ma Sáo	H. Bát Xát	22° 32' 23"	103° 39' 12"					F-48-28-A+C
suối Nậm Pẻn	TV	xã Sàng Ma Sáo	H. Bát Xát			22° 31' 57"	103° 36' 57"	22° 31' 58"	103° 40' 14"	F-48-28-A+C
thôn Nhìu Cù San	DC	xã Sàng Ma Sáo	H. Bát Xát	22° 34' 47"	103° 35' 24"					F-48-28-A+C
nậm Pen	TV	xã Sàng Ma Sáo	H. Bát Xát			22° 31' 57"	103° 36' 57"	22° 31' 58"	103° 40' 14"	F-48-28-A+C
thôn Sàng Ma Sáo	DC	xã Sàng Ma Sáo	H. Bát Xát	22° 33' 03"	103° 38' 59"					F-48-28-A+C
thôn Chu Cang Hồ	DC	xã Tòng Sành	H. Bát Xát	22° 25' 43"	103° 54' 11"					F-48-40-B
ngòi Đum	TV	xã Tòng Sành	H. Bát Xát			22° 26' 21"	103° 56' 40"	22° 25' 38"	103° 55' 12"	F-48-40-B
cầu Km17	KX	xã Tòng Sành	H. Bát Xát	22° 26' 23"	103° 55' 21"					F-48-40-B
cầu Km19	KX	xã Tòng Sành	H. Bát Xát	22° 25' 43"	103° 54' 54"					F-48-40-B
thôn Láo Vàng Chải	DC	xã Tòng Sành	H. Bát Xát	22° 26' 00"	103° 56' 56"					F-48-40-B
ngòi San	TV	xã Tòng Sành	H. Bát Xát			22° 29' 40"	103° 53' 49"	22° 29' 18"	103° 53' 27"	F-48-40-B
thôn Tả Tòng Sành	DC	xã Tòng Sành	H. Bát Xát	22° 28' 09"	103° 54' 23"					F-48-40-B
thôn Van Hồ	DC	xã Tòng Sành	H. Bát Xát	22° 28' 13"	103° 53' 33"					F-48-40-B
suối Bản Mạc	TV	xã Trịnh Tường	H. Bát Xát			22° 39' 08"	103° 43' 24"	22° 41' 04"	103° 44' 37"	F-48-28-A+C
sông Hồng	TV	xã Trịnh Tường	H. Bát Xát			22° 41' 13"	103° 43' 19"	22° 41' 51"	103° 44' 22"	F-48-28-D
bản Mạc	DC	xã Trịnh Tường	H. Bát Xát	22° 40' 41"	103° 44' 48"					F-48-28-A+C
thôn Ná Đoong	DC	xã Trịnh Tường	H. Bát Xát	22° 39' 33"	103° 42' 58"					F-48-28-A+C
suối Nà Lặc	TV	xã Trịnh Tường	H. Bát Xát			22° 42' 05"	103° 42' 34"	22° 41' 51"	103° 44' 22"	F-48-28-A+C
thôn Phìn Ngan	DC	xã Trịnh Tường	H. Bát Xát	22° 39' 03"	103° 43' 28"					F-48-28-A+C
thôn Phố Mới 1	DC	xã Trịnh Tường	H. Bát Xát	22° 41' 44"	103° 41' 38"					F-48-28-A+C
thôn Sín Chải	DC	xã Trịnh Tường	H. Bát Xát	22° 40' 53"	103° 41' 47"					F-48-28-A+C
thôn Suối Tẻ Hồ	DC	xã Trịnh Tường	H. Bát Xát	22° 41' 18"	103° 42' 42"					F-48-28-A+C
thôn Tả Cổ Thàng	DC	xã Trịnh Tường	H. Bát Xát	22° 39' 46"	103° 41' 42"					F-48-28-A+C
thôn Tân Quang	DC	xã Trịnh Tường	H. Bát Xát	22° 41' 00"	103° 45' 27"					F-48-28-D
thôn Tân Tiến	DC	xã Trịnh Tường	H. Bát Xát	22° 40' 43"	103° 45' 45"					F-48-28-D
suối Tích Lan Hồ	TV	xã Trịnh Tường	H. Bát Xát			22° 40' 02"	103° 47' 03"	22° 44' 56"	103° 41' 24"	F-48-28-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trung Tiến	DC	xã Trịnh Tường	H. Bát Xát	22° 39' 44"	103° 44' 17"					F-48-28-A+C
thôn Tùng Chỉnh 1	DC	xã Trịnh Tường	H. Bát Xát	22° 40' 06"	103° 43' 05"					F-48-28-A+C
thôn Tùng Chỉnh 2	DC	xã Trịnh Tường	H. Bát Xát	22° 40' 29"	103° 42' 50"					F-48-28-A+C
suối Li Lử Hồ	TV	xã Trung Lèng Hồ	H. Bát Xát			22° 27' 57"	103° 36' 39"	22° 29' 52"	103° 38' 52"	F-48-40-A
thôn Pờ Hồ	DC	xã Trung Lèng Hồ	H. Bát Xát	22° 29' 15"	103° 40' 02"					F-48-40-A
suối Pờ Hồ	TV	xã Trung Lèng Hồ	H. Bát Xát			22° 26' 41"	103° 37' 35"	22° 27' 53"	103° 39' 12"	F-48-40-A
suối Tà Lé	TV	xã Trung Lèng Hồ	H. Bát Xát			22° 25' 41"	103° 41' 32"	22° 30' 39"	103° 41' 58"	F-48-40-A
suối Tà Lơi	TV	xã Trung Lèng Hồ	H. Bát Xát			22° 31' 00"	103° 35' 52"	22° 29' 26"	103° 38' 50"	F-48-40-A
thôn Trung Hồ	DC	xã Trung Lèng Hồ	H. Bát Xát	22° 29' 23"	103° 37' 53"					F-48-40-A
suối Trung Hồ	TV	xã Trung Lèng Hồ	H. Bát Xát			22° 28' 44"	103° 35' 31"	22° 29' 26"	103° 38' 50"	F-48-40-A
thôn Xéo Tả Lé	DC	xã Trung Lèng Hồ	H. Bát Xát	22° 29' 57"	103° 40' 45"					F-48-40-A
thôn Cán Cấu	DC	xã Y Tý	H. Bát Xát	22° 39' 43"	103° 37' 23"					F-48-28-A+C
thôn Choản Thèn	DC	xã Y Tý	H. Bát Xát	22° 39' 55"	103° 36' 10"					F-48-28-A+C
thôn Hồng Ngài	DC	xã Y Tý	H. Bát Xát	22° 37' 46"	103° 33' 33"					F-48-28-A+C
thôn Lao Chải	DC	xã Y Tý	H. Bát Xát	22° 39' 25"	103° 36' 10"					F-48-28-A+C
suối Lũng Pô	TV	xã Y Tý	H. Bát Xát			22° 35' 45"	103° 31' 42"	22° 39' 55"	103° 34' 41"	F-48-28-A+C
thôn Mò Phú Chải	DC	xã Y Tý	H. Bát Xát	22° 38' 53"	103° 37' 16"					F-48-28-A+C
thôn Ngải Trồ	DC	xã Y Tý	H. Bát Xát	22° 39' 30"	103° 36' 41"					F-48-28-A+C
thôn Nhìu Cồ San	DC	xã Y Tý	H. Bát Xát	22° 38' 19"	103° 37' 18"					F-48-28-A+C
thôn Phìn Hồ	DC	xã Y Tý	H. Bát Xát	22° 38' 38"	103° 39' 30"					F-48-28-A+C
suối Sim San	TV	xã Y Tý	H. Bát Xát			22° 36' 14"	103° 34' 23"	22° 38' 47"	103° 34' 12"	F-48-28-A+C
thôn Sim San 1	DC	xã Y Tý	H. Bát Xát	22° 38' 16"	103° 34' 28"					F-48-28-A+C
thôn Sim San 2	DC	xã Y Tý	H. Bát Xát	22° 37' 53"	103° 34' 40"					F-48-28-A+C
thôn Sim San 3	DC	xã Y Tý	H. Bát Xát	22° 37' 20"	103° 35' 15"					F-48-28-A+C
thôn Sín Chải	DC	xã Y Tý	H. Bát Xát	22° 39' 09"	103° 35' 27"					F-48-28-A+C
suối Sín Chải	TV	xã Y Tý	H. Bát Xát			22° 38' 25"	103° 36' 35"	22° 39' 55"	103° 34' 41"	F-48-28-A+C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tả Gì Thàng	DC	xã Y Tý	H. Bát Xát	22° 38' 54"	103° 36' 39"					F-48-28-A+C
thôn Trung Chải	DC	xã Y Tý	H. Bát Xát	22° 38' 41"	103° 36' 53"					F-48-28-A+C
quốc lộ 4D	KX	xã Bản Lầu	H. Mường Khương			22° 35' 04"	104° 04' 20"	22° 31' 44"	104° 03' 00"	F-48-29-C
sông Bá Kết	TV	xã Bản Lầu	H. Mường Khương			22° 37' 42"	104° 02' 23"	22° 33' 40"	104° 00' 37"	F-48-29-C
thôn Cốc Chứ	DC	xã Bản Lầu	H. Mường Khương	22° 34' 28"	104° 04' 15"					F-48-29-C
thôn Cốc Lầy	DC	xã Bản Lầu	H. Mường Khương	22° 37' 33"	104° 02' 35"					F-48-29-C
thôn Cốc Phương	DC	xã Bản Lầu	H. Mường Khương	22° 36' 57"	104° 01' 31"					F-48-29-C
thôn Đồi Gianh	DC	xã Bản Lầu	H. Mường Khương	22° 33' 06"	104° 02' 27"					F-48-29-C
thôn Lùng Cẩu	DC	xã Bản Lầu	H. Mường Khương	22° 35' 00"	104° 04' 05"					F-48-29-C
thôn Na Lin	DC	xã Bản Lầu	H. Mường Khương	22° 34' 15"	104° 03' 47"					F-48-29-C
thôn Na Lốc	DC	xã Bản Lầu	H. Mường Khương	22° 35' 47"	104° 01' 31"					F-48-29-C
thôn Na Lốc 3	DC	xã Bản Lầu	H. Mường Khương	22° 36' 27"	104° 01' 51"					F-48-29-C
thôn Na Lốc 4	DC	xã Bản Lầu	H. Mường Khương	22° 34' 49"	104° 01' 07"					F-48-29-C
thôn Na Mạ	DC	xã Bản Lầu	H. Mường Khương	22° 33' 16"	104° 03' 56"					F-48-29-C
thôn Na Nhung	DC	xã Bản Lầu	H. Mường Khương	22° 34' 33"	104° 04' 00"					F-48-29-C
suối Na Nhung	TV	xã Bản Lầu	H. Mường Khương			22° 35' 30"	104° 04' 17"	22° 32' 59"	104° 02' 23"	F-48-29-C
thôn Na Pao	DC	xã Bản Lầu	H. Mường Khương	22° 23' 08"	104° 04' 47"					F-48-29-C
thôn Nàng Ha	DC	xã Bản Lầu	H. Mường Khương	22° 34' 44"	104° 04' 35"					F-48-29-C
thôn Pạc Bo	DC	xã Bản Lầu	H. Mường Khương	22° 33' 41"	104° 01' 38"					F-48-29-C
núi Phò Lèn	SV	xã Bản Lầu	H. Mường Khương	22° 35' 33"	104° 02' 54"					F-48-29-C
nậm Sin	TV	xã Bản Lầu	H. Mường Khương			22° 32' 59"	104° 02' 23"	22° 32' 03"	104° 02' 39"	F-48-29-C
thôn Sinh	DC	xã Bản Lầu	H. Mường Khương	22° 35' 43"	104° 04' 05"					F-48-29-C
thôn Tà Lạt	DC	xã Bản Lầu	H. Mường Khương	22° 32' 45"	104° 03' 21"					F-48-29-C
thôn Thổ Lùng	DC	xã Bản Lầu	H. Mường Khương	22° 33' 31"	104° 04' 20"					F-48-29-C
thôn Trung Tâm	DC	xã Bản Lầu	H. Mường Khương	22° 33' 45"	104° 04' 15"					F-48-29-C
thôn Bản Xen	DC	xã Bản Xen	H. Mường Khương	22° 33' 57"	104° 05' 17"					F-48-29-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cốc Mui	DC	xã Bản Xen	H. Mường Khương	22° 35' 01"	104° 06' 05"					F-48-29-C
thôn Na Nối	DC	xã Bản Xen	H. Mường Khương	22° 33' 19"	104° 05' 15"					F-48-29-C
thôn Na Vai B	DC	xã Bản Xen	H. Mường Khương	22° 33' 38"	104° 05' 58"					F-48-29-C
thôn Nai Vai A	DC	xã Bản Xen	H. Mường Khương	22° 34' 11"	104° 05' 49"					F-48-29-C
thôn Phảng Tao	DC	xã Bản Xen	H. Mường Khương	22° 34' 30"	104° 05' 36"					F-48-29-C
thôn Suối Thầu	DC	xã Bản Xen	H. Mường Khương	22° 35' 19"	104° 05' 41"					F-48-29-C
thôn Cao Sơn	DC	xã Cao Sơn	H. Mường Khương	22° 38' 04"	104° 08' 58"					F-48-29-C
sông Chảy	TV	xã Cao Sơn	H. Mường Khương			22° 40' 51"	104° 10' 23"	22° 37' 00"	104° 11' 23"	F-48-29-C
thôn Lồ Suối Tủng	DC	xã Cao Sơn	H. Mường Khương	22° 38' 39"	104° 08' 29"					F-48-29-C
thôn Lùng Chéng Nùng	DC	xã Cao Sơn	H. Mường Khương	22° 39' 37"	104° 09' 45"					F-48-29-C
thôn Ngải Phóng Chồ	DC	xã Cao Sơn	H. Mường Khương	22° 38' 30"	104° 08' 10"					F-48-29-C
thôn Pa Cheo Phìn	DC	xã Cao Sơn	H. Mường Khương	22° 39' 26"	104° 08' 43"					F-48-29-C
thôn Sả Lùng Chéng	DC	xã Cao Sơn	H. Mường Khương	22° 37' 42"	104° 10' 34"					F-48-29-C
thôn Sảng Lùng Chéng	DC	xã Cao Sơn	H. Mường Khương	22° 37' 53"	104° 09' 47"					F-48-29-C
thôn Cốc Cáng	DC	xã Dìn Chin	H. Mường Khương	22° 45' 15"	104° 11' 18"					F-48-29-A
thôn Dìn Chin 1	DC	xã Dìn Chin	H. Mường Khương	22° 48' 15"	104° 14' 30"					F-48-29-A
thôn Dìn Chin 2	DC	xã Dìn Chin	H. Mường Khương	22° 47' 50"	104° 14' 25"					F-48-29-A
suối Làn Tử Hồ	TV	xã Dìn Chin	H. Mường Khương			22° 45' 40"	104° 10' 25"	22° 44' 15"	104° 11' 34"	F-48-29-C
thôn Lồ Sử Thàng	DC	xã Dìn Chin	H. Mường Khương	22° 45' 11"	104° 12' 08"					F-48-29-A
thôn Lùng Sán Chồ	DC	xã Dìn Chin	H. Mường Khương	22° 46' 31"	104° 13' 47"					F-48-29-A
thôn Mào Sao Chải	DC	xã Dìn Chin	H. Mường Khương	22° 46' 26"	104° 10' 47"					F-48-29-A
thôn Ngải Phóng Chồ	DC	xã Dìn Chin	H. Mường Khương	22° 45' 46"	104° 11' 13"					F-48-29-A
thôn Ngải Thầu 1	DC	xã Dìn Chin	H. Mường Khương	22° 47' 32"	104° 14' 23"					F-48-29-A
thôn Phìn Chư	DC	xã Dìn Chin	H. Mường Khương	22° 45' 44"	104° 12' 02"					F-48-29-A
núi Sau Sầu Phăng	SV	xã Dìn Chin	H. Mường Khương	22° 46' 41"	104° 13' 31"					F-48-29-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sín Chải A	DC	xã Dìn Chin	H. Mường Khương	22° 46' 19"	104° 13' 26"					F-48-29-A
thôn Sín Chải B	DC	xã Dìn Chin	H. Mường Khương	22° 46' 19"	104° 12' 33"					F-48-29-A
núi Bạch Nha	SV	xã La Pan Tẩn	H. Mường Khương	22° 33' 18"	104° 07' 33"					F-48-29-C
thôn La Pan Tẩn	DC	xã La Pan Tẩn	H. Mường Khương	22° 34' 19"	104° 08' 44"					F-48-29-C
thôn Ma Cai Thàng	DC	xã La Pan Tẩn	H. Mường Khương	22° 33' 52"	104° 08' 35"					F-48-29-C
thôn Sà San	DC	xã La Pan Tẩn	H. Mường Khương	22° 33' 01"	104° 08' 48"					F-48-29-C
thôn Sín Chải A	DC	xã La Pan Tẩn	H. Mường Khương	22° 35' 27"	104° 07' 58"					F-48-29-C
thôn Sín Chải B	DC	xã La Pan Tẩn	H. Mường Khương	22° 34' 51"	104° 08' 05"					F-48-29-C
núi Ta San	SV	xã La Pan Tẩn	H. Mường Khương	22° 36' 39"	104° 07' 54"					F-48-29-C
thôn Tỉn Thàng	DC	xã La Pan Tẩn	H. Mường Khương	22° 37' 28"	104° 09' 13"					F-48-29-C
núi Ty Tan	SV	xã La Pan Tẩn	H. Mường Khương	22° 37' 39"	104° 09' 02"					F-48-29-C
sông Chảy	TV	xã Lùng Khấu Nhin	H. Mường Khương			22° 44' 12"	104° 11' 31"	22° 40' 51"	104° 10' 23"	F-48-29-C
thôn Lùng Khấu Nhin	DC	xã Lùng Khấu Nhin	H. Mường Khương	22° 43' 01"	104° 09' 17"					F-48-29-C
thôn Ma Ngán A	DC	xã Lùng Khấu Nhin	H. Mường Khương	22° 42' 18"	104° 07' 46"					F-48-29-C
thôn Ma Ngán B	DC	xã Lùng Khấu Nhin	H. Mường Khương	22° 43' 53"	104° 08' 22"					F-48-29-C
thôn Na Vang	DC	xã Lùng Khấu Nhin	H. Mường Khương	22° 43' 46"	104° 10' 20"					F-48-29-C
thôn Suối Thầu	DC	xã Lùng Khấu Nhin	H. Mường Khương	22° 42' 00"	104° 09' 20"					F-48-29-C
thôn Thải Giàng Chải	DC	xã Lùng Khấu Nhin	H. Mường Khương	22° 41' 18"	104° 08' 24"					F-48-29-C
quốc lộ 4D	KX	xã Lùng Vai	H. Mường Khương			22° 40' 02"	104° 05' 45"	22° 35' 04"	104° 04' 20"	F-48-29-C
thôn Bản Sinh	DC	xã Lùng Vai	H. Mường Khương	22° 35' 13"	104° 04' 21"					F-48-29-C
thôn Chợ Chậu	DC	xã Lùng Vai	H. Mường Khương	22° 37' 46"	104° 05' 19"					F-48-29-C
thôn Cốc Phúng	DC	xã Lùng Vai	H. Mường Khương	22° 37' 08"	104° 03' 29"					F-48-29-C
thôn Củi Chủ	DC	xã Lùng Vai	H. Mường Khương	22° 38' 39"	104° 05' 58"					F-48-29-C
thôn Cụm Nhung	DC	xã Lùng Vai	H. Mường Khương	22° 38' 25"	104° 02' 04"					F-48-29-C
thôn Đồng Căm A	DC	xã Lùng Vai	H. Mường Khương	22° 36' 05"	104° 04' 36"					F-48-29-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lùng Vai	DC	xã Lùng Vai	H. Mường Khương	22° 36' 40"	104° 05' 16"					F-48-29-C
thôn Na Lang	DC	xã Lùng Vai	H. Mường Khương	22° 37' 18"	104° 04' 50"					F-48-29-C
suối Na Nhung	TV	xã Lùng Vai	H. Mường Khương			22° 38' 17"	104° 05' 47"	22° 35' 30"	104° 04' 17"	F-48-29-C
thôn Pồ Ngảng	DC	xã Lùng Vai	H. Mường Khương	22° 38' 04"	104° 01' 49"					F-48-29-C
thôn Tà San	DC	xã Lùng Vai	H. Mường Khương	22° 38' 24"	104° 04' 54"					F-48-29-C
thôn Tảo Giàng 1	DC	xã Lùng Vai	H. Mường Khương	22° 35' 55"	104° 05' 31"					F-48-29-C
thôn Tảo Giàng 2	DC	xã Lùng Vai	H. Mường Khương	22° 37' 52"	104° 06' 00"					F-48-29-C
thôn Trung Tâm	DC	xã Lùng Vai	H. Mường Khương	22° 36' 15"	104° 05' 04"					F-48-29-C
quốc lộ 4D	KX	xã Mường Khương	H. Mường Khương			22° 48' 45"	104° 07' 45"	22° 43' 54"	104° 06' 13"	F-48-29-A
thôn Chín Sán Chồ	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 46' 35"	104° 05' 35"					F-48-29-A
thôn Choan Ván	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 46' 48"	104° 06' 03"					F-48-29-A
thôn Chúng Chải B	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 47' 56"	104° 06' 34"					F-48-29-A
thôn Dê Chú Thàng	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 45' 27"	104° 05' 40"					F-48-29-A
thôn Hoáng Thền	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 46' 36"	104° 27' 14"					F-48-29-A
thôn Lồ Sui Tủng	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 45' 48"	104° 05' 19"					F-48-29-A
thôn Ma Lủ	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 46' 56"	104° 07' 07"					F-48-29-A
thôn Ma Tuyển 2	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 45' 35"	104° 06' 26"					F-48-29-A
cửa khẩu Mường Khương	KX	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 48' 45"	104° 07' 45"					F-48-29-A
thôn Na Khui	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 45' 31"	104° 06' 57"					F-48-29-A
thôn Na Pên	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 45' 37"	104° 07' 10"					F-48-29-A
thôn Ngải Chồ	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 48' 11"	104° 06' 54"					F-48-29-A
thôn Ngam A	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 45' 42"	104° 06' 15"					F-48-29-A
thôn Nhân Giống	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 45' 52"	104° 06' 45"					F-48-29-A
thôn Phìn Chứ	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 48' 17"	104° 07' 11"					F-48-29-A
thôn Phố Cũ 1	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 45' 42"	104° 07' 02"					F-48-29-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sả Hồ	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 46' 56"	104° 06' 29"					F-48-29-A
suối Sả Hồ	TV	xã Mường Khương	H. Mường Khương			22° 46' 18"	104° 06' 05"	22° 45' 40"	104° 06' 58"	F-48-29-A
thôn Sa Pả 10	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 44' 25"	104° 07' 14"					F-48-29-C
thôn Sa Pả 11	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 44' 48"	104° 06' 30"					F-48-29-C
thôn Sa Pả 9	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 44' 59"	104° 07' 12"					F-48-29-C
thôn Sảng Chải	DC	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 45' 57"	104° 07' 04"					F-48-29-A
cầu Sao Đỏ	KX	xã Mường Khương	H. Mường Khương	22° 46' 23"	104° 06' 55"					F-48-29-A
Cán Hồ	DC	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 39' 41"	104° 04' 12"					F-48-29-C
thôn Cốc Ngù	DC	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 42' 55"	104° 04' 09"					F-48-29-C
thôn Cốc Rậm A	DC	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 42' 41"	104° 03' 04"					F-48-29-C
thôn Cốc Rậm B	DC	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 42' 21"	104° 02' 29"					F-48-29-C
thôn Cụm Ré	DC	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 42' 04"	104° 03' 17"					F-48-29-C
thôn Gia Khâu A	DC	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 41' 37"	104° 03' 31"					F-48-29-C
thôn Gia Khâu B	DC	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 41' 26"	104° 02' 10"					F-48-29-C
thôn Lao Chải	DC	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 45' 06"	104° 03' 58"					F-48-29-A
thôn Lùng Pao Mới	DC	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 38' 49"	104° 02' 19"					F-48-29-C
thôn Lùng Phìn A	DC	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 43' 14"	104° 04' 24"					F-48-29-C
thôn Lùng Phìn B	DC	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 42' 57"	104° 04' 29"					F-48-29-C
thôn Mào Phìn	DC	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 40' 43"	104° 03' 01"					F-48-29-C
thôn Mới	DC	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 43' 29"	104° 03' 55"					F-48-29-C
thôn Nậm Chảy	DC	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 42' 29"	104° 03' 01"					F-48-29-C
núi Nậm Chảy	SV	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 41' 13"	104° 01' 45"					F-48-29-C
nậm Nậm Chảy	TV	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương			22° 42' 31"	104° 03' 00"	22° 38' 47"	104° 03' 05"	F-48-29-C
Sả Lùng Phìn	DC	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 43' 04"	104° 04' 56"					F-48-29-C
thôn Sấn Pản	DC	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 39' 29"	104° 02' 20"					F-48-29-C
thôn Sảng Lùng Phìn	DC	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 44' 01"	104° 04' 45"					F-48-29-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Tà Lảng	DC	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 40' 20"	104° 02' 34"					F-48-29-C
Xí Giàng Phìn	DC	xã Nậm Chảy	H. Mường Khương	22° 44' 17"	104° 04' 11"					F-48-29-C
suối Làn Tử Hồ	TV	xã Nấm Lư	H. Mường Khương			22° 45' 40"	104° 10' 25"	22° 44' 15"	104° 11' 34"	F-48-29-C
thôn Nậm Đó	DC	xã Nấm Lư	H. Mường Khương	22° 44' 04"	104° 09' 09"					F-48-29-C
thôn Pạc Chà	DC	xã Nấm Lư	H. Mường Khương	22° 45' 10"	104° 10' 06"					F-48-29-A
thôn Pạc Ngam	DC	xã Nấm Lư	H. Mường Khương	22° 44' 29"	104° 08' 49"					F-48-29-C
thôn Lao Ma Chải	DC	xã Pha Long	H. Mường Khương	22° 48' 09"	104° 13' 11"					F-48-29-A
thôn Lao Mao Chải	DC	xã Pha Long	H. Mường Khương	22° 48' 38"	104° 12' 47"					F-48-29-A
thôn Lao Táo	DC	xã Pha Long	H. Mường Khương	22° 48' 40"	104° 13' 29"					F-48-29-A
thôn Lì Sì	DC	xã Pha Long	H. Mường Khương	22° 48' 24"	104° 13' 09"					F-48-29-A
thôn Lồ Cố Chin	DC	xã Pha Long	H. Mường Khương	22° 50' 29"	104° 15' 18"					F-48-29-B
thôn Na Măng	DC	xã Pha Long	H. Mường Khương	22° 47' 43"	104° 12' 46"					F-48-29-A
thôn Pao Pao Chải	DC	xã Pha Long	H. Mường Khương	22° 47' 16"	104° 12' 33"					F-48-29-A
thôn Pha Long	DC	xã Pha Long	H. Mường Khương	22° 49' 00"	104° 14' 02"					F-48-29-A
thôn Sả Chải	DC	xã Pha Long	H. Mường Khương	22° 49' 12"	104° 14' 31"					F-48-29-A
thôn Sín Chải	DC	xã Pha Long	H. Mường Khương	22° 49' 10"	104° 15' 04"					F-48-29-B
thôn Suối Thầu	DC	xã Pha Long	H. Mường Khương	22° 46' 55"	104° 12' 14"					F-48-29-A
thôn Tả Cấu	DC	xã Pha Long	H. Mường Khương	22° 47' 07"	104° 12' 09"					F-48-29-A
thôn Tả Lùng Thắng	DC	xã Pha Long	H. Mường Khương	22° 50' 09"	104° 15' 42"					F-48-29-B
thôn Tỉn Thàng	DC	xã Pha Long	H. Mường Khương	22° 47' 42"	104° 13' 09"					F-48-29-A
sông Xanh	TV	xã Pha Long	H. Mường Khương			22° 50' 25"	104° 16' 34"	22° 48' 45"	104° 15' 53"	F-48-29-B
sông Chảy	TV	xã Tả Gia Khâu	H. Mường Khương			22° 44' 33"	104° 16' 04"	22° 44' 26"	104° 12' 05"	F-48-29-C
thôn La Hờ	DC	xã Tả Gia Khâu	H. Mường Khương	22° 44' 20"	104° 14' 16"					F-48-29-C
thôn La Hờ Súng	DC	xã Tả Gia Khâu	H. Mường Khương	22° 44' 47"	104° 14' 07"					F-48-29-C
thôn Lao Chải	DC	xã Tả Gia Khâu	H. Mường Khương	22° 45' 03"	104° 13' 24"					F-48-29-A
thôn Lao Tô Chải	DC	xã Tả Gia Khâu	H. Mường Khương	22° 45' 50"	104° 14' 52"					F-48-29-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lũng Thắng	DC	xã Tả Gia Khâu	H. Mường Khương	22° 45' 03"	104° 15' 37"					F-48-29-A
thôn Pác Tà	DC	xã Tả Gia Khâu	H. Mường Khương	22° 45' 28"	104° 13' 17"					F-48-29-A
thôn Sín Chải B	DC	xã Tả Gia Khâu	H. Mường Khương	22° 44' 02"	104° 14' 27"					F-48-29-C
thôn Sín Pao Chải	DC	xã Tả Gia Khâu	H. Mường Khương	22° 45' 09"	104° 12' 43"					F-48-29-A
thôn Tả Gia Khâu	DC	xã Tả Gia Khâu	H. Mường Khương	22° 45' 15"	104° 14' 19"					F-48-29-A
thôn Thải Giàng Sán	DC	xã Tả Gia Khâu	H. Mường Khương	22° 44' 32"	104° 14' 22"					F-48-29-C
sông Xanh	TV	xã Tả Gia Khâu	H. Mường Khương			22° 46' 42"	104° 15' 11"	22° 44' 33"	104° 16' 04"	F-48-29-B
quốc lộ 4	KX	xã Tả Ngải Chồ	H. Mường Khương			22° 48' 38"	104° 12' 43"	22° 47' 27"	104° 10' 06"	F-48-29-A
thôn Bản Phố	DC	xã Tả Ngải Chồ	H. Mường Khương	22° 48' 23"	104° 10' 11"					F-48-29-A
thôn Hoàng Phì Chải	DC	xã Tả Ngải Chồ	H. Mường Khương	22° 48' 09"	104° 11' 16"					F-48-29-A
thôn Lùng Vùi	DC	xã Tả Ngải Chồ	H. Mường Khương	22° 48' 49"	104° 10' 31"					F-48-29-A
thôn Mao Chú Sủ	DC	xã Tả Ngải Chồ	H. Mường Khương	22° 48' 12"	104° 12' 07"					F-48-29-A
thôn Mới	DC	xã Tả Ngải Chồ	H. Mường Khương	22° 48' 14"	104° 12' 36"					F-48-29-A
thôn Sín Chải	DC	xã Tả Ngải Chồ	H. Mường Khương	22° 48' 27"	104° 11' 42"					F-48-29-A
thôn Tả Lủ	DC	xã Tả Ngải Chồ	H. Mường Khương	22° 48' 27"	104° 12' 02"					F-48-29-A
thôn Thàng Chư Pến	DC	xã Tả Ngải Chồ	H. Mường Khương	22° 49' 10"	104° 12' 47"					F-48-29-A
thôn Xà Khái Tủng	DC	xã Tả Ngải Chồ	H. Mường Khương	22° 47' 16"	104° 10' 35"					F-48-29-A
thôn Bản Phố	DC	xã Tả Thàng	H. Mường Khương	22° 34' 04"	104° 10' 01"					F-48-29-C
thôn Cán Cấu 1	DC	xã Tả Thàng	H. Mường Khương	22° 32' 59"	104° 10' 51"					F-48-29-C
thôn Cán Cấu 2	DC	xã Tả Thàng	H. Mường Khương	22° 32' 16"	104° 11' 14"					F-48-29-C
sông Chảy	TV	xã Tả Thàng	H. Mường Khương			22° 37' 00"	104° 11' 23"	22° 32' 08"	104° 12' 01"	F-48-29-C
thôn Lầu Thí Chải	DC	xã Tả Thàng	H. Mường Khương	22° 36' 11"	104° 10' 48"					F-48-29-C
thôn Páo Máo Phìn B	DC	xã Tả Thàng	H. Mường Khương	22° 34' 38"	104° 10' 59"					F-48-29-C
thôn Sì Khá Lá	DC	xã Tả Thàng	H. Mường Khương	22° 35' 37"	104° 10' 13"					F-48-29-C
thôn Sú Sí Phìn	DC	xã Tả Thàng	H. Mường Khương	22° 35' 51"	104° 09' 30"					F-48-29-C
thôn Tả Thàng	DC	xã Tả Thàng	H. Mường Khương	22° 35' 06"	104° 10' 14"					F-48-29-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 4D	KX	xã Thanh Bình	H. Mường Khương			22° 43' 54"	104° 06' 13"	22° 40' 02"	104° 05' 45"	F-48-29-C
thôn Lao Hầu	DC	xã Thanh Bình	H. Mường Khương	22° 42' 35"	104° 06' 20"					F-48-29-C
thôn Nậm Pản	DC	xã Thanh Bình	H. Mường Khương	22° 42' 02"	104° 06' 22"					F-48-29-C
thôn Nậm Rúp	DC	xã Thanh Bình	H. Mường Khương	22° 41' 06"	104° 04' 29"					F-48-29-C
thôn Pờ Hồ	DC	xã Thanh Bình	H. Mường Khương	22° 40' 55"	104° 06' 11"					F-48-29-C
thôn Sín Chải	DC	xã Thanh Bình	H. Mường Khương	22° 40' 31"	104° 06' 02"					F-48-29-C
thôn Sín Pao Chải	DC	xã Thanh Bình	H. Mường Khương	22° 40' 07"	104° 05' 22"					F-48-29-C
thôn Tả Thền A	DC	xã Thanh Bình	H. Mường Khương	22° 40' 24"	104° 06' 51"					F-48-29-C
thôn Tả Thền B	DC	xã Thanh Bình	H. Mường Khương	22° 40' 13"	104° 06' 02"					F-48-29-C
thôn Thính Chéng	DC	xã Thanh Bình	H. Mường Khương	22° 42' 50"	104° 05' 40"					F-48-29-C
thôn Văng Đẹt	DC	xã Thanh Bình	H. Mường Khương	22° 43' 39"	104° 05' 56"					F-48-29-C
suối Văng Xá	TV	xã Thanh Bình	H. Mường Khương			22° 43' 53"	104° 05' 54"	22° 39' 16"	104° 04' 19"	F-48-29-C
quốc lộ 4D	KX	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương			22° 48' 45"	104° 07' 45"	22° 47' 23"	104° 06' 54"	F-48-29-A
thôn Cán Hồ A	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 48' 19"	104° 09' 42"					F-48-29-A
thôn Chín Chu Phìn	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 46' 11"	104° 08' 59"					F-48-29-A
xóm Chợ	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 45' 40"	104° 07' 30"					F-48-29-A
thôn Chúng Chải A	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 46' 52"	104° 07' 41"					F-48-29-A
thôn Dì Thàng	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 46' 11"	104° 08' 16"					F-48-29-A
thôn Lũng Pâu 1	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 46' 09"	104° 09' 51"					F-48-29-A
thôn Lũng Pâu 2	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 46' 24"	104° 09' 39"					F-48-29-A
xóm Mới	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 45' 51"	104° 07' 23"					F-48-29-A
thôn Na Bủ	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 45' 48"	104° 07' 40"					F-48-29-A
thôn Na Đẩy	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 45' 15"	104° 07' 53"					F-48-29-A
thôn Nàn Tiểu Hồ	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 47' 31"	104° 09' 43"					F-48-29-A
thôn Páo Tủng	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 45' 56"	104° 08' 31"					F-48-29-A
thôn Phìn Thắng	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 47' 13"	104° 08' 01"					F-48-29-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Séo Tủng	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 48' 38"	104° 09' 23"					F-48-29-A
thôn Tả Chu Phùng	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 46' 47"	104° 08' 06"					F-48-29-A
nậm Tam Ho	TV	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương			22° 47' 41"	104° 10' 11"	22° 45' 40"	104° 10' 25"	F-48-29-A
thôn Tù Chá	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 46' 18"	104° 07' 58"					F-48-29-A
thôn Tung Chung Phố	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 47' 41"	104° 07' 52"					F-48-29-A
thôn Tùng Lâu	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 45' 30"	104° 07' 30"					F-48-29-A
thôn Vả Thàng	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 47' 23"	104° 09' 08"					F-48-29-A
thôn Văng Long	DC	xã Tung Chung Phố	H. Mường Khương	22° 45' 28"	104° 09' 18"					F-48-29-A
tổ 1	DC	TT. Sa Pa	H. Sa Pa	22° 20' 31"	103° 51' 14"					F-48-40-B
tổ 2	DC	TT. Sa Pa	H. Sa Pa	22° 20' 14"	103° 50' 46"					F-48-40-B
tổ 9	DC	TT. Sa Pa	H. Sa Pa	22° 22' 17"	103° 47' 47"					F-48-40-B
tổ 12	DC	TT. Sa Pa	H. Sa Pa	22° 21' 14"	103° 48' 45"					F-48-40-B
tổ 13	DC	TT. Sa Pa	H. Sa Pa	22° 21' 44"	103° 48' 20"					F-48-40-B
tổ 14	DC	TT. Sa Pa	H. Sa Pa	22° 22' 04"	103° 48' 02"					F-48-40-B
quốc lộ 4D	KX	TT. Sa Pa	H. Sa Pa			22° 21' 51"	103° 47' 25"	22° 21' 14"	103° 51' 24"	F-48-40-B
đền Mẫu	KX	TT. Sa Pa	H. Sa Pa	22° 20' 14"	103° 50' 50"					F-48-40-B
nông trường Sa Pa	KX	TT. Sa Pa	H. Sa Pa	22° 19' 34"	103° 50' 42"					F-48-40-B
thôn Suối Hồ	DC	TT. Sa Pa	H. Sa Pa	22° 21' 38"	103° 50' 32"					F-48-40-B
thôn Sả Xéng	DC	xã Tả Phìn	H. Sa Pa	22° 24' 05"	103° 50' 12"					F-48-40-B
thôn Suối Thầu	DC	xã Tả Phìn	H. Sa Pa	22° 24' 00"	103° 49' 32"					F-48-40-B
suối Dền Thàng	TV	xã Tả Van	H. Sa Pa			22° 13' 07"	103° 54' 19"	22° 12' 30"	103° 54' 50"	F-48-40-D
thôn Giàng Tả Chải Dao	DC	xã Tả Van	H. Sa Pa	22° 12' 50"	103° 54' 42"					F-48-40-D
thôn Giàng Tả Chải Mông	DC	xã Tả Van	H. Sa Pa	22° 17' 28"	103° 54' 30"					F-48-40-B
thôn Tả Van Dáy 1	DC	xã Tả Van	H. Sa Pa	22° 15' 24"	103° 53' 18"					F-48-40-B
thôn Tả Van Dáy 2	DC	xã Tả Van	H. Sa Pa	22° 18' 08"	103° 53' 16"					F-48-40-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tả Van Mông	DC	xã Tả Van	H. Sa Pa	22° 18' 05"	103° 52' 39"					F-48-40-B
thôn Bản Dền	DC	xã Bản Hồ	H. Sa Pa	22° 15' 50"	103° 57' 52"					F-48-40-B
nậm Cang	TV	xã Bản Hồ	H. Sa Pa			22° 15' 10"	103° 59' 14"	22° 15' 35"	103° 58' 42"	F-48-40-B
thôn Hoàng Liên	DC	xã Bản Hồ	H. Sa Pa	22° 16' 28"	103° 57' 11"					F-48-40-B
thôn Nậm Kén	DC	xã Bản Hồ	H. Sa Pa	22° 14' 38"	103° 59' 27"					F-48-40-D
thôn Nậm Toóng	DC	xã Bản Hồ	H. Sa Pa	22° 15' 12"	103° 58' 35"					F-48-40-B
nậm Pu	TV	xã Bản Hồ	H. Sa Pa			22° 11' 16"	103° 55' 34"	22° 15' 49"	103° 58' 21"	F-48-40-D
suối Séo Mí Tỉ	TV	xã Bản Hồ	H. Sa Pa			22° 15' 09"	103° 54' 05"	22° 15' 18"	103° 54' 47"	F-48-40-B
thôn Séo Trung Hồ	DC	xã Bản Hồ	H. Sa Pa	22° 15' 13"	103° 56' 14"					F-48-40-B
suối Séo Trung Hồ	TV	xã Bản Hồ	H. Sa Pa			22° 15' 18"	103° 54' 47"	22° 16' 20"	103° 56' 16"	F-48-40-B
thôn Tả Trung Hồ	DC	xã Bản Hồ	H. Sa Pa	22° 12' 03"	103° 57' 48"					F-48-40-D
suối Tả Trung Hồ	TV	xã Bản Hồ	H. Sa Pa			22° 10' 13"	103° 58' 18"	22° 13' 13"	103° 56' 15"	F-48-40-D
suối Tả Van	TV	xã Bản Hồ	H. Sa Pa			22° 16' 22"	103° 56' 16"	22° 15' 49"	103° 58' 21"	F-48-40-B
nậm Trung Hồ	TV	xã Bản Hồ	H. Sa Pa			22° 11' 30"	103° 53' 20"	22° 12' 58"	103° 56' 04"	F-48-40-D
thôn Can Hồ A	DC	xã Bản Khoang	H. Sa Pa	22° 24' 43"	103° 47' 19"					F-48-40-B
thôn Can Hồ B	DC	xã Bản Khoang	H. Sa Pa	22° 25' 09"	103° 47' 19"					F-48-40-B
thôn Can Hồ Mông	DC	xã Bản Khoang	H. Sa Pa	22° 23' 58"	103° 47' 31"					F-48-40-B
thôn Gia Khấu	DC	xã Bản Khoang	H. Sa Pa	22° 27' 08"	103° 48' 11"					F-48-40-B
thôn Kim Ngan	DC	xã Bản Khoang	H. Sa Pa	22° 27' 44"	103° 47' 26"					F-48-40-B
suối Lạnh	TV	xã Bản Khoang	H. Sa Pa			22° 23' 35"	103° 46' 45"	22° 24' 14"	103° 47' 28"	F-48-40-B
thôn Lủ Khấu	DC	xã Bản Khoang	H. Sa Pa	22° 25' 29"	103° 47' 55"					F-48-40-B
suối Mẩy Hồ	TV	xã Bản Khoang	H. Sa Pa			22° 24' 47"	103° 45' 45"	22° 25' 52"	103° 48' 44"	F-48-40-B
thôn Phìn Hồ	DC	xã Bản Khoang	H. Sa Pa	22° 24' 37"	103° 48' 09"					F-48-40-B
thôn Sảng Chải	DC	xã Bản Khoang	H. Sa Pa	22° 28' 07"	103° 47' 52"					F-48-40-B
thôn Sín Chải	DC	xã Bản Khoang	H. Sa Pa	22° 25' 50"	103° 49' 28"					F-48-40-B
thôn Suối Thầu	DC	xã Bản Khoang	H. Sa Pa	22° 26' 44"	103° 48' 25"					F-48-40-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nậm Si	DC	xã Bản Phùng	H. Sa Pa	22° 19' 50"	103° 59' 27"					F-48-40-B
thôn Phùng Dao	DC	xã Bản Phùng	H. Sa Pa	22° 19' 37"	103° 58' 41"					F-48-40-B
thôn Phùng Mông	DC	xã Bản Phùng	H. Sa Pa	22° 19' 18"	103° 58' 47"					F-48-40-B
thôn Sái	DC	xã Bản Phùng	H. Sa Pa	22° 18' 18"	103° 58' 59"					F-48-40-B
nậm Si	TV	xã Bản Phùng	H. Sa Pa			22° 19' 06"	104° 00' 03"	22° 18' 04"	104° 01' 13"	F-48-41-A
thôn Toòng	DC	xã Bản Phùng	H. Sa Pa	22° 19' 23"	104° 01' 22"					F-48-41-A
thôn Bản Pho	DC	xã Hầu Thào	H. Sa Pa	22° 18' 33"	103° 54' 15"					F-48-40-B
thôn Hầu Chư Ngài	DC	xã Hầu Thào	H. Sa Pa	22° 19' 17"	103° 53' 33"					F-48-40-B
thôn Thào Hồng Dến	DC	xã Hầu Thào	H. Sa Pa	22° 18' 27"	103° 54' 29"					F-48-40-B
thôn Hang Đá	DC	xã Lao Chải	H. Sa Pa	22° 19' 20"	103° 52' 45"					F-48-40-B
thôn Lao Chải San 1	DC	xã Lao Chải	H. Sa Pa	22° 18' 20"	103° 51' 28"					F-48-40-B
thôn Lao Chải San 2	DC	xã Lao Chải	H. Sa Pa	22° 18' 22"	103° 50' 58"					F-48-40-B
thôn Lao Hàng Chải	DC	xã Lao Chải	H. Sa Pa	22° 17' 27"	103° 51' 37"					F-48-40-B
thôn Lồ Lao Chải	DC	xã Lao Chải	H. Sa Pa	22° 18' 53"	103° 52' 00"					F-48-40-B
thôn Lý Lao Chải	DC	xã Lao Chải	H. Sa Pa	22° 18' 28"	103° 52' 35"					F-48-40-B
suối Séo Mí Tỉ	TV	xã Lao Chải	H. Sa Pa			22° 15' 46"	103° 50' 28"	22° 15' 06"	103° 51' 19"	F-48-40-B
suối Tả Van	TV	xã Lao Chải	H. Sa Pa			22° 18' 55"	103° 51' 01"	22° 18' 30"	103° 52' 58"	F-48-40-B
nậm Cang	TV	xã Nậm Cang	H. Sa Pa			22° 11' 23"	104° 03' 36"	22° 13' 13"	104° 01' 35"	F-48-41-C
núi Kang Hô Tao	SV	xã Nậm Cang	H. Sa Pa	22° 08' 27"	103° 59' 21"					F-48-40-D
thôn Nậm Than	DC	xã Nậm Cang	H. Sa Pa	22° 13' 32"	104° 02' 41"					F-48-41-C
suối Pá	TV	xã Nậm Cang	H. Sa Pa			22° 09' 43"	104° 01' 25"	22° 13' 10"	104° 01' 33"	F-48-41-C
nậm Than	TV	xã Nậm Cang	H. Sa Pa			22° 12' 35"	104° 03' 46"	22° 13' 34"	104° 01' 02"	F-48-41-C
suối Bản Cu	TV	xã Nậm Sài	H. Sa Pa			22° 14' 21"	104° 02' 08"	22° 13' 44"	104° 00' 56"	F-48-41-C
thôn Bản Sài	DC	xã Nậm Sài	H. Sa Pa	22° 14' 37"	104° 00' 19"					F-48-41-C
suối Nậm Cang	TV	xã Nậm Sài	H. Sa Pa			22° 13' 34"	104° 01' 02"	22° 14' 54"	103° 59' 32"	F-48-41-C
thôn Nậm Ngấn	DC	xã Nậm Sài	H. Sa Pa	22° 14' 12"	103° 59' 48"					F-48-40-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nậm Nhìu	DC	xã Nậm Sài	H. Sa Pa	22° 14' 38"	104° 01' 22"					F-48-41-C
thôn Nậm Sang	DC	xã Nậm Sài	H. Sa Pa	22° 14' 15"	104° 00' 02"					F-48-41-C
suối Nậm Si	TV	xã Nậm Sài	H. Sa Pa			22° 12' 48"	104° 00' 38"	22° 13' 33"	104° 01' 02"	F-48-41-C
cầu 32	KX	xã Sa Pả	H. Sa Pa	22° 21' 46"	103° 51' 46"					F-48-40-B
thôn Giàng Tra	DC	xã Sa Pả	H. Sa Pa	22° 22' 43"	103° 50' 58"					F-48-40-B
núi Hàm Rồng	SV	xã Sa Pả	H. Sa Pa	22° 20' 01"	103° 51' 40"					F-48-40-B
thôn Má Cha	DC	xã Sa Pả	H. Sa Pa	22° 22' 01"	103° 50' 38"					F-48-40-B
thôn Sả Xéng	DC	xã Sa Pả	H. Sa Pa	22° 20' 14"	103° 52' 23"					F-48-40-B
thôn Sâu Chua	DC	xã Sa Pả	H. Sa Pa	22° 21' 34"	103° 52' 03"					F-48-40-B
suối Vàng	TV	xã Sa Pả	H. Sa Pa	22° 20' 34"	103° 52' 27"					F-48-40-B
thác Bạc	TV	xã San Sả Hồ	H. Sa Pa	22° 21' 52"	103° 46' 30"					F-48-40-B
thôn Cát Cát	DC	xã San Sả Hồ	H. Sa Pa	22° 19' 55"	103° 49' 23"					F-48-40-B
suối Cát Cát	TV	xã San Sả Hồ	H. Sa Pa			22° 19' 41"	103° 49' 57"	22° 19' 02"	103° 50' 43"	F-48-40-B
dãy Hoàng Liên Sơn	SV	xã San Sả Hồ	H. Sa Pa							
đỉnh Phan Xi Păng	SV	xã San Sả Hồ	H. Sa Pa	22° 18' 16"	103° 46' 24"					F-48-40-B
thôn Sín Chải	DC	xã San Sả Hồ	H. Sa Pa	22° 20' 27"	103° 48' 39"					F-48-40-B
suối Vàng	TV	xã San Sả Hồ	H. Sa Pa			22° 19' 03"	103° 47' 16"	22° 19' 41"	103° 49' 57"	F-48-40-B
thôn Ý Lĩnh Hồ	DC	xã San Sả Hồ	H. Sa Pa	22° 18' 52"	103° 50' 43"					F-48-40-B
thôn Hòa Sử Pán I	DC	xã Sử Pán	H. Sa Pa	22° 17' 41"	103° 54' 42"					F-48-40-B
thôn Hòa Sử Pán II	DC	xã Sử Pán	H. Sa Pa	22° 17' 55"	103° 55' 29"					F-48-40-B
thôn Vạn Dền Sử II	DC	xã Sử Pán	H. Sa Pa	22° 16' 58"	103° 56' 16"					F-48-40-B
thôn Bản Pho	DC	xã Suối Thầu	H. Sa Pa	22° 16' 18"	104° 03' 03"					F-48-41-A
suối Mặt	TV	xã Suối Thầu	H. Sa Pa			22° 15' 21"	104° 03' 17"	22° 17' 17"	104° 00' 57"	F-48-41-A
thôn Nậm Lang A	DC	xã Suối Thầu	H. Sa Pa	22° 16' 53"	104° 01' 56"					F-48-41-A
thôn Nậm Lang B	DC	xã Suối Thầu	H. Sa Pa	22° 17' 00"	104° 02' 22"					F-48-41-A
thôn Suối Thầu	DC	xã Suối Thầu	H. Sa Pa	22° 15' 34"	104° 03' 12"					F-48-41-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
dãy Hoàng Liên Sơn	SV	xã Tả Giàng Phình	H. Sa Pa							
thôn Lao Chải	DC	xã Tả Giàng Phình	H. Sa Pa	22° 27' 45"	103° 45' 55"					F-48-40-B
thôn Móng Xóa	DC	xã Tả Giàng Phình	H. Sa Pa	22° 26' 57"	103° 46' 18"					F-48-40-B
thôn Sín Chải	DC	xã Tả Giàng Phình	H. Sa Pa	22° 27' 30"	103° 45' 25"					F-48-40-B
thôn Suối Thầu 1	DC	xã Tả Giàng Phình	H. Sa Pa	22° 26' 42"	103° 45' 40"					F-48-40-B
thôn Suối Thầu 2	DC	xã Tả Giàng Phình	H. Sa Pa	22° 27' 00"	103° 45' 21"					F-48-40-B
suối Trùng Sơn	TV	xã Tả Giàng Phình	H. Sa Pa			22° 26' 05"	103° 45' 09"	22° 27' 11"	103° 45' 48"	F-48-40-B
thôn Bản Kim	DC	xã Thanh Kim	H. Sa Pa	22° 18' 37"	103° 57' 56"					F-48-40-B
suối Bản Kim	TV	xã Thanh Kim	H. Sa Pa			22° 18' 32"	103° 57' 46"	22° 16' 52"	103° 59' 12"	F-48-40-B
ngòi Bo	TV	xã Thanh Kim	H. Sa Pa			22° 15' 35"	103° 58' 42"	22° 16' 56"	103° 59' 14"	F-48-40-B
thôn Lếch Dao	DC	xã Thanh Kim	H. Sa Pa	22° 17' 28"	103° 57' 42"					F-48-40-B
thôn Lếch Mông	DC	xã Thanh Kim	H. Sa Pa	22° 18' 10"	103° 56' 34"					F-48-40-B
suối Lếch Mông	TV	xã Thanh Kim	H. Sa Pa			22° 18' 33"	103° 56' 22"	22° 16' 09"	103° 58' 57"	F-48-40-B
ngòi Bo	TV	xã Thanh Phú	H. Sa Pa			22° 15' 35"	103° 58' 42"	22° 17' 40"	104° 01' 07"	F-48-40-B
nậm Cang	TV	xã Thanh Phú	H. Sa Pa			22° 14' 53"	103° 59' 32"	22° 15' 35"	103° 58' 42"	F-48-40-B
thôn Mường Bo	DC	xã Thanh Phú	H. Sa Pa	22° 15' 39"	103° 59' 23"					F-48-40-B
thôn Nậm Củm	DC	xã Thanh Phú	H. Sa Pa	22° 16' 35"	104° 00' 14"					F-48-41-A
thôn Sín Chải A	DC	xã Thanh Phú	H. Sa Pa	22° 15' 42"	104° 01' 16"					F-48-41-A
thôn Sín Chải B	DC	xã Thanh Phú	H. Sa Pa	22° 15' 54"	104° 01' 06"					F-48-41-A
suối Thanh Phú	TV	xã Thanh Phú	H. Sa Pa			22° 14' 57"	104° 02' 03"	22° 15' 12"	103° 59' 15"	F-48-41-A
quốc lộ 4D	KX	xã Trung Chải	H. Sa Pa			22° 23' 00"	103° 52' 43"	22° 25' 38"	103° 55' 00"	F-48-40-B
thôn Chu Lìn 1	DC	xã Trung Chải	H. Sa Pa	22° 22' 39"	103° 53' 11"					F-48-40-B
cầu Đôi	KX	xã Trung Chải	H. Sa Pa	22° 24' 52"	103° 53' 50"					F-48-40-B
ngòi Đum	TV	xã Trung Chải	H. Sa Pa			22° 22' 53"	103° 52' 46"	22° 24' 54"	103° 54' 12"	F-48-40-B
suối Móng Sến	TV	xã Trung Chải	H. Sa Pa			22° 24' 23"	103° 52' 06"	22° 24' 54"	103° 54' 12"	F-48-40-B
thôn Móng Xến 2	DC	xã Trung Chải	H. Sa Pa	22° 24' 42"	103° 51' 53"					F-48-40-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pờ Sì Ngài	DC	xã Trung Chải	H. Sa Pa	22° 25' 30"	103° 53' 36"					F-48-40-B
suối Pờ Sì Ngài	TV	xã Trung Chải	H. Sa Pa			22° 25' 39"	103° 52' 22"	22° 24' 53"	103° 53' 49"	F-48-40-B
núi Pô Tính	SV	xã Trung Chải	H. Sa Pa	22° 24' 23"	103° 53' 16"					F-48-40-B
nông trường Sa Pa	KX	xã Trung Chải	H. Sa Pa	22° 23' 18"	103° 54' 20"					F-48-40-B
thôn Sín Chải	DC	xã Trung Chải	H. Sa Pa	22° 24' 57"	103° 54' 54"					F-48-40-B
suối Sô Chi Văng	TV	xã Trung Chải	H. Sa Pa			22° 22' 44"	103° 53' 52"	22° 23' 54"	103° 53' 32"	F-48-40-B
thôn Vù Lùng Sung	DC	xã Trung Chải	H. Sa Pa	22° 24' 13"	103° 54' 33"					F-48-40-B
suối Vù Lùng Sung	TV	xã Trung Chải	H. Sa Pa							
thôn Bản Mế	DC	xã Bản Mế	H. Si Ma Cai	22° 41' 10"	104° 13' 49"					F-48-29-C
thôn Cốc Nghê	DC	xã Bản Mế	H. Si Ma Cai	22° 41' 41"	104° 14' 00"					F-48-29-C
thôn Khuấn Púng	DC	xã Bản Mế	H. Si Ma Cai	22° 42' 26"	104° 12' 27"					F-48-29-C
thôn Sín Chải	DC	xã Bản Mế	H. Si Ma Cai	22° 41' 10"	104° 13' 51"					F-48-29-C
quốc lộ 4	KX	xã Cán Cấu	H. Si Ma Cai			22° 39' 52"	104° 18' 29"	22° 38' 57"	104° 18' 46"	F-48-29 -D
thôn Cán Cấu	DC	xã Cán Cấu	H. Si Ma Cai	22° 37' 36"	104° 17' 45"					F-48-29 -D
hồ Cán Cấu	TV	xã Cán Cấu	H. Si Ma Cai	22° 37' 09"	104° 17' 53"					F-48-29 -D
thôn Cán Chư Sử	DC	xã Cán Cấu	H. Si Ma Cai	22° 38' 50"	104° 18' 47"					F-48-29 -D
thôn Chư Sang	DC	xã Cán Cấu	H. Si Ma Cai	22° 38' 50"	104° 17' 36"					F-48-29 -D
thôn Cốc Phà	DC	xã Cán Cấu	H. Si Ma Cai	22° 39' 52"	104° 18' 41"					F-48-29 -D
thôn Mù Tráng Phìn	DC	xã Cán Cấu	H. Si Ma Cai	22° 38' 16"	104° 17' 53"					F-48-29 -D
thôn Mản Thẩn	DC	xã Cán Hồ	H. Si Ma Cai	22° 39' 39"	104° 16' 15"					F-48-29-D
thôn Ngải Phóng Chồ	DC	xã Cán Hồ	H. Si Ma Cai	22° 39' 45"	104° 17' 41"					F-48-29-D
thôn Seo Cán Hồ	DC	xã Cán Hồ	H. Si Ma Cai	22° 39' 24"	104° 16' 32"					F-48-29-D
thôn Tả Nàn Vống	DC	xã Cán Hồ	H. Si Ma Cai	22° 39' 18"	104° 17' 12"					F-48-29-D
thôn Chính Chư Phìn	DC	xã Lử Thẩn	H. Si Ma Cai	22° 38' 33"	104° 19' 12"					F-48-29-D
thôn Sảng Chải	DC	xã Lử Thẩn	H. Si Ma Cai	22° 37' 07"	104° 18' 56"					F-48-29-D
thôn Sảng Nàng Cảng	DC	xã Lử Thẩn	H. Si Ma Cai	22° 38' 05"	104° 19' 40"					F-48-29-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lao Dìn Phàng	DC	Xã Lùng Sui	H. Si Ma Cai	22° 39' 32"	104° 21' 04"					F-48-29-D
thôn Lênh Sui Thàng	DC	Xã Lùng Sui	H. Si Ma Cai	22° 40' 35"	104° 19' 48"					F-48-29-D
thôn Lùng Sán	DC	Xã Lùng Sui	H. Si Ma Cai	22° 39' 34"	104° 19' 60"					F-48-29-D
thôn Nà Mổ	DC	Xã Lùng Sui	H. Si Ma Cai	22° 38' 15"	104° 21' 19"					F-48-29-D
thôn Nà Mò Cái	DC	Xã Lùng Sui	H. Si Ma Cai	22° 39' 13"	104° 19' 49"					F-48-29-D
thôn Seng Sui	DC	Xã Lùng Sui	H. Si Ma Cai	22° 38' 40"	104° 20' 30"					F-48-29-D
thôn Ta Pa Chải	DC	Xã Lùng Sui	H. Si Ma Cai	22° 40' 30"	104° 20' 22"					F-48-29-D
thôn Ngã Ba	DC	xã Mản Thần	H. Si Ma Cai	22° 41' 01"	104° 15' 07"					F-48-29-D
thôn Sảng Mản Thần	DC	xã Mản Thần	H. Si Ma Cai	22° 39' 48"	104° 15' 33"					F-48-29-D
đội 3	DC	xã Nàn Sán	H. Si Ma Cai	22° 42' 01"	104° 15' 30"					F-48-29-D
sông Chảy	TV	xã Nàn Sán	H. Si Ma Cai			22° 43' 59"	104° 17' 44"	22° 42' 21"	104° 14' 07"	F-48-29-C, F-48-29-D
thôn Lũng Choáng	DC	xã Nàn Sán	H. Si Ma Cai	22° 43' 20"	104° 17' 09"					F-48-29-D
thôn Quan Thần Súng	DC	xã Nàn Sán	H. Si Ma Cai	22° 42' 38"	104° 16' 57"					F-48-29-D
thôn Sảng Chải 2	DC	xã Nàn Sán	H. Si Ma Cai	22° 43' 10"	104° 16' 06"					F-48-29-D
thôn Sảng Chải 3	DC	xã Nàn Sán	H. Si Ma Cai	22° 43' 09"	104° 16' 06"					F-48-29-D
thôn Sảng Chải 5	DC	xã Nàn Sán	H. Si Ma Cai	22° 43' 22"	104° 16' 22"					F-48-29-D
sông Chảy	TV	xã Nàn Sín	H. Si Ma Cai			22° 37' 20"	104° 11' 30"	22° 35' 11"	104° 12' 21"	F-48-29-C
thôn Chính Chu Phìn	DC	xã Nàn Sín	H. Si Ma Cai	22° 37' 45"	104° 14' 45"					F-48-29-C
thôn Phìn Chư 1	DC	xã Nàn Sín	H. Si Ma Cai	22° 37' 12"	104° 13' 09"					F-48-29-C
thôn Phìn Chư 3	DC	xã Nàn Sín	H. Si Ma Cai	22° 35' 42"	104° 13' 13"					F-48-29-C
suối Yên Sơn	TV	xã Nàn Sín	H. Si Ma Cai			22° 35' 13"	104° 12' 19"	22° 35' 28"	104° 13' 52"	F-48-29-C
núi Giống Sáng Tổng	SV	xã Quan Thần Sán	H. Si Ma Cai	22° 38' 26"	104° 15' 13"					F-48-29-D
thôn Hồ Sáo Chải	DC	xã Quan Thần Sán	H. Si Ma Cai	22° 38' 22"	104° 15' 35"					F-48-29-D
thôn Lao Chải	DC	xã Quan Thần Sán	H. Si Ma Cai	22° 38' 41"	104° 16' 47"					F-48-29-D
thôn Nhìu Cồ Ván	DC	xã Quan Thần Sán	H. Si Ma Cai	22° 38' 22"	104° 15' 56"					F-48-29-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sín Chải	DC	xã Quan Thần Sán	H. Si Ma Cai	22° 38' 50"	104° 15' 55"					F-48-29-D
thôn Sừ Pà Phìn	DC	xã Quan Thần Sán	H. Si Ma Cai	22° 37' 29"	104° 15' 55"					F-48-29-D
sông Chảy	TV	xã Sán Chải	H. Si Ma Cai			22° 43' 44"	104° 19' 29"	22° 41' 26"	104° 19' 58"	F-48-29-D
thôn Chung Chải	DC	xã Sán Chải	H. Si Ma Cai	22° 40' 50"	104° 17' 21"					F-48-29-D
thôn Hố Tìn	DC	xã Sán Chải	H. Si Ma Cai	2241-58	104° 19' 17"					F-48-29-D
thôn Hòa Sừ Pan	DC	xã Sán Chải	H. Si Ma Cai	22° 41' 18"	104° 18' 02"					F-48-29-D
thôn La Chí Chải	DC	xã Sán Chải	H. Si Ma Cai	22° 40' 50"	104° 18' 52"					F-48-29-D
thôn Lao Tỷ Phùng	DC	xã Sán Chải	H. Si Ma Cai	22° 41' 22"	104° 18' 52"					F-48-29-D
thôn Lù Dì Sán	DC	xã Sán Chải	H. Si Ma Cai	22° 43' 09"	104° 19' 46"					F-48-29-D
thôn Ngải Pản	DC	xã Sán Chải	H. Si Ma Cai	22° 41' 13"	104° 18' 32"					F-48-29-D
thôn Sán Khố Sủ	DC	xã Sán Chải	H. Si Ma Cai	22° 43' 44"	104° 19' 29"					F-48-29-D
thôn Seo Khai Hóa	DC	xã Sán Chải	H. Si Ma Cai	22° 42' 10"	104° 19' 33"					F-48-29-D
thôn Sín Hồ Sán	DC	xã Sán Chải	H. Si Ma Cai	22° 40' 50"	104° 17' 29"					F-48-29-D
thôn Sín Tẩn	DC	xã Sán Chải	H. Si Ma Cai	22° 41' 00"	104° 17' 04"					F-48-29-D
thôn Gia Khâu I	DC	xã Si Ma Cai	H. Si Ma Cai	22° 42' 42"	104° 17' 60"					F-48-29-D
thôn Na Cáng	DC	xã Si Ma Cai	H. Si Ma Cai	22° 43' 20"	104° 17' 35"					F-48-29-D
thôn Nàng Cảng	DC	xã Si Ma Cai	H. Si Ma Cai	22° 42' 59"	104° 17' 47"					F-48-29-D
thôn Ngải Pản	DC	xã Si Ma Cai	H. Si Ma Cai	22° 41' 39"	104° 17' 14"					F-48-29-D
thôn Phố Cũ	DC	xã Si Ma Cai	H. Si Ma Cai	22° 41' 33"	104° 16' 14"					F-48-29-D
thôn Phố Mới	DC	xã Si Ma Cai	H. Si Ma Cai	22° 41' 59"	104° 17' 09"					F-48-29-D
thôn Phố Thấu	DC	xã Si Ma Cai	H. Si Ma Cai	22° 41' 40"	104° 16' 26"					F-48-29-D
thôn Trung Chải	DC	xã Si Ma Cai	H. Si Ma Cai	22° 42' 28"	104° 17' 57"					F-48-29-D
sông Chảy	TV	xã Sín Chéng	H. Si Ma Cai			22° 39' 41"	104° 10' 47"	22° 37' 19"	104° 11' 31"	F-48-29-C
thôn Chu Lìn Chồ	DC	xã Sín Chéng	H. Si Ma Cai	22° 38' 39"	104° 13' 08"					F-48-29-C
thôn Mào Sao Phìn	DC	xã Sín Chéng	H. Si Ma Cai	22° 38' 60"	104° 13' 14"					F-48-29-C
thôn Sảng Chúng	DC	xã Sín Chéng	H. Si Ma Cai	22° 39' 10"	104° 14' 14"					F-48-29-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sín Chải	DC	xã Sín Chéng	H. Si Ma Cai	22° 39' 05"	104° 12' 29"					F-48-29-C
thôn Sín Chéng	DC	xã Sín Chéng	H. Si Ma Cai	22° 38' 60"	104° 12' 14"					F-48-29-C
thôn Cẩu Phì Chải	DC	xã Thào Chư Phìn	H. Si Ma Cai	22° 41' 11"	104° 11' 23"					F-48-29-C
sông Chảy	TV	xã Thào Chư Phìn	H. Si Ma Cai			22° 39' 41"	104° 46' 22"	22° 44' 00"	104° 12' 55"	F-48-29-C
thôn Cốc Dế	DC	xã Thào Chư Phìn	H. Si Ma Cai	22° 43' 47"	104° 11' 37"					F-48-29-C
thôn Hồ Sáo Chải	DC	xã Thào Chư Phìn	H. Si Ma Cai	22° 41' 40"	104° 12' 06"					F-48-29-C
thôn Sán Chá	DC	xã Thào Chư Phìn	H. Si Ma Cai	22° 42' 28"	104° 11' 42"					F-48-29-C
thôn Sín Pao Chải	DC	xã Thào Chư Phìn	H. Si Ma Cai	22° 42' 41"	104° 11' 12"					F-48-29-C
thôn Thào Chu Phìn	DC	xã Thào Chư Phìn	H. Si Ma Cai	22° 41' 50"	104° 11' 16"					F-48-29-C
thôn Chiềng 1	DC	xã Chiềng Ken	H. Văn Bàn	22° 03' 02"	104° 19' 17"					F-48-41-D
thôn Đồng Vệ	DC	xã Chiềng Ken	H. Văn Bàn	22° 03' 54"	104° 19' 35"					F-48-41-D
suối Nhù	TV	xã Chiềng Ken	H. Văn Bàn			22° 04' 13"	104° 20' 30"	22° 07' 14"	104° 17' 29"	F-48-41-D
thôn Phúng	DC	xã Chiềng Ken	H. Văn Bàn	22° 06' 38"	104° 18' 31"					F-48-41-D
nậm Tha	TV	xã Chiềng Ken	H. Văn Bàn			22° 03' 02"	104° 21' 21"	22° 04' 13"	104° 20' 30"	F-48-41-D
khe Thi	TV	xã Chiềng Ken	H. Văn Bàn			22° 05' 17"	104° 19' 30"	22° 05' 52"	104° 19' 25"	F-48-41-D
thôn Thi 1	DC	xã Chiềng Ken	H. Văn Bàn	22° 05' 37"	104° 19' 17"					F-48-41-D
nậm Cần	TV	xã Dần Thàng	H. Văn Bàn			22° 05' 03"	104° 02' 39"	22° 05' 07"	104° 05' 35"	F-48-41-C
núi Dam	SV	xã Dần Thàng	H. Văn Bàn	22° 08' 41"	104° 10' 22"					F-48-41-C
thôn Dần Thàng	DC	xã Dần Thàng	H. Văn Bàn	22° 06' 19"	104° 08' 58"					F-48-41-C
suối Khâm	TV	xã Dần Thàng	H. Văn Bàn			22° 06' 12"	104° 05' 32"	22° 04' 58"	104° 05' 37"	F-48-41-C
nậm Khắt	TV	xã Dần Thàng	H. Văn Bàn			22° 05' 07"	104° 05' 34"	22° 03' 42"	104° 06' 33"	F-48-41-C
thôn Lán Bô	DC	xã Dần Thàng	H. Văn Bàn	22° 05' 58"	104° 04' 08"					F-48-41-C
khe Mười	TV	xã Dần Thàng	H. Văn Bàn			22° 06' 39"	104° 08' 53"	22° 05' 46"	104° 09' 27"	F-48-41-C
thôn Nậm Cần	DC	xã Dần Thàng	H. Văn Bàn	22° 05' 00"	104° 04' 18"					F-48-41-C
thôn Nậm Mười	DC	xã Dần Thàng	H. Văn Bàn	22° 05' 56"	104° 08' 01"					F-48-41-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phu Nóp	SV	xã Dần Thàng	H. Văn Bàn	22° 04' 41"	104° 07' 02"					F-48-41-C
thôn Tà Mòng	DC	xã Dần Thàng	H. Văn Bàn	22° 06' 52"	104° 10' 20"					F-48-41-C
suối Tà Mòng	TV	xã Dần Thàng	H. Văn Bàn			22° 07' 38"	104° 10' 00"	22° 06' 09"	104° 12' 03"	F-48-41-C
suối Thái Dàng	TV	xã Dần Thàng	H. Văn Bàn			22° 05' 52"	104° 06' 23"	22° 05' 22"	104° 05' 31"	F-48-41-C
quốc lộ 279	KX	xã Dương Quỳ	H. Văn Bàn			22° 03' 03"	104° 07' 25"	22° 04' 28"	104° 09' 33"	F-48-41-C
suối Chăn	TV	xã Dương Quỳ	H. Văn Bàn			22° 03' 41"	104° 06' 32"	22° 04' 29"	104° 09' 31"	F-48-41-C
nậm Chố	TV	xã Dương Quỳ	H. Văn Bàn			22° 00' 44"	104° 09' 51"	22° 03' 37"	104° 08' 38"	F-48-41-C
suối Chút	TV	xã Dương Quỳ	H. Văn Bàn			21° 58' 06"	104° 11' 23"	22° 00' 05"	104° 11' 44"	F-48-41-C
nậm Hốc	TV	xã Dương Quỳ	H. Văn Bàn			22° 02' 48"	104° 09' 23"	22° 03' 34"	104° 08' 48"	F-48-41-C
thôn Ít Lộc	DC	xã Dương Quỳ	H. Văn Bàn	22° 01' 48"	104° 11' 18"					F-48-41-C
bản Khoay	DC	xã Dương Quỳ	H. Văn Bàn	22° 03' 38"	104° 07' 23"					F-48-41-C
thôn Nà Có	DC	xã Dương Quỳ	H. Văn Bàn	22° 04' 07"	104° 08' 22"					F-48-41-C
bản Nậm Hốc	DC	xã Dương Quỳ	H. Văn Bàn	22° 02' 22"	104° 09' 12"					F-48-41-C
thôn Nậm Tăm	DC	xã Dương Quỳ	H. Văn Bàn	22° 04' 33"	104° 08' 36"					F-48-41-C
thôn Nậm Tùn Dưới	DC	xã Dương Quỳ	H. Văn Bàn	22° 03' 51"	104° 10' 19"					F-48-41-C
thôn Nậm Tùn Trên	DC	xã Dương Quỳ	H. Văn Bàn	22° 02' 16"	104° 10' 27"					F-48-41-C
nậm Tăm	TV	xã Dương Quỳ	H. Văn Bàn			22° 05' 13"	104° 08' 00"	22° 03' 41"	104° 08' 37"	F-48-41-C
thôn Trung Tâm	DC	xã Dương Quỳ	H. Văn Bàn	22° 03' 11"	104° 08' 21"					F-48-41-C
lâm trường Văn Bàn	KX	xã Dương Quỳ	H. Văn Bàn	21° 58' 18"	104° 12' 04"					F-48-53-A
quốc lộ 279	KX	xã Hòa Mạc	H. Văn Bàn			22° 04' 28"	104° 09' 32"	22° 05' 13"	104° 12' 34"	F-48-41-C
suối Chút	TV	xã Hòa Mạc	H. Văn Bàn			22° 03' 37"	104° 11' 56"	22° 05' 37"	104° 12' 08"	F-48-41-C
thôn Lòng Xề	DC	xã Hòa Mạc	H. Văn Bàn	22° 05' 04"	104° 11' 04"					F-48-41-C
thôn Mạc 1	DC	xã Hòa Mạc	H. Văn Bàn	22° 04' 57"	104° 10' 01"					F-48-41-C
thôn Nà Khoen 3	DC	xã Hòa Mạc	H. Văn Bàn	22° 05' 01"	104° 10' 23"					F-48-41-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Lộc	DC	xã Hòa Mạc	H. Văn Bàn	22° 04' 59"	104° 11' 51"					F-48-41-C
thôn Nòm 4	DC	xã Hòa Mạc	H. Văn Bàn	22° 05' 47"	104° 12' 05"					F-48-41-C
núi Pù Luông	SV	xã Hòa Mạc	H. Văn Bàn	22° 05' 47"	104° 10' 12"					F-48-41-C
làng Bô	DC	xã Khánh Yên Hạ	H. Văn Bàn	22° 02' 58"	104° 18' 31"					F-48-41-D
bản Độc Lập	DC	xã Khánh Yên Hạ	H. Văn Bàn	22° 03' 12"	104° 18' 42"					F-48-41-D
làng Lảng	DC	xã Khánh Yên Hạ	H. Văn Bàn	22° 02' 19"	104° 17' 48"					F-48-41-D
làng Sung	DC	xã Khánh Yên Hạ	H. Văn Bàn	22° 01' 49"	104° 18' 37"					F-48-41-D
suối Yên Hạ	TV	xã Khánh Yên Hạ	H. Văn Bàn			21° 59' 29"	104° 15' 06"	22° 00' 01"	104° 17' 29"	F-48-53-B
nậm Cọ	TV	xã Khánh Yên Thượng	H. Văn Bàn			22° 07' 30"	104° 14' 11"	22° 08' 40"	104° 13' 39"	F-48-41-C
làng Cói	DC	xã Khánh Yên Thượng	H. Văn Bàn	22° 05' 56"	104° 15' 28"					F-48-41-D
bản Nà Lộc	DC	xã Khánh Yên Thượng	H. Văn Bàn	22° 05' 08"	104° 15' 43"					F-48-41-D
khe Nà Lộc	TV	xã Khánh Yên Thượng	H. Văn Bàn			22° 06' 54"	104° 14' 55"	22° 05' 44"	104° 15' 37"	F-48-41-D
bản Nậm Cọ	DC	xã Khánh Yên Thượng	H. Văn Bàn	22° 08' 18"	104° 13' 44"					F-48-41-C
làng Noỏng	DC	xã Khánh Yên Thượng	H. Văn Bàn	22° 04' 45"	104° 15' 34"					F-48-41-D
bản Thuông	DC	xã Khánh Yên Thượng	H. Văn Bàn	22° 04' 20"	104° 15' 50"					F-48-41-D
khe Vây U	TV	xã Khánh Yên Thượng	H. Văn Bàn			22° 06' 16"	104° 16' 57"	22° 04' 48"	104° 16' 26"	F-48-41-D
bản Yên Xuân	DC	xã Khánh Yên Thượng	H. Văn Bàn	22° 04' 28"	104° 16' 09"					F-48-41-D
thôn Bơ	DC	xã Khánh Yên Trung	H. Văn Bàn	22° 05' 02"	104° 17' 42"					F-48-41-D
làng Én	DC	xã Khánh Yên Trung	H. Văn Bàn	22° 04' 08"	104° 16' 35"					F-48-41-D
thôn Làn	DC	xã Khánh Yên Trung	H. Văn Bàn	22° 03' 49"	104° 18' 01"					F-48-41-D
suối Vây Ú	TV	xã Khánh Yên Trung	H. Văn Bàn			22° 06' 16"	104° 16' 57"	22° 04' 48"	104° 16' 26"	F-48-41-D
thôn An	DC	xã Làng Giàng	H. Văn Bàn	22° 04' 46"	104° 12' 49"					F-48-41-C
núi Bản Hành	SV	xã Làng Giàng	H. Văn Bàn	22° 06' 23"	104° 12' 56"					F-48-41-C
suối Chăn	TV	xã Làng Giàng	H. Văn Bàn			22° 05' 58"	104° 12' 20"	22° 07' 37"	104° 12' 52"	F-48-41-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Đao	TV	xã Làng Giàng	H. Văn Bàn			22° 04' 58"	104° 13' 01"	22° 05' 19"	104° 14' 15"	F-48-41-C
thôn Giàng	DC	xã Làng Giàng	H. Văn Bàn	22° 05' 16"	104° 14' 08"					F-48-41-C
bản Hành	DC	xã Làng Giàng	H. Văn Bàn	22° 06' 19"	104° 13' 22"					F-48-41-C
thôn Hô Phai	DC	xã Làng Giàng	H. Văn Bàn	22° 05' 15"	104° 13' 26"					F-48-41-C
thôn Lập Thành	DC	xã Làng Giàng	H. Văn Bàn	22° 04' 46"	104° 13' 10"					F-48-41-C
thôn Nậm Bó	DC	xã Làng Giàng	H. Văn Bàn	22° 05' 27"	104° 13' 46"					F-48-41-C
lâm trường Văn Bàn	KX	xã Làng Giàng	H. Văn Bàn	22° 03' 18"	104° 13' 50"					F-48-41-C
làng Cưởm	DC	xã Liêm Phú	H. Văn Bàn	22° 00' 57"	104° 18' 58"					F-48-41-D
làng Giằng	DC	xã Liêm Phú	H. Văn Bàn	22° 00' 15"	104° 19' 29"					F-48-41-D
ngòi Nhù	TV	xã Liêm Phú	H. Văn Bàn			21° 55' 42"	104° 18' 54"	22° 02' 10"	104° 18' 57"	F-48-41-D
làng Phát	DC	xã Liêm Phú	H. Văn Bàn	22° 01' 43"	104° 19' 02"					F-48-41-D
bản Phú Mậu	DC	xã Liêm Phú	H. Văn Bàn	21° 58' 45"	104° 19' 47"					F-48-53-B
nậm Liệp	TV	xã Minh Lương	H. Văn Bàn			22° 00' 03"	104° 02' 16"	22° 00' 53"	104° 03' 24"	F-48-41-C
pu Mẩy	SV	xã Minh Lương	H. Văn Bàn	22° 00' 51"	104° 03' 55"					F-48-41-C
thôn Minh Chiềng	DC	xã Minh Lương	H. Văn Bàn	22° 01' 29"	104° 02' 58"					F-48-41-C
thôn Minh Hạ	DC	xã Minh Lương	H. Văn Bàn	22° 00' 32"	104° 03' 12"					F-48-41-C
suối Minh Lương	TV	xã Minh Lương	H. Văn Bàn			22° 01' 59"	104° 01' 50"	22° 02' 09"	104° 04' 51"	F-48-41-C
thôn Minh Thượng	DC	xã Minh Lương	H. Văn Bàn	22° 00' 59"	104° 02' 39"					F-48-41-C
bản Pom Khén	DC	xã Minh Lương	H. Văn Bàn	22° 00' 44"	104° 04' 39"					F-48-41-C
suối Hỏm	TV	xã Nậm Chày	H. Văn Bàn			22° 07' 54"	104° 05' 32"	22° 06' 20"	104° 04' 46"	F-48-41-C
bản Hỏm Dưới	DC	xã Nậm Chày	H. Văn Bàn	22° 06' 50"	104° 04' 36"					F-48-41-C
bản Hỏm Trên	DC	xã Nậm Chày	H. Văn Bàn	22° 07' 52"	104° 04' 56"					F-48-41-C
suối Khâm	TV	xã Nậm Chày	H. Văn Bàn			22° 07' 58"	104° 06' 59"	22° 06' 12"	104° 05' 32"	F-48-41-C
bản Khâm Dưới	DC	xã Nậm Chày	H. Văn Bàn	22° 07' 17"	104° 06' 42"					F-48-41-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nậm Chày	DC	xã Nậm Chày	H. Văn Bàn	22° 07' 34"	104° 03' 52"					F-48-41-C
bản Pờ Sì Ngài	DC	xã Nậm Chày	H. Văn Bàn	22° 06' 40"	104° 04' 00"					F-48-41-C
suối Pờ Sì Ngài	TV	xã Nậm Chày	H. Văn Bàn			22° 07' 26"	104° 00' 12"	22° 06' 24"	104° 04' 21"	F-48-41-C
nậm Cằm	TV	xã Nậm Dạng	H. Văn Bàn			22° 07' 47"	104° 11' 58"	22° 07' 31"	104° 12' 48"	F-48-41-C
suối Chăn	TV	xã Nậm Dạng	H. Văn Bàn			22° 05' 59"	104° 12' 20"	22° 07' 37"	104° 12' 52"	F-48-41-C
thôn Cừu Choòng	DC	xã Nậm Dạng	H. Văn Bàn	22° 09' 05"	104° 12' 23"					F-48-41-C
núi Dam	SV	xã Nậm Dạng	H. Văn Bàn	22° 08' 41"	104° 10' 22"					F-48-41-C
nậm Kon	TV	xã Nậm Dạng	H. Văn Bàn			22° 08' 57"	104° 11' 12"	22° 10' 08"	104° 12' 02"	F-48-41-C
nậm Mu	TV	xã Nậm Dạng	H. Văn Bàn			22° 09' 36"	104° 10' 38"	22° 11' 23"	104° 11' 29"	F-48-41-C
bản Nậm Cằm	DC	xã Nậm Dạng	H. Văn Bàn	22° 10' 02"	104° 13' 05"					F-48-41-C
bản Nậm Dạng	DC	xã Nậm Dạng	H. Văn Bàn	22° 10' 28"	104° 11' 41"					F-48-41-C
làng Nậm Đinh	DC	xã Nậm Dạng	H. Văn Bàn	22° 09' 54"	104° 12' 47"					F-48-41-C
thôn Nậm Kẹn	DC	xã Nậm Dạng	H. Văn Bàn	22° 09' 42"	104° 11' 51"					F-48-41-C
bản Nậm Lạn	DC	xã Nậm Dạng	H. Văn Bàn	22° 07' 50"	104° 12' 12"					F-48-41-C
bản Pò Nào	DC	xã Nậm Dạng	H. Văn Bàn	22° 10' 00"	104° 10' 32"					F-48-41-C
bản Thôn Thượng	DC	xã Nậm Dạng	H. Văn Bàn	22° 09' 20"	104° 11' 05"					F-48-41-C
nậm Mả	TV	xã Nậm Mả	H. Văn Bàn			22° 10' 05"	104° 06' 43"	22° 11' 12"	104° 08' 00"	F-48-41-C
nậm Mu	TV	xã Nậm Mả	H. Văn Bàn			22° 09' 13"	104° 07' 20"	22° 07' 38"	104° 10' 00"	F-48-41-C
thôn Nậm Mả	DC	xã Nậm Mả	H. Văn Bàn	22° 12' 16"	104° 09' 20"					F-48-41-C
thôn Nậm Mu	DC	xã Nậm Mả	H. Văn Bàn	22° 07' 54"	104° 09' 27"					F-48-41-C
thôn Nậm Trang	DC	xã Nậm Mả	H. Văn Bàn	22° 12' 04"	105° 10' 49"					F-48-41-C
nậm Trang	TV	xã Nậm Mả	H. Văn Bàn			22° 11' 27"	104° 04' 59"	22° 11' 12"	104° 08' 00"	F-48-41-C
thôn Khe Cóc	DC	xã Nậm Tha	H. Văn Bàn	22° 00' 07"	104° 22' 47"					F-48-41-D
thôn Khe Nà	DC	xã Nậm Tha	H. Văn Bàn	22° 02' 22"	104° 22' 21"					F-48-41-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khe Tào	DC	xã Nậm Tha	H. Văn Bàn	22° 00' 47"	104° 23' 24"					F-48-41-D
thôn Khe Táu	DC	xã Nậm Tha	H. Văn Bàn	22° 02' 09"	104° 21' 44"					F-48-41-D
thôn Khe Vượng	DC	xã Nậm Tha	H. Văn Bàn	22° 58' 17"	104° 23' 30"					F-48-53-B
khe Táu	TV	xã Nậm Tha	H. Văn Bàn			22° 01' 36"	104° 21' 21"	22° 02' 56"	104° 21' 54"	F-48-41-D
nậm Tha	TV	xã Nậm Tha	H. Văn Bàn			21° 53' 15"	104° 20' 58"	21° 57' 10"	104° 23' 45"	F-48-41-D
nậm Thà	TV	xã Nậm Tha	H. Văn Bàn			21° 57' 10"	104° 23' 45"	21° 59' 25"	104° 23' 26"	F-48-53-B
thôn Vàng Mầu	DC	xã Nậm Tha	H. Văn Bàn	22° 03' 11"	104° 21' 43"					F-48-41-D
thôn Bản Mới	DC	xã Nậm Xây	H. Văn Bàn	21° 59' 20"	104° 05' 16"					F-48-53-A
thôn Giàng Dúa Chải	DC	xã Nậm Xây	H. Văn Bàn	21° 58' 02"	104° 06' 38"					F-48-53-A
thôn Mà Sa Phìn	DC	xã Nậm Xây	H. Văn Bàn	21° 57' 23"	104° 09' 04"					F-48-53-A
thôn Nà Hằm	DC	xã Nậm Xây	H. Văn Bàn	21° 59' 16"	104° 03' 46"					F-48-53-A
nậm Nậm Say Noi	TV	xã Nậm Xây	H. Văn Bàn			21° 56' 48"	104° 01' 54"	21° 59' 03"	104° 04' 24"	F-48-53-A
thôn Nậm Van	DC	xã Nậm Xây	H. Văn Bàn	21° 59' 05"	104° 04' 08"					F-48-53-A
nậm Nậm Xây Luông	TV	xã Nậm Xây	H. Văn Bàn			21° 56' 17"	104° 10' 09"	22° 00' 13"	104° 03' 58"	F-48-53-A
thôn Phiêng Đóng	DC	xã Nậm Xây	H. Văn Bàn	21° 58' 29"	104° 04' 52"					F-48-53-A
núi Phin Tra	SV	xã Nậm Xây	H. Văn Bàn	21° 57' 06"	104° 04' 36"					F-48-53-A
thôn Phù Lá Ngài	DC	xã Nậm Xây	H. Văn Bàn	21° 57' 42"	104° 07' 03"					F-48-53-A
nậm Xây Luông	TV	xã Nậm Xây	H. Văn Bàn			21° 56' 10"	104° 06' 57"	21° 56' 43"	104° 08' 17"	F-48-53-A
khe Đá Mài	TV	xã Nậm Xé	H. Văn Bàn			22° 01' 38"	104° 00' 20"	22° 02' 20"	104° 00' 01"	F-48-41-C
dãy Khau Ko	SV	xã Nậm Xé	H. Văn Bàn	22° 04' 05"	103° 56' 54"					F-48-41-C
nậm Khóa	TV	xã Nậm Xé	H. Văn Bàn			22° 07' 54"	103° 56' 40"	22° 04' 07"	103° 58' 24"	F-48-40-D
nậm Mu	TV	xã Nậm Xé	H. Văn Bàn			22° 00' 53"	104° 00' 06"	22° 01' 37"	104° 02' 04"	F-48-41-C
bản Nậm Si Tan	DC	xã Nậm Xé	H. Văn Bàn	22° 01' 55"	104° 57' 36"					F-48-41-C
nậm Si Tan	TV	xã Nậm Xé	H. Văn Bàn			22° 01' 30"	103° 58' 46"	22° 02' 34"	103° 59' 18"	F-48-40-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Ta Náng	DC	xã Nậm Xé	H. Văn Bàn	22° 02' 16"	104° 01' 08"					F-48-41-C
nậm Tu	TV	xã Nậm Xé	H. Văn Bàn			22° 04' 42"	104° 00' 20"	22° 03' 33"	104° 01' 18"	F-48-41-C
thôn Tu Hạ	DC	xã Nậm Xé	H. Văn Bàn	22° 01' 59"	104° 01' 34"					F-48-41-C
thôn Tu Thượng	DC	xã Nậm Xé	H. Văn Bàn	22° 03' 24"	104° 01' 08"					F-48-41-C
đường tỉnh 151	KX	xã Sơn Thủy	H. Văn Bàn			22° 10' 57"	104° 15' 01"	22° 08' 01"	104° 16' 54"	F-48-41-D
quốc lộ 279	KX	xã Sơn Thủy	H. Văn Bàn			22° 06' 55"	104° 15' 31"	22° 08' 16"	104° 19' 04"	F-48-41-D
khe Ba Hom	TV	xã Sơn Thủy	H. Văn Bàn			22° 09' 50"	104° 17' 25"	22° 09' 26"	104° 16' 10"	F-48-41-D
thôn Ba Hòn	DC	xã Sơn Thủy	H. Văn Bàn	22° 09' 41"	104° 16' 17"					F-48-41-D
suối Chăn	TV	xã Sơn Thủy	H. Văn Bàn			22° 09' 47"	104° 16' 02"	22° 09' 47"	104° 14' 58"	F-48-41-D
thôn Khe Lếch	DC	xã Sơn Thủy	H. Văn Bàn	22° 08' 07"	104° 16' 43"					F-48-41-D
thôn Khe Van	DC	xã Sơn Thủy	H. Văn Bàn	22° 09' 57"	104° 16' 12"					F-48-41-D
khuổi Nghè	TV	xã Sơn Thủy	H. Văn Bàn			22° 08' 20"	104° 18' 49"	22° 07' 56"	104° 17' 21"	F-48-41-D
ngòi Nhù	TV	xã Sơn Thủy	H. Văn Bàn			22° 10' 56"	104° 14' 58"	22° 12' 39"	104° 13' 51"	F-48-41-D
suối Nhù	TV	xã Sơn Thủy	H. Văn Bàn			22° 07' 14"	104° 17' 29"	22° 09' 47"	104° 16' 02"	F-48-41-C
thôn Ta Khuấn	DC	xã Sơn Thủy	H. Văn Bàn	22° 12' 34"	104° 14' 32"					F-48-41-C
thôn Thác Dây	DC	xã Sơn Thủy	H. Văn Bàn	22° 07' 45"	104° 16' 27"					F-48-41-D
thôn Ba Soi	DC	xã Tân An	H. Văn Bàn	22° 09' 48"	104° 21' 44"					F-48-41-D
thôn Ba Xã	DC	xã Tân An	H. Văn Bàn	22° 09' 16"	104° 21' 56"					F-48-41-D
khe Hồng	TV	xã Tân An	H. Văn Bàn			22° 07' 10"	104° 22' 10"	22° 08' 28"	104° 23' 25"	F-48-41-D
sông Hồng	TV	xã Tân An	H. Văn Bàn			22° 09' 48"	104° 20' 35"	22° 07' 04"	104° 22' 16"	F-48-41-D
thôn Mai Hồng 1	DC	xã Tân An	H. Văn Bàn	22° 08' 08"	104° 23' 32"					F-48-41-D
khe Sang	TV	xã Tân An	H. Văn Bàn			22° 06' 16"	104° 22' 27"	22° 07' 29"	104° 24' 04"	F-48-41-D
phà Tân An	KX	xã Tân An	H. Văn Bàn	22° 10' 15"	104° 21' 07"					F-48-41-D
xóm Tân Lập	DC	xã Tân An	H. Văn Bàn	22° 07' 55"	104° 23' 51"					F-48-41-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 279	KX	xã Tân Thượng	H. Văn Bàn			22° 08' 16"	104° 19' 04"	22° 09' 43"	104° 20' 39"	F-48-41-D
thôn Cầu Thỉn	DC	xã Tân Thượng	H. Văn Bàn	22° 09' 33"	104° 20' 24"					F-48-41-D
khe Dài	TV	xã Tân Thượng	H. Văn Bàn			22° 10' 14"	104° 18' 38"	22° 10' 56"	104° 19' 49"	F-48-41-D
thôn Khe Tép	DC	xã Tân Thượng	H. Văn Bàn	22° 09' 54"	104° 20' 08"					F-48-41-D
thôn Khe Tôm	DC	xã Tân Thượng	H. Văn Bàn	22° 10' 23"	104° 20' 15"					F-48-41-D
bản Mai	DC	xã Tân Thượng	H. Văn Bàn	22° 11' 05"	104° 19' 30"					F-48-41-D
khe Tép	TV	xã Tân Thượng	H. Văn Bàn			22° 09' 27"	104° 19' 14"	20° 09' 57"	104° 20' 17"	F-48-41-D
khe Ù	TV	xã Tân Thượng	H. Văn Bàn			22° 11' 05"	104° 17' 13"	22° 11' 55"	104° 18' 57"	F-48-41-D
thôn Bản Bô	DC	xã Thẩm Dương	H. Văn Bàn	22° 03' 02"	104° 07' 01"					F-48-41-C
thôn Bản Thẳm	DC	xã Thẩm Dương	H. Văn Bàn	22° 02' 45"	104° 06' 27"					F-48-41-C
bản Cọ	DC	xã Thẩm Dương	H. Văn Bàn	22° 04' 25"	104° 04' 23"					F-48-41-C
nậm Con	TV	xã Thẩm Dương	H. Văn Bàn			22° 00' 30"	104° 06' 10"	22° 03' 23"	104° 07' 03"	F-48-41-C
nậm Khắt	TV	xã Thẩm Dương	H. Văn Bàn			22° 05' 07"	104° 05' 34"	22° 03' 42"	104° 06' 33"	F-48-41-C
nậm Miện	TV	xã Thẩm Dương	H. Văn Bàn			22° 00' 30"	104° 07' 26"	22° 02' 29"	104° 07' 28"	F-48-41-C
phu Một	SV	xã Thẩm Dương	H. Văn Bàn	22° 03' 16"	104° 07' 31"					F-48-41-C
bản Nậm Con	DC	xã Thẩm Dương	H. Văn Bàn	22° 01' 43"	104° 06' 03"					F-48-41-C
thôn Nậm Miện	DC	xã Thẩm Dương	H. Văn Bàn	22° 01' 37"	104° 07' 34"					F-48-41-C
làng Ngoang	DC	xã Thẩm Dương	H. Văn Bàn	22° 03' 23"	104° 06' 53"					F-48-41-C
núi Táp Nồm	SV	xã Thẩm Dương	H. Văn Bàn	22° 02' 28"	104° 07' 09"					F-48-41-C
thôn Thẳm Hiêm	DC	xã Thẩm Dương	H. Văn Bàn	22° 02' 29"	104° 05' 23"					F-48-41-C
thôn Bốp Hạ	DC	xã Văn Sơn	H. Văn Bàn	22° 13' 41"	104° 10' 38"					F-48-41-C
thôn Bốp Thượng	DC	xã Văn Sơn	H. Văn Bàn	22° 13' 42"	104° 11' 07"					F-48-41-C
thôn Buôn	DC	xã Văn Sơn	H. Văn Bàn	22° 14' 35"	104° 13' 30"					F-48-41-C
ngòi Cọ	TV	xã Văn Sơn	H. Văn Bàn			22° 13' 28"	104° 10' 29"	22° 14' 36"	104° 11' 12"	F-48-41-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cò Lay	DC	xã Văn Sơn	H. Văn Bàn	22° 14' 04"	104° 11' 01"					F-48-41-C
ngòi Nhù	TV	xã Văn Sơn	H. Văn Bàn			22° 14' 01"	104° 12' 42"	22° 14' 47"	104° 12' 14"	F-48-41-C
suối Phú Hưng	TV	xã Văn Sơn	H. Văn Bàn			22° 14' 36"	104° 11' 12"	22° 14' 57"	104° 11' 42"	F-48-41-C
thôn Thác Mẹt	DC	xã Văn Sơn	H. Văn Bàn	22° 14' 31"	104° 12' 52"					F-48-41-C
suối Thác Mẹt	TV	xã Văn Sơn	H. Văn Bàn			22° 14' 25"	104° 13' 24"	22° 14' 05"	104° 12' 40"	F-48-41-C
thôn Tống Tư	DC	xã Văn Sơn	H. Văn Bàn	22° 14' 19"	104° 11' 57"					F-48-41-C
thôn Văn Thủy	DC	xã Văn Sơn	H. Văn Bàn	22° 14' 40"	104° 11' 44"					F-48-41-C
đường tỉnh 151	KX	xã Võ Lao	H. Văn Bàn	22° 14' 42"	104° 11' 25"					F-48-41-C
suối Chăn	TV	xã Võ Lao	H. Văn Bàn			22° 08' 42"	104° 13' 38"	22° 10' 12"	104° 14' 43"	F-48-41-C
thôn Chiềng	DC	xã Võ Lao	H. Văn Bàn	22° 12' 43"	104° 11' 09"					F-48-41-C
khe Cọ	TV	xã Võ Lao	H. Văn Bàn			22° 13' 15"	104° 09' 40"	22° 13' 28"	104° 10' 28"	F-48-41-C
khe Đú	TV	xã Võ Lao	H. Văn Bàn			22° 11' 16"	104° 13' 00"	22° 12' 16"	104° 12' 14"	F-48-41-C
nậm Mả	TV	xã Võ Lao	H. Văn Bàn			22° 12' 13"	104° 10' 31"	22° 13' 29"	104° 13' 03"	F-48-41-C
nậm Mu	TV	xã Võ Lao	H. Văn Bàn			22° 11' 23"	104° 11' 29"	22° 12' 52"	104° 12' 34"	F-48-41-C
núi Pả Áng	SV	xã Võ Lao	H. Văn Bàn	22° 12' 18"	104° 13' 12"					F-48-41-C

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc